

SỰ XUẤT QUẢ
MÀ KHÔNG ĐỒNG



NHƯ THẾ NÀO LÀ GIẢI THOÁT?

THÍCH NỮ GIÁC LIÊN

Bút hiệu: Long Ngân Hà

(PHẬT LỊCH 2558 - 2014)

Như Thế Nào Là Giải Thoát

Mục lục

Lời giới thiệu

Bức tâm thư

Như thế nào là giải thoát?

Cái tên là tác phẩm của cuộc đời

Kính mừng Phật đản

Âm thanh huyền bí

Hân hạnh sinh vào xứ Việt Nam

Khóa tu gieo duyên

Ươm mầm giải thoát

Bức tranh tuyệt mỹ

Nam nữ bình quyền

Lời bình luận

Xuất gia học đạo

Tu chuyển nghiệp, hay bị nghiệp chuyển

Làm sao tránh khỏi Tứ khổ?

Đừng đánh trẻ con

Cha mẹ là cái phao của con

Trừ bậc dị nhân

Trẻ con tính năng động

Thai nhi có thính giác chăng?

Sanh con dễ, nuôi dạy con khó hơn

Kinh nghiệm giáo dục trẻ em

Hồi ức: Đạo ca “Cõi vô thường”

Xé đốt Kinh Pháp Hoa

Cầu Kinh Pháp Hoa với tâm sân giận

Pháp tu nào đi vào tự tánh?

Phận làm trò

Phận làm thầy

Những chuyện màu nhiệm nơi xứ Phật

Cứu vật mạng ơn, cứu nhân trả oán

Nhân quả dội ngược

Người tốt gặp quả tốt

Học hạnh thầy Minh Phát

Cứu người là niềm vui của bác sĩ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi không phải là một Phật tử, chỉ đơn giản là một người bình thường có tâm Phật. Nhưng cái may mắn của tôi là được làm việc tại một công ty xuất bản, đặc biệt là xuất bản sách về Phật pháp, được gặp gỡ, được nghe pháp thoại từ các vị Tăng Ni... để tôi luôn cảm nhận mình hạnh phúc và yên bình. Đây là phước đức lớn nhất trong cuộc đời của tôi.

Những ngày cuối thu nắng ấm, tôi được tiếp Ni sư Thích Nữ Giác Liên tại văn phòng công ty. Tôi thích gọi hai tiếng thân thuộc “Sur bà” hơn cả, vì sự ấm áp, chân tình trong từng lời nói, ánh mắt và cử chỉ đã lan tỏa tới tôi. Nụ cười hiền hậu, thân quen như bà nội của tôi vậy. Sur bà giới thiệu với tôi ba tập bản thảo *Như thế nào là giải thoát?*, *Thắp sáng đèn chân lý* và *Bờ giải thoát* ngay trong buổi gặp hôm đó. Tôi đã xin phép Sur bà được giới thiệu cuốn sách *Như thế nào là giải thoát?*, xin phép được cảm nhận theo cách của riêng tôi.

Cuốn sách *Như thế nào là giải thoát?* gồm 32 bài viết dung dị, mộc mạc mà thực sự sâu sắc như con người của Sur bà vậy. Phần lớn nội dung các bài viết tập trung giới thiệu và cảm nhận về nhân duyên tu hành của Sur bà, về cuộc sống màu nhiệm tại xứ Phật; về chăm sóc con trẻ theo cách nhìn của Đạo Phật; về gieo mầm hạnh phúc; về phận làm thầy, phận làm trò; về Nhân Quả kiếp người... Mỗi bài viết là một khúc ca tâm tình, là trải nghiệm, là bài học,... Tôi tin độc giả sẽ đọc và đọc nhiều lần.

Trong bài “Hân hạnh sinh vào xứ Việt Nam”, Sur bà chia sẻ: “Tôi mang dòng máu Ấn, hân hạnh sinh vào xứ Việt Nam. Xứ Ấn là mảnh đất thiêng, nhiều hiền nhân xuất thế. Xứ Việt Nam là mảnh đất địa linh nhân kiệt, sản sinh nhiều anh hùng cứu nước và dựng nước mà có nhân duyên với Đạo Phật như Phật hoàng Trần Nhân Tông và hai vị Thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường...” Sur bà đã lan truyền lòng tự hào dân tộc cho mọi người, Sur bà hãnh diện nói “... tôi hãnh diện dòng máu Ấn luân lưu trong cơ thể tôi, hòa lẫn suối nguồn của đất nước Việt Nam.”

Theo Sur bà, “giải thoát” có nghĩa là không bị ràng buộc, nhưng giải thoát không có nghĩa là chạy trốn và buông bỏ tất cả không định hướng. Tự tánh giải thoát không có gì ràng buộc, có những người không đòi hỏi giải thoát, họ sống rất hạnh phúc. Như các nhà khoa học, họ lấy thế giới làm nhà, lấy không gian làm lò sưởi ấm, lấy biển cả và rừng thiêng làm mầm sống. Họ vui lòng trước hiểm họa, trước cái chết trong những cuộc thám hiểm. Những vị ấy nào đợi giải thoát vì họ chẳng có gì để ràng buộc.

Ở cuốn sách, tôi bị thu hút bởi “Những chuyện màu nhiệm nơi xứ Phật”. Sur bà viết: “Người dân xứ Ấn và Nepal đời sống gần như gắn liền với thiên nhiên, môi trường sinh thái được bảo vệ. Dân Ấn trên một tỷ người, cộng với Nepal trên 20 triệu người, thế mà đa số họ ăn rau củ, không sát sinh loài vật. Người dân xứ Phật mang nhiều sắc tộc, tôn giáo. Quan niệm sống về tâm linh nhiều hơn!” Tôi ấn tượng với cảnh hùng vĩ trong “Bức tranh tuyệt mỹ”:

Đã đến nơi rồi đỉnh Tuyết Sơn,

Bâng khuâng xúc động tác lòng son.

Bao năm phiêu bạt đường sanh tử,

Nay đã trở về nơi cố hương.

Hy Mã Lạp Sơn cao đỉnh non

Bức tranh tuyệt mỹ, ẩn màu son.

Tuyết phủ quanh năm, vùng Thánh địa

Tuyết chẳng buồn vui chuyện mất còn...!

Tôi không khỏi chú ý với các bài viết về việc giáo dục trẻ em trong cuốn sách của Sư bà như “Đừng đánh trẻ con”, “Cha mẹ là cái phao của con”, “Sanh con dễ, nuôi dạy con khó hơn” , “Kinh nghiệm giáo dục trẻ em”. Sư bà khi còn trẻ đã từng có thời gian dạy trong cô nhi viện, và trường Trí Nhân tại Gia Định (nay là Tp. Hồ Chí Minh) từ những năm 1972- 1973. Sư bà vừa dạy trẻ bằng tình yêu thương vừa bằng kiến thức tích lũy từ các bài học tâm lý, từ các học giả Ấn Độ... Sư bà cho rằng: “Việt Nam chúng ta là đất nước thích học hỏi, cầu tiến, có những bậc anh hùng xuất thân từ áo vải. Những anh hùng này cũng lớn lên từ đứa trẻ. Phận làm cha mẹ nên chú ý dạy con, cho con học vẫn chưa đủ, chính gia đình sống đạo đức, vợ chồng hài hòa khi đó cha mẹ là tấm gương sáng nhất, nếu cha mẹ bất hòa, con bị mất điềm tựa tinh thần. Cha mẹ là cái phao của con khi con vấp ngã cuộc đời, cha mẹ ra tay cứu vớt đừng để con đi vào đường bế tắc, vừa vấp ngã, vừa bị tổn thương. Cần thận giáo huấn con em, uốn nắn nó từ nhỏ; phương pháp dạy trẻ có lúc nhu lúc cương... Sanh con dễ, dạy con nên người hữu dụng sau này mới khó.”

Tôi tin khi đọc mỗi bài viết trong cuốn sách này, các bạn sẽ tự soi lại mình trong đó để sống tốt hơn, sống thiện hơn và an lạc hơn.

Tôi phát nguyện sẽ tới thăm sức khỏe Sư bà tại xứ Phật trong một tương lai không xa. Kính chúc các bạn thân tâm an lạc!

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2014

Vũ Thủy

Giám đốc Bản quyền, Công ty CP Sách Thái Hà

BỨC TÂM THƯ

Tại Nepal, Việt Nam Phật Quốc Tự là một ngôi chùa lý tưởng cho những ai sống nội tâm! Nơi đây, không gian rộng lớn hòa cùng những hàng cây xanh tạo thành nét đẹp thiên phú. Bản đồ Việt Nam được gắn nhiều nơi, tượng trưng cho đất nước Việt Nam hiển hiện ở mọi nơi trên thế giới.

Tại Việt Nam Phật Quốc tự, chim hồng hạc xòe đôi cánh đẹp làm sao! Tiếng kêu của chim hạc đặc biệt hơn những loài chim khác khiến không gian càng cô quạnh, con người cảm thấy ý thức được dâng tràn... Con nhớ ơn Phật - Pháp tu tối thượng. Con nhớ ơn cha mẹ - đấng sanh thân. Con nhớ ơn thầy - Tổ sanh tâm...! Thầy là người mẹ tinh thần, luôn khuyến khích con trên đường đạo hạnh.

Nay dù Thầy đã về cõi vô ưu nhưng những lời huấn từ vẫn còn âm vang: “Văn ôn, võ luyện, nghe con! Là tu sĩ phải đem cuộc đời phụng sự Tam Bảo, nhân loại, học phải hành, bằng không thì tự đóng cửa kiến thức của mình, như tủ đựng sách khóa kỹ...”.

Đời tu của tôi, tuy nhiều trắc trở nhưng lại được “thù lao” rất lớn, đó là gặp được Tam sư: Thầy Bôn sư Ni sư trưởng Huỳnh Liên, Ân sư Thích Trí Quảng, Ân sư Thích Huyền Diệu. Những vị Thầy cao cả, luôn khuyến khích tôi trên đường tìm tuệ giác. Hòa thượng Huyền Diệu thường khuyên tôi: “Trước khi nhắm mắt lìa đời con phải để lại những tác phẩm và kinh nghiệm tu tập cho thế hệ sau”. Lời huấn từ của Thầy đầy mỹ ý. Tôi mãi rụt rè phân vân, Thầy ra những đề tài buộc tôi phải viết. Năm 2010, nhờ duyên lành, tôi đã xuất bản quyển Đường về xứ Phật.

Tự biết tìm hiểu, tôi biết mình có giới hạn! Xuất bản một lần đã e ngại lắm rồi, nay Thầy bảo viết thêm kinh nghiệm tu học, những quả báo tốt xấu trong cuộc sống, mắt thấy tai nghe. Nghĩ mình sở học còn non kém, đâu phải như Thầy học rộng hiểu sâu, nhưng không dám cãi lời Thầy, dù có đau đầu, nhức óc, cũng nguyện đóng góp chút ý thức. Mong Chư Tôn Đức, Chư liệt vị huynh đệ xem qua, có gì sơ sót, xin quý vị vui lòng tham khảo và chỉ giáo thêm.

Nepal ngày 18 tháng 04 năm 2011

Thích Nữ Giác Liên

NHU THỂ NÀO LÀ GIẢI THOÁT?

Giải thoát có nghĩa là không bị ràng buộc. Giải thoát bằng cách nào? Xuất gia chăng? Có câu: “Xuất gia, xuất giá cũng đồng đi; Hai nẻo khác nhau mới lạ kỳ; Cõi đạo đưa về nơi tịnh lạc; Đường đời đưa đến cảnh sầu bi?”.

Quan niệm xuất gia là không ràng buộc có tuyệt đối chăng? Kể ra không có gì tuyệt đối cả. Nếu ta xuất gia, giác ngộ, ý thức con đường lý tưởng, thì hạnh phúc an lạc biết bao? Ngược lại tìm giải thoát, kém tư duy, hay bức xúc, gặp cảnh phũ phàng, đè nén tâm tư, trốn chạy hiện thực... thì sự giải thoát có sợi dây vô hình thắt chặt càng khó tìm lối ra!

Có người khi nghe những trận động đất, nước lũ thiên tai đang xảy ra khắp thế giới... rồi cho rằng đời sẽ tận thế. Họ còn cho rằng đi tu là khỏi phải chết, được dự hội Long Hoa, đi tu sẽ được lột da sống đời. Chùa tôi có hai Phật tử miền quê quá chất phác, chạy theo ý nghĩ trên, qua thời gian thấy hơi tàn sức kiệt. Và cuối cùng hai người đã nằm yên dưới lòng đất.

Có những người cầu giải thoát, bị số người khích động đem gia tài bỏ thí, cầu phước báu để được sống lâu. Than ôi! Những người ấy sống dở, chết dở, chả còn lấy gì nuôi sống bản thân và gia đình? Vì vạn sự bá ưu tiên. Bỏ thí là việc tốt, nhưng sợ chết mà bỏ thí, có nên chăng?

Đã sợ chết là bị ràng buộc trong kiếp sống, nhưng cái chết là định luật. Thế thì phải làm sao? Trốn hang sâu núi thẳm, tránh tử thần chăng? Nơi ấy chỉ có đá và những dòng suối tuôn chảy. Hãy cẩn thận cầu giải thoát, phải trải nghiệm bản thân mình. Tôi đã tiếp xúc nhiều thành phần cầu giải thoát, muốn sống lâu nhưng họ đã vô tình lấy dây cột trói bản thân mình...!

Đức Phật sinh ra đời, Ngài cũng bị trói buộc, ngôi cao tột đỉnh, vợ đẹp, con xinh... Ngài tự mở trói chính mình, không vướng tơ hào nào cả và Ngài từ bi chỉ cho nhân loại cách mở khóa, tháo chốt, bằng phương châm: Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên. Phật đã đưa ra nhiều đề tài như tám muôn bốn ngàn pháp môn tu, nếu ta đi sâu vào tự tánh, những nút thắt tuy khó mở, dùng hấp tấp, từ từ mở sẽ có ngày thành công.

Giải thoát không có nghĩa là chạy trốn và bảo tất cả không định hướng. Tự tánh giải thoát không có gì ràng buộc! Sở thích cũng tạm gọi là tự tánh, có những người không đòi hỏi giải thoát, họ sống rất hạnh phúc, như các nhà khoa học. Họ lấy thế giới làm nhà, lấy không gian làm lò sưởi ấm, lấy biển cả và rừng thiêng làm màn sống. Họ vui lòng trước hiểm họa, trước cái chết trong những cuộc thám hiểm. Những vị ấy không màng được giải thoát, vì họ chẳng có gì ràng buộc.

Có câu nhất tu Thị, nhị tu Sơn, thứ ba tu Chùa. Câu nói hàm chứa ý nghĩa: Người tu Thị là sống giữa xã hội bon chen, có phong cách, tế nhị, khéo léo, uyển chuyển trong mọi lĩnh vực, tìm sự sống trong niềm vui an lạc.

Nhị tu Sơn, nói về người tâm cứng rắn và hiểu rõ 8 yếu tố mà người thường bị quay cuồng: Danh lợi, vui sướng, khen, chê, mong cầu, ganh tỵ, uất ức, khổ đau. Sự hiểu biết và tư tưởng người tu Sơn rộng rãi, bao la như núi rừng. Hỷ, nộ, ái, ố, lắng dịu. Họ thường vươn lên ít khi gục ngã hay thất bại trước đòn dư luận.

Thứ ba tu Chùa: Chùa tượng trưng cho lớp học Cao đẳng, đi sâu vào chân lý, là chỗ diệu dụng của Tự tánh, là môi trường hóa giải kiếp như ngành Y học Giám định Y khoa, phân tích những vết thương, bệnh nhân: Sâu hay nông và phải giải phẫu bệnh nhân bằng cách nào để bảo toàn sanh mạng con người!

Câu nói trên cũng như thân cây chia ba cành, luôn luôn tựa vào nhau. Ai muốn ăn trái đừng đốn gốc, cũng đừng vội vã hái trái xanh, rồi chê chua. Ai cũng biết rằng chuối hay xoài còn non thì xanh, khi chín đổi thành màu vàng sẽ ngọt. Bỏ chua tìm ngọt, khó lĩnh hội được cái tự nhiên của Trời đất.

Đạo Phật là đạo thực tế, có tính giáo dục, giáo lý thâm sâu, nếu người học tu thể hiện pháp Phật một cách mơ màng sẽ không phân biệt được trắng đen và cứ cầu giải thoát. Cũng sẽ giống như nấu cơm ngon, hay dở phải do người khéo nấu, cùng là gạo, nhưng có người khéo nấu thì được cơm ngon, người nấu vụng cơm sẽ bị khét.

Phương pháp tu cũng thế, ta chẳng bỏ nhu cầu vật chất hoàn toàn, cũng chẳng săn sóc thể xác hoàn mỹ, vì thể xác là những tập hợp của các phân tử, chẳng sớm thì muộn cũng bị luật vô thường cướp đi. Đạo Phật là đạo phát triển tâm linh, đi sâu vào thế giới tự giác. Trong kinh Phật thường dùng lối khai quyền hiển thiệt, cho nên Phật dạy: “Y kinh diễn nghĩa, tam thể Phật oan; Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết” (Nếu chấp chặt nơi văn tự mà giải nghĩa, thì oan cho ba đời đức Phật, mà rời bỏ kinh điển thì lại lạc vào những tà thuyết của ma vương).

Có người hỏi Bồ Đại hòa thượng phương pháp tu hành ra sao? Ngài không đáp, bỏ túi vải xuống. Vị khách hỏi tiếp, Ngài mang túi vải lên vai. Khách hỏi nữa, Ngài xoay lưng đi luôn, chẳng đáp lời nào cả. Tại sao Ngài có thái độ lạ thế? Ngài thể hiện lời dạy bằng hành động: Buông xuống là không chạy theo ngũ dục, mang túi vải lên vai là đi trên đường hướng thượng, cao cả và xoay lưng đi thẳng, vì mọi vật trên đời gìn giữ sẽ bị kẹt.

“Nắm chặt mây che cửa động

Giải đãi trắng lặn vực sâu

Có gió dữ mới hay cây cỏ cứng

Có đường dài mới biết sức ngựa hay”.

Nếu cầu giải thoát một cách bừa bãi, như thuyền lạc hướng giữa biển nước mênh mông. Than ôi! Trước mặt mây mù, sau lưng thì nước lũ, mịch mịch sấm chớp giăng, lối đi không phương hướng, lối về tắc nghẽn tương lai. Người có giải thoát thực sự, nhận thức rõ nguyên lý Âm, Dương của Vũ trụ biết thân đã gá mộng! Làm sao không còn mộng, như lời Hòa thượng Thanh Từ nói:

Gá thân mộng

Đạo cảnh mộng

Mộng tan rồi

Cười vỡ mộng

Ghi lời mộng

Nhẫn khách mộng

Tỉnh cơn mộng.

Nepal, ngày 25 tháng 06 năm 2011

CÁI TÊN LÀ TÁC PHẨM CỦA CUỘC ĐỜI

Thầy Huyền Diệu rất chú ý khi đặt pháp danh cho đệ tử xuất gia hay tại gia. Thầy nói: “Cái tên là tác phẩm của cuộc đời”. Thầy được cha mẹ đặt tên là Trung Quốc, thân sinh của Thầy có mong ước khi lớn lên con mình sẽ là người trung quân, ái quốc. Nhưng khi Thầy xuất gia, Hòa thượng tôn sư Hoằng Nhân đặt pháp danh Thầy là Thiện Diệu, chữ Thiện Diệu tượng trưng cho ánh trăng tròn và thời gian sau đổi tên là Huyền Diệu.

Cái tên Huyền Diệu đã đưa Thầy vào thế giới tâm linh. Cuộc sống của Thầy luôn chuyển biến, ẩn chứa những thực tính. Vì thế, mọi hình thức bên ngoài từ ăn mặc, ở, đi lại..., Thầy sống rất đơn giản, tự lo bản thân mình, không gây sự khó khăn hay bận rộn cho đệ tử xuất gia, lẫn tại gia. Ai sống gần Thầy sẽ cảm nhận không khí hài hòa, an lạc bao trùm.

Dù rằng Thầy học cao, hiểu rộng nhưng đức tính khiêm nhường và chịu khó lắng nghe những nỗi khổ của tầng lớp dân nghèo trên thế giới. Tình thương của Thầy đã nhập vào đại thể, Thầy thường xuyên làm những công tác từ thiện xã hội như xây cầu, đắp lộ, cất trường học,... không riêng gì xứ Ấn, Nepal hay Việt Nam. Thầy còn đóng góp ý thức - Hòa bình Nepal. Đa số Phật tử kính quý Thầy vì Thầy có tầm nhìn xa và có tình thương nhân loại khắp toàn cầu.

Thật là hữu hạnh, cha mẹ đã cho Thầy cái tên Trung Quốc, trung với nước, nghĩa với mọi người... Hòa thượng ân sư Hoằng Nhân lại tặng thêm pháp danh Huyền Diệu, cuộc đời Thầy được gắn liền cái tên và pháp danh sâu sắc ấy, thật là mỹ từ đáng ấn tượng. Khi Thầy xây dựng ngôi chùa tại Ấn Độ, cảm nghĩ đầu tiên khởi lên trong tiềm thức, lòng tri ân với bậc Tôn sư khả kính, nên Thầy có ý định chọn pháp hiệu chùa là Hoằng Nhân Đông Tây Tự.

Vì Thầy Huyền Diệu sinh ở phương Đông, cái nôi bảo dưỡng Thầy là xứ sở Việt Nam, và khi Thầy trưởng thành, xa quê hương Việt Nam, du học xứ người phương Tây, với khối óc, đôi bàn tay trắng, sở học và chí nguyện được thành tựu. Nhớ công ơn Thầy bốn sư, nhớ những lời huấn từ cao cả nên Thầy Huyền Diệu định ghép danh hiệu chùa là Hoằng Nhân Đông Tây Tự.

Khi chùa sắp hoàn thành, Thầy lại có sáng kiến mới hơn, Thầy nghĩ rằng: “Đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam hơn 2000 năm, trải qua nhiều thế kỷ, qua bao thế hệ thăng trầm. Những cao Tăng đã góp công vào việc hoằng pháp độ sinh, những công sức trí tuệ và tinh thần cao cả của các bậc tiền nhân và cũng có sự bảo trì chánh pháp của bậc tôn túc, trong ấy có ân sư Hoằng Nhân, Phật giáo mới được phát triển và tồn tại như ngày hôm nay.

Đạo Phật là đạo từ bi cứu khổ, tự giác, giác tha, bình đẳng, trí tuệ. Đạo Phật đã được quốc tế suy tôn và nhà nước Việt Nam công nhận. Được nhân dân Việt Nam hưởng ứng tôn trọng. Đạo Phật đã ăn sâu vào lòng người. Nếu ta đặt pháp hiệu “Hoằng Nhân Đông Tây Tự”, ta chỉ tri ân riêng bậc Thầy tôn kính thay vì ta đổi pháp hiệu ngôi chùa mang tên Việt Nam, danh dự cho đất nước Việt Nam.” Từ cảm nghĩ trên nên Thầy Huyền Diệu đổi pháp hiệu ngôi chùa mang tên Việt Nam Phật Quốc Tự, danh hiệu này đã được giới trí thức chú ý, ngay cả những người bình dân khi tham quan cũng cảm thấy hãnh diện với các tôn giáo khác trên thế giới.

Tôi đã tiếp xúc với một số nhân sĩ và những vị lãnh đạo cao cấp Việt Nam. Quý vị ấy đến viếng chùa,

trực tiếp nói với tôi những lời đầy ý thức: “Khi tôi đặt chân đến xứ Phật, nghe nói có chùa Việt Nam, tôi đến viếng, tận mắt thấy hình ảnh ngôi chùa trang nghiêm, lối kiến trúc mang phong cách của quê hương và vào bên trong lại có bản đồ Việt Nam gắn nhiều nơi, tôi thấy dâng lên trong lòng cảm xúc tự hào. Các anh em hôm nay đến viếng chùa, vài người biết mặt Thầy Huyền Diệu, riêng tôi chưa một lần đối diện, dù rằng tôi chưa hân hạnh diện kiến cùng Thầy, nhưng tôi hoan nghênh việc làm của Thầy. Thầy đã biểu dương tinh thần của một đất nước, bằng hành động thiết thực. Thầy là Thầy tu lý tưởng, một lần nữa tôi thay mặt cho dân tộc Việt Nam tán thán hành động này”.

Hai ngôi chùa Việt Nam đã hình thành trên đất Phật cũng lao đao, lặn độn như đất nước Việt Nam. Đất nước nhỏ bé hào hùng luôn bị ngoại xâm dòm ngó, bao nhiêu anh hùng đã trải qua bao thế hệ, vì nước quên thân. Họ đã đổ máu xương nơi sa trường để hi sinh cho Tổ quốc. Ngôi chùa mang tên Việt Nam luôn bị sóng gió vùi dập. Nếu Thầy Huyền Diệu không trui rèn gương nhẫn, không vui chịu cảnh ngộ, Thầy sẽ bị ngã gục với những cuộc thử thách bằng bạo lực! Trong các trận chiến bạo lực, một người bạn của Thầy là một nhà sư Nhật Bản đã mãi mãi ra đi, dường như để thay thế cho mạng của Thầy!

Biết bao oan trái dập dồn, bao thử thách cam go, bằng dũng chí, kiên trì, chịu khó, chịu nhọc, Thầy đã xây dựng hai ngôi chùa với bao công sức và trí tuệ của Thầy, cộng thêm tâm đạo của những vị mạnh thường quân, tất cả đều được thúc đẩy bằng niềm khao khát, muốn xứ Việt Nam có mặt trên thế giới thông qua hình ảnh ngôi chùa Việt Nam.

Dù bất cứ nơi đâu! Bất luận xứ nào, thì người Việt Nam không bao giờ quên quê hương, xứ sở của mình. Nơi đất khách quê người tại California, dân Việt Nam chung sức chung lòng tạo dựng ngôi chợ của người Việt. Mô hình giống như chợ Sài Gòn. Người Việt Nam ở xứ ngoại đã nói lên tình yêu quê hương và không quên mình là người con Việt. Tuy thế con người bị mang danh từ là thế gian, không thể có cái gọi là hoàn hảo. Có những chiến sĩ trận vong, đã hy sinh tính mạng để cứu nước. Họ không hề đòi hỏi bằng tuyên dương hay huy chương rực rỡ. Ngược lại, cũng có những người chưa hề góp công vào việc xã hội lại muốn được mọi phương tiện biểu dương.

Đạo Phật cũng thế, có những mạnh thường quân từ phương xa gởi tiền xây dựng Tam Bảo, lại giấu mặt ẩn tên! Họ như những chiến sĩ hy sinh vì tổ quốc không cần hồi báo, ngược lại có những người không hề góp công, góp một đồng xu vào việc xây dựng Phật tự! Thế mà, họ đến chùa muốn làm người cõi trên, muốn gồm thu lục quốc như Tần Thủy Hoàng! May là Thầy Huyền Diệu còn đó, khối óc của Thầy thừa năng lượng, biết họ nghĩ gì và sẽ làm gì.

Thế thì mọi dự tính của họ bị đảo lộn, họ không được thỏa mãn mọi nhu cầu ham muốn. Họ trở thành oan gia trái chủ với Thầy, người thành lập ra ngôi chùa Việt Nam phải chung thuyền với số phận Việt Nam chăng?

Hình ảnh ngôi chùa là nơi học Phật tâm linh, nếu ai có đạo tâm kiên cố, giác ngộ chân tâm mãnh liệt, thì chân trời hạnh phúc, an lạc sẽ đến với họ và những vị ấy không bao giờ quên nuôi dưỡng huệ mạng của chính mình. Họ là những vị hướng đạo sư hay giúp đỡ bạn đồng hành trong kiếp sống. Cái tên Huyền Diệu có lẽ được hấp thụ nguyên lý nhiệm mầu của trời đất! Vũ trụ bao la không thể đo lường, biển cả rộng lớn sao sánh bằng pháp Phật thâm sâu, việc làm của Trời đất sâu kín khó lường nhưng quy luật thiên nhiên ẩn chứa nguyên lý âm dương hỗ trợ cùng nhau rất chặt. Con người sống trong quả địa cầu, không ai có thể nắm bắt nguồn rung cảm của vũ trụ, thiên nhiên không nói bằng lời nhưng đã nói vạn lời.

Tôi mang trong mình một nửa dòng máu Ấn, khi mang thai tôi, cha mẹ luôn cầu nguyện, mong tôi là gái. Người Ấn rất tôn trọng thánh nữ Fatima, cũng như Việt Nam thường cầu nguyện Quán Thế Âm. Tôi là hài nhi sinh ra làm vui lòng cha mẹ, lời ước nguyện được thành tựu, tri ân thánh nữ Fatima, nên ba đặt tên tôi là Fatima.

Tôi lại thêm tên Việt Nam là Ngọc Chi và khi tôi còn là tiểu Phật tử, sư Giác Huệ cho pháp danh là Giác Ngọc. Một số Phật tử sùng sốt vì tôi là trẻ con phải dùng chữ Mỹ Ngọc hay Mỹ Huệ, tại sao sư lại dùng chữ Giác? Sư Huệ đáp: “Tôi thuyết pháp quá lâu, mệt quá, nhìn mặt nó không rõ, tưởng nó là người lớn, thôi lỡ rồi, thời gian nữa nó cũng thành người lớn vậy”.

Khi tôi xuất gia, được thọ giới sa di, giáo hội họp lại bàn bạc xin đổi tên tôi. Vì ý của Tổ sư Minh Đăng Quang truyền lại cho các môn đồ, thu nhận đệ tử xuất gia Tăng lấy chữ Giác làm đầu, còn Ni thì dùng chữ Liên.

Nếu tôi mang tên Giác là pháp hiệu của Tăng, không hợp cho phái nữ. Lúc đó tôi còn trẻ, chưa thông giới luật, cũng chẳng hiểu mặt ý của Tổ sư. Tôi có cái hiểu của riêng tôi: Tên Giác là giác ngộ, hơn nữa bản thân tôi không thích thay đổi, dù mặc chiếc áo rách không nữ phũ phàng xé bỏ, há chi sư Huệ đã ban cho tôi pháp danh, tôi xem như báu vật, nghĩ thế tôi bạo gan thưa cùng giáo trưởng: “Bạch sư lớn, xin đừng đổi tên con”.

Thầy bốn sư của tôi, Ni sư trưởng Huỳnh Liên, cười mở, hài hòa nói: “Thôi, nó muốn tên Giác thì cứ để cho nó gánh vác đi, và Thầy tiếp, tên Giác phải gánh vác việc Phật sự, nửa làm tăng, nửa làm ni có chịu không?”. Tất cả đại chúng cười vui vì câu nói đùa ấy! Riêng tôi chẳng hề chú ý là Tăng hay Ni gì cả, không phải đổi tên là tôi mãn nguyện lắm rồi. Bây giờ trở lại tên Ngọc Chi, khi tôi sinh ra mọi người cho là điềm phúc vì có cha, có mẹ. Nói về mặt vật chất, với gia tài của cha, khi lớn lên tôi không cần bốn ba cũng đủ ấm no. Thế mà vô thường biến đổi, ba tôi về nước, chỉ 7 tuổi đầu tôi đã phải chịu cảnh chia ly! Có cha, cha về Ấn, có mẹ, mẹ phải ra đi, vì ông nội treo hình khắp nơi tìm cháu. Nếu nội tìm được tôi, mẹ sẽ bị đưa ra tòa vì tội chống lệnh tòa án, nên mẹ phải trốn chui, trốn lủi! Cái tên Ngọc Chi chẳng có gì may mắn cả, chẳng có chi cả. Tuổi ấu thơ tôi sớm xa cha, cách mẹ và phải ở với ngoại.

Cái tên Chi tạm gác lại, vì cũng còn an ủi tên Fatima, có lẽ tên bà thánh này có chút ảnh hưởng cứu vãn mạng tôi, nên khi còn nhỏ tôi thích đi chùa, thích làm Tăng, thích ăn cơm chùa. Những ngày rằm lớn, tôi rủ các bạn trẻ đi chùa, các bạn ăn cơm hay ăn bánh một vài ngôi chùa thì bụng đã no và không ăn nữa. Còn tôi chỉ dùng chút ít cơm hay bánh để dành bụng đói ăn đủ 10 chùa mới thôi, dù chùa xa đến đâu tôi cũng tới. Có lần rằm lớn tôi bị bệnh cũng cố gắng đi cho đủ 10 chùa, ăn bánh không nổi, uống nước bụng đầy hơi, thế mà cũng cố gắng lê chân bước đi, nếu không đủ 10 chùa nhất định không về.

Tôi giống ai đây? Giống cha, giống mẹ, hay ảnh hưởng cái tên của bà thánh Fatima? Lại còn pháp danh Giác Liên nữa, bạn tu của tôi là ni sư Hạnh Liên lại tìm cho tôi bút hiệu Long Ngân Hà. Ngân Hà là một dải tinh tú, bắc cầu cho muôn người bước qua. Cái tên Ngọc Chi, Fatima, Giác Liên, Long Ngân Hà, là xâu chuỗi dài vô tận: Không có chi cả, gánh vác mọi việc, bắc cầu cho mọi người bước qua... vì thế đời tu của tôi luôn bấp bênh, không có chỗ định hướng. Ở chùa nào khi xây cất xong là có việc phải đi nơi khác, muốn cũng không được, tránh cũng không xong.

Lời nói đùa của Thầy tôi: “Con là dòng máu Gandhi”, lá rụng sẽ về cội, đã biến thành sự thật, hiện nay mỗi năm tôi về Ấn 6 tháng để trả nợ dòng máu Ấn luân lưu trong người tôi, hơn nữa là đệ tử của Phật, con đường tôi đi không có quyền từ chối, tôi được hân hạnh phụ việc Phật sự tại Việt Nam Phật Quốc Tự. Chữ Giác trong hàng tăng do Tổ sư mật ý truyền khẩu, tôi thỉnh cầu chữ Giác mang tên mình cho bằng được, nên hiện nay bị lọt vào thế giới nam nhân. Tuy rằng nơi Việt Nam Phật Quốc Tự có cả nam, nữ Phật tử đồng tu, cương vị không đặt trách nhiệm tuyệt đối. Tôi là người thiếu nợ Phật, thiếu nợ Pháp, thiếu nợ Tăng... do tuổi trẻ dùng đủ cơm 10 chùa mới chịu. Ở Việt Nam tôi tu học, hành đạo mới có 8 chùa, định mạng đây đưa về xứ Phật trả nợ thêm 2 ngôi chùa mới đủ chăng?

Đôi khi có những pháp thoại giữa đại chúng dưới sự chứng minh của Thầy Huyền Diệu, bình luận về Phật pháp, Tăng, Ni hay gia đình xã hội... tôi có đôi lời góp ý: Tăng, Ni là rường cột của chánh pháp, phải học Phật, Huân tu có chất lượng, phải có phong cách của người xuất gia, không đòi hỏi sự bình quyền nhưng phải cân bằng về mặt tâm lý. Mỗi người xuất gia dù rằng Tăng hay Ni là những đóa sen thanh khiết, là con Phật, mang hình tướng Như Lai, phải đặt trọn niềm tin chánh pháp của Như Lai và làm sáng tỏ giáo lý Phật đà.

Có một số huynh đệ thắc mắc: Sao tôi người nữ lại ở chùa nam? Xin thưa cùng quý vị, tôi là người nữ đã quá tuổi thất tuần, hơn nữa ở Việt Nam Phật Quốc Tự, thế giới không có nam, nữ, chỉ có những tâm hồn Huân tu, ý thức và am hiểu, kiếp người ngắn ngủi, vô thường tức tốc? Nên luôn trau dồi huệ mạng, học bài học quên thân tứ đại. Nơi đây sức nóng oi bức của mặt trời, mùa nắng gắt gần 50 độ, mùa đông kéo tới lạnh buốt 5 hay 3 độ...! Chúng tôi không còn thời gian thấy nam hay nữ, vì chúng tôi là những “chiến sĩ” phải đo sức với thiên nhiên, quyết tìm trong sâu thẳm, tự tánh “bỏ lại diện mục” của chính mình.

Quý vị hãy thử một lần về xứ Ấn, trải nghiệm bản thân mình, dò xét lý trí mình, bằng một cuộc thử thách: Lạy kinh Pháp Hoa từng chữ, liên hệ với Phật từng câu... đầu gối quý vị bị tê cứng, tay chân quý vị rụng rời, những khớp xương chuyển động... rồi những gì huyền bí sẽ đến với quý vị, quý vị sẽ không còn thời gian rảnh phân ranh nam hay nữ. Nhưng tuyệt đối khỏi óc quý vị luôn minh mẫn tràn ngập chiều sâu trong tâm thức như dòng nước êm đềm cuộn chảy! Sự an lạc tràn ngập nội tâm. Hãy dâng trọn vẹn cuộc đời tìm tri kiến Phật, tìm lẽ nhiệm mầu của chánh pháp, không nên ngồi nhà mát, ăn bát vàng, mãi bàn chuyện thị phi, uống kiếp đời gieo giống Phật. Nào! Bây giờ ai muốn cho tôi là nam thì tôi là nam, ai muốn cho tôi là nữ thì tôi là nữ.

Kathmandu, Nepal, ngày 02 tháng 08 năm 2011

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

2635: Phật lịch 2555; dương lịch: 2011

Đã bao lần tôi về Ấn Độ và Nepal để dự lễ Phật đản. Năm nay Thánh địa Lumbini (Lâm-Tỳ-Ni) tu sửa thêm nên thoáng mát, rộng rãi. Buổi lễ diễn ra rất long trọng, hoành tráng, có cả Tổng thống tham dự. Dân chúng kéo đến rất đông, mừng ngày Đấng cứu thế ra đời...!

Tôi có cảm giác vô cùng xúc động khi nhìn trụ đá cảm niệm Đức Phật giáng sinh. Năm 250 trước Tây lịch, Hoàng đế A-dục đã dựng trụ đá ghi rõ: Đây là nơi sinh Đức Phật Thích Ca. Nhà sử học Tây phương nói: Trụ đá này là bản khai sinh của Phật. Còn Hòa thượng Huyền Diệu cho rằng: “Trụ đá là nhân chứng biết nói - vì còn 5 dòng chữ đã khắc trên bia đá”.

Khoảng 8 giờ sáng, nghi lễ bắt đầu, các tôn giáo bạn trú xứ tại Lumbini, Tăng đoàn các nước (Nhật, Trung Quốc, Thái Lan, Sri Lanka, Đài Loan, Pháp, Đức, Áo, Nepal, Ấn Độ giáo, Miến Điện, Nepal, Việt Nam, Campuchia...) đều có mặt. Chư Tăng Ni theo nghi thức riêng của mỗi nước đều tụng kinh. Hòa thượng Huyền Diệu cùng Tăng Ni và Phật tử Việt Nam dâng hương lễ Phật. Nơi thánh địa âm vang lời cầu kinh, hòa lẫn những tiếng trống, chuông, mõ... âm vang hùng hồn, thanh âm êm dịu như ru hồn khách mộng trở về cõi tịnh, phủi sạch nợ trần ai!

Tôi nhìn trụ đá cảm nhớ ơn Đấng Từ phụ muôn đời của nhân loại: Thái tử Sĩ Đạt Ta, dòng Thích Ca oai hùng, quên đời vương giả, bỏ chốn thâm cung, gót son phong trần! 6 năm khổ hạnh rừng sâu! 49 ngày chứng quả tại cõi Bồ đề. Đức Phật là người bằng xương, bằng thịt, như người bình thường... mà quá phi thường.

Cuộc đời của Đức Phật từ khi sinh ra cho đến khi đắc đạo, hành đạo và Niết Bàn... đều ở gốc cây. Ngài sinh tại Lumbini dưới tàn cây Hoa Vô ưu. Ngài thành đạo dưới cội Bồ đề. Khi Phật dạy đạo cho đồ chúng cũng ngồi dưới bóng cây và khi nhập Niết Bàn, hơi thở cuối cùng, Ngài vẫn nằm giữa hai tàn cây Sala song thọ. Sự giáng trần của Ngài hình như có sự sắp đặt thiêng liêng, khoa học khó giải thích được. Chỉ có những tâm linh hòa với tâm linh mới đạt được tâm cảnh này!

Lịch sử ghi rõ, lúc Thái tử Sĩ Đạt Ta rời hoàng cung, trốn ra khỏi thành Ca Tỳ La Vệ cũng vào lúc Công chúa Da Du Đà La sinh Thái tử La Hầu La, nhân dịp đó Ngài bỏ trốn. Nhưng trước khi đi, Ngài muốn nhìn mặt con trẻ lần cuối. Ngài vào phòng thấy Công chúa đang ngủ say, ôm lấy đầu con thơ với tư thế che chở.

Ngài không nhìn mặt con được và Ngài đi đến chuồng ngựa gọi Xa Nặc, Xa Nặc nghe tin Ngài định trốn đi, thưa rằng:

Hỏi: Trời đất nhân gian, mờ mịt quá,

Giờ đây Thái tử định đi đâu?

Đáp: Chính đời mù mịt nên ta phải

Đi để tìm ra ánh đạo mầu.

Hỏi: Ngày mai bao kẻ sầu tang tóc

Ly biệt thừa Ngài lắm khổ đau?

Đáp: Ta sẽ trở về khi thấy đạo

Giải thoát nhân gian vạn khổ sầu.

Và Ngài tiếp: Rộn rã chim muông ríu rít ca

Dường như chào đón Sĩ Đạt Ta

Xa xa lấp lánh dòng sông bạc

Xa Nặc về đi cứ mặc ta.

Và Ngài đến dòng sông Anoma cắt tóc trao đồ cho Xa Nặc. Ôi! Cao cả thay Đức Phật của chúng ta. Cương vị hoàng gia sống trong cung hoàng điện ngọc, vợ đẹp, con xinh, ngôi báu sẵn dành... thế mà ra đi tìm giải thoát, dầm mưa dãi nắng, kham nhẫn mọi cảnh ngộ, mục đích cung hiến trí tuệ cho chúng sanh. Ai đã làm được công hạnh vĩ đại này? Chỉ có đáng từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Khi Phật chứng quả, nói cùng chúng tăng: “Lúc ta còn trẻ là trang nam tử, ta cắt tóc đen, cha mẹ ta phản đối khóc đầy nước mắt, ta cũng nhất quyết xuất gia. Vì ta nhịn ăn quá lâu nên thân thể gầy yếu, ta không còn sức chịu đựng, tay chân ta như lóng tre, xương sống, xương sườn lòi ra cũng như cột của căn nhà đổ nát, đồng tử của ta nằm sâu như cái hố, thăm thẳm lung linh như độ giếng nước sâu. Da đầu ta khô héo, nhăn nheo như trái mướp đắng. Ta sờ vào da bụng và xương sống ta, hai thứ gần như dính lại.”

Nghe lời than của Phật, dù rằng trên trang sử nhưng cũng xót xa tận đáy lòng...! Tội nước mắt long trông! Đức Phật hành đạo quá khổ hạnh, mỗi ngày chỉ dùng vài hạt mè nuôi thân. Nhờ bát sữa của nàng Su Già Ta, Ngài có chút năng lực, tìm đến cội Bồ đề tọa thiền! 6 năm khổ hạnh, 49 ngày hành thiền. Tâm như bất động. Trong 49 ngày, Ngài ngồi thiền dưới 7 gốc cây.

Tuần thứ nhất Ngài ngồi tại cội Bồ đề. Tuần thứ 2, Ngài ngồi gần xéo cổng chính, nay làm tháp Animesh Locahn Chaitya. Tuần thứ ba, Ngài ngồi gần cội Bồ đề, có trụ đá và những đóa sen. Lúc ấy, Chư thiên nghi ngờ sự chứng quả của Phật, nên Ngài hiện thân thông, tạo thành ánh sáng rực rỡ và từ đó mọc lên 7 đóa sen. Phật đi kinh hành trên những đóa sen ấy. Tuần thứ tư, Phật an trú dưới gốc cây, nay làm đền thờ Rajagriha. Lúc đó Phật phóng hào quang ngũ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, cam. Tuần thứ năm, nơi cổng chính bước xuống cầu thang có trụ đá đánh dấu: Đây là nơi phía Đông Phật thiền định dưới cội cây Bồ đề. Tuần thứ sáu phía Nam Đại tháp, có hồ nước lớn. Lúc ấy Phật tọa thiền trong đêm mưa bão sấm sét, măng xà vương Mucalinda (Thần Rắn Naga) 7 đầu xuất hiện bảo vệ che mưa cho Phật và tuần thứ bảy Phật hành thiền phía Đông Nam, gần cội Bồ đề không xa, Ngài an trú cội cây Rajayatana và Phật được hai thương buôn người Miến Điện tên là Tapussa (Ba Lợi) và Bhallika (Đề Vị), đến từ Ukkhala cúng dường cháo mạch và bánh mật ong. Đức Phật dùng thực phẩm xong, nhổ tóc tặng hai vị thương buôn ấy, và hai vị xin làm đệ tử Phật. Đó là hai vị đệ tử cư sĩ quy y đầu tiên và khi hai thương nhân về nước, xây tháp bằng vàng thờ tóc Phật. Hiện giờ còn ở Miến Điện gọi là chùa Tháp Vàng.

Đức Phật chứng quả thấy rõ chúng sanh trong sáu đường, quay cuồng trong kiếp luân hồi, bánh xe luân hồi chẳng buông tha ai cả! Nỗi khổ của chúng sanh bị kéo dài vô cùng tận. Đức Phật đã thoát ra, Ngài nói: “Trong dòng sông chết vô tận ta chạy mãi không nghỉ ngơi, từ bào thai này đến bào thai khác đuổi theo người chủ ngôi nhà. Ta phát giác người rồi mái sườn đều sụp đổ. Tâm lìa tạo tác tất cả diệt trừ xong”.

Đức Phật để lại cho chúng ta kho tàng vô giá: Di sản là trí tuệ, Hạnh độ tha, gương nhẫn nhục. Ngài đã hươi gương huệ, đoạn lìa dây ái...! Cắt đứt lưới tình, chúng quả vô sanh, thế mà còn bị oan gia trái chủ Đề Bà Đạt Đa vô tâm sát hại...! Lúc Phật tọa thiền tại núi Linh Thứu cùng Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên, A Nan... Đề Bà Đạt Đa cho hai binh sĩ ám sát Phật. Lệnh truyền: Hai tên lính ấy giết Phật xong phải xuống đường cũ! Hai người lính ấy mang gương lên núi, khi đến gần Phật, họ hôn mê bất tỉnh hồi lâu, khi tỉnh lại, sám hối Phật và trình bày kế hoạch của Đề Bà Đạt Đa.

Đức Phật an ủi hai người ấy và Phật chỉ đường tắt cho họ xuống núi. Phật khuyên hai binh sĩ đừng theo nghề cũ nữa... Riêng Đề Bà Đạt Đa dù sắp đặt kế hoạch rất chu đáo nhưng cũng bị thất bại. Ông sai binh sĩ khi lên núi giết Phật xong, phải xuống đường cũ và đã có bốn binh sĩ khác chờ giết hai tên lính kia; và bốn người sát nhân cũng phải xuống đường cũ, sẽ bị tám sát nhân khác giết bốn người đó, và tám sát nhân xuống tới chân núi cũng bị 16 người phục kích thanh toán! Âm mưu rùng rợn bị hồng, hai binh sĩ trước trốn mất, nhờ thế mà những tên sát nhân sau bỏ trốn luôn!

Khi Phật sắp nhập Niết Bàn liền gọi Ngài A Nan đến dặn: “Ta đã già, 80 tuổi, đến hạn kỳ cuối, đời người như cỗ xe cũ chạy nhờ những sợi dây chằng chịt nâng đỡ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông hãy lấy chánh pháp làm nơi an trú. Không nên tìm nơi an trú khác.” Lời dạy của Đấng Thế tôn là lời châu ngọc, là ánh đuốc soi đường, cảm ứng hàng trăm triệu người trên thế giới. Giáo pháp của Phật dạy: Duyên sanh, từ bi, trí tuệ, bình đẳng, giải thoát và giác ngộ!

Trong phiên họp ngày 15 tháng 2 năm 1999, Hội đồng Liên hiệp quốc đã ý thức ký kết công văn số (A/54/L-59) quyết định hàng năm tổ chức ngày lễ Vesak, vào tháng 5 dương lịch, là ngày trăng tròn để kỷ niệm tưởng nhớ ngày sinh, ngày thành đạo và ngày nhập diệt của Đấng cứu thế muôn đời của nhân loại.

Bạch Đức Thế tôn, giáo lý của Ngài như mặt trời rực chiếu, xoay vòng không bao giờ tắt...! Như ánh trăng thượng tuần, như Thái Sơn hùng vĩ... Ngài đã nhập Niết Bàn trên 2000 năm. Những lời Di giáo của Ngài như những dòng suối thiên nhiên cuồn cuộn chảy mãi, không cần số đếm và cũng không có chỗ gọi là tận cùng.

Hôm nay kỷ niệm đản sinh, nơi Phật giáng trần, chúng con cảm nhận công ơn Phật bằng tất cả trái tim... Ngài là vị Đạo sư cao cả, vĩ đại tuyệt vời... Ngài đã dũng mãnh bỏ lại những gì lạc thú trần gian... Oai hùng, kham nhẫn, vui chịu mọi cảnh ngộ... Ngài đã thực hành bản thân mình: Tìm đạo, Chứng đạo và Dạy đạo! Hôm nay Tăng Ni chúng con cùng Phật tử nguyện noi dấu bước chân Ngài. Sống trong chánh pháp của Ngài...!

Bạch Đức Thế Tôn, dù chúng con sinh ra khi Phật đã nhập Niết Bàn, chúng con chưa một lần đối diện với Đấng Từ phụ cao cả! Tuy thế, giáo lý Phật là thuyền bè, đưa chúng con vào thế giới vô cùng tận... Chúng con xin nguyện thể nhập vào Từ bi tâm của chư Phật...!

Nepal, ngày 16 tháng 5 năm 2011

ÂM THANH HUYỀN BÍ

Nepal, ngày 10 tháng 04 DL nhằm ngày 08 tháng 03 ÂL năm Tân Mão 2011, tôi đang ngủ say, bỗng nghe âm thanh vang tai “Nam Mô Buddham Saranam Gachami”. Tôi mở mắt ra để lắng nghe âm thanh huyền bí này từ đâu? Từ tai tôi vọng ra hay từ bên ngoài? Khó xác định, lắng nghe và lắng nghe tiếng âm đồn dập, cảm nhận tâm an bình một cách lạ thường, dường như bay bổng! Tôi nghe mãi âm thanh bằng tâm thức, khó đoán thời gian, khi âm thanh im bật, xem đồng hồ đang chỉ 01 giờ 20 phút khuya.

Ngày hôm ấy tôi dường như mất hồn, lúc nào cũng nhớ âm thanh đó, nằm nghỉ hay quét sân, hay thậm chí xuống bếp, tâm thức vẫn mang theo từ ngữ đó. Ngoài giờ lạy kinh Pháp Hoa, tôi đọc thầm câu ấy mãi và cũng không muốn gặp ai cả, tôi như người trong mơ, đến nỗi tiếng kêu gọi dùng cơm trưa tôi cũng không nghe, Phật tử đến phòng gọi làm tôi giật mình!

Tiếp tục hôm sau, ngày 11, âm thanh ấy lại khởi động từ ngữ lạ: “Phật thâu Như Lai trong ba lạy, Lễ nào chẳng thấy được Như Lai”. Lúc đó tôi rất tỉnh táo, toàn thân rung cảm, hình như tâm linh có sức mạnh lạ kỳ. Tôi không dám mở mắt, vì từng câu, từng câu vang trong đầu tôi, khi âm thanh bật tiếng, tôi xem đồng hồ cũng là 01 giờ 20 phút khuya.

Tôi suy nghĩ mông lung câu “Phật thâu Như Lai trong ba lạy, Lễ nào chẳng thấy được Như Lai” là ý gì? Âm thanh này là thông điệp chẳng? Tại sao tôi bồi hồi và xúc động như thế này? Cầm bút trên tay lệ mờ trên trang giấy! Và cứ thế mãi trôi qua, ngày qua ngày... thỉnh thoảng âm thanh ấy xuất hiện, từ xa xa vang lại. Thắc mắc càng thêm thắc mắc!

Công án nghi tình chưa được giải, lại nghe thêm tiếng trống, tiếng chuông, luôn cả tiếng đàn. Tôi hỏi Minh Hòa, Thiện Phúc, Thiện Huệ có nghe tiếng chuông, trống chẳng? Không ai nghe thấy gì cả. Càng về đêm tiếng trống càng thúc giục, âm thanh rất rõ. Lạ một điều, lắng tâm hướng về trước sân chùa, tiếng trống như được phát ra từ hướng chánh điện, đêm khuya tĩnh lặng vang tai.

Quá ngạc nhiên tiếng trống pha lẫn tiếng đại hồng chung, tiếng đồn như buổi trình diễn hòa tấu nhạc! Tôi lại nghĩ có lẽ tiếng nhạc của những đám cưới xa xa vọng lại chẳng? Và cũng chính tôi bác bỏ cảm nghĩ này. Ở Nepal, 32 ngôi chùa quốc tế, thanh vắng rộng lớn... không hề có nhà dân nào ở gần cả, nghi vấn càng thêm nghi vấn! Hình như có chuyện gì sắp xảy ra với tôi! Sự chuyển biến nội tâm kéo dài hàng tuần. Tôi bị kẹt giữa những âm thanh, những từ ngữ không tài nào giải được!

Thế rồi ngày 17 tháng 05 (nhằm ngày 15 tháng 04 ÂL), LỄ PHẬT ĐẢN TÔN NGHIÊM được tổ chức tại thánh địa Lumbini có cả Tổng thống đến tham dự... tất cả tôn giáo bạn đều có mặt. Tăng đoàn Nhật tụng kinh trước, người Nhật tụng kinh bằng trống, âm thanh vang dội, và tôi cùng Hòa thượng Huyền Diệu, phái đoàn Phật tử Việt Nam đồng tụng kinh. Bỗng dừng nghe âm thanh “Nam Mô Buddham Saranam Gachami” và “Phật thâu Như Lai trong ba lạy, Lễ nào chẳng thấy được Như Lai”. Những câu ấy lại khởi động, tôi bàng hoàng cả người... Trước mắt tôi xuất hiện hoa sen nhỏ, có cả gương sen! Màu sắc lung linh biến chuyển: xanh, vàng, trắng, đỏ, đẹp tuyệt vời! Lúc ấy tôi như lạc vào thế giới hư vô.

Vào ngày 18 tháng 5, phái đoàn Việt Nam ra về, gần 8 giờ tối khi đưa phái đoàn với lại chào tạm biệt, tôi vào nằm nghỉ khoảng một tiếng đồng hồ, lại nghe trống nhạc khởi lên, cùng những âm thanh cũ, tôi

mừng quá, ngồi dậy chưa kịp chấp tay, thì hình ảnh đấng Bồn Sư hiện trước mặt, hào quang lấp lánh sáng ngời! Ôi! Ánh sáng mát dịu...! Đẹp làm sao...! Nụ cười Ngài quá phúc hậu, hòa với những lời phạm âm: “Nhớ Phật, thương Phật, sao chẳng thờ Xá Lợi Như Lai” và hình ảnh ấy biến rất nhanh. Tôi xúc động tận đáy lòng, khóc nức nở như đứa trẻ bị đòn...

Tôi khóc trên 5 phút tinh thần mới ổn định, ngay bây giờ tôi cầm bút ghi lại cảm tưởng mà lệ mãi tuôn rơi! “Như Lai ơi, con đã hiểu thông điệp của Ngài dạy con rồi, con đã khóc bằng những giọt nước mắt từ trái tim con! Vì con là đứa trẻ không cha lạc loài từ tấm bé! Con bơ vơ trong sanh tử luân hồi! Như Lai không bỏ quên con, Ngài đã ban cho con những âm thanh huyền bí và nụ cười an tịnh.”

“Những giọt nước mắt của con rơi, là niềm hạnh phúc vô bờ bến. Đấng từ phụ đã an ủi con, kiếp phàm phu trong buổi xế chiều... Suốt cuộc đời tu học con đi tìm Phật tánh, con đã mãn nguyện với kiếp sống hiện tại, nói về tương lai, nếu con chưa đủ túc duyên về thế giới tự tại của Ngài, con bị tái sanh hay sẽ được chuyển kiếp, sanh thân nam hay nữ, dù thân con có tan biến trong vi trần, con nguyện làm hành giả của Như Lai, luôn gánh vác việc Như Lai...!”

Lâu nay tôi không thờ Xá Lợi, vì chưa gặp đối tượng đặt niềm tin. Hiện giờ khoa học rất tinh vi, lại một số người gọi là tôn giáo... Họ có thật chẳng? Xá lợi Phật mà rải rác khắp nơi, tạo thành phong trào nhà nào cũng có Xá lợi! Nếu Xá lợi Phật được lưu hành rộng rãi như thế thì còn gì là Pháp bảo? Thực tế tại Ấn Độ, lá Bồ đề rơi mới được lượm, ai dù hái một lá thôi cũng bị cảnh sát mời ngay, có người lén chặt nhánh nhỏ, gần bốn năm bị giam chưa được ra. Còn ở Lumbini nơi Phật giáng trần, quý vị thử hốt một nắm đất đem về thờ, cảnh sát thấy, họ bảo quý vị trả lại.

Dù là lá Bồ đề, cùng chút đất nơi Thánh địa cũng không được cho dễ dàng. Xá lợi Phật là Pháp bảo, cực kỳ quan trọng đối với tất cả Trời, người. Những vị nguyên thủ quốc gia, hay lãnh đạo cấp cao, hoặc cao Tăng là sứ giả Như Lai mới giữ được một ít. Thế mà Xá lợi được tung ra một cách rộng rãi ai muốn có cũng được, là Xá lợi của Phật sao?

Vì thế quý vị tặng tôi Xá lợi, tôi đều từ chối, cũng không phân tích đúng sai. Bảy năm dài tôi về Ấn, luôn cả Nepal phụ việc Phật sự cùng Hòa thượng Huyền Diệu, thầy thường khuyên tôi nên cất tháp thờ Xá lợi... Riêng tôi cảm nghĩ chùa nhỏ, nếu thờ Xá lợi phải xây cất lại mới có chỗ tôn nghiêm, phân vân mãi rồi lờ đi.

Hôm nay được nghe âm thanh huyền bí và xuất hiện hình ảnh Như Lai, tôi bồi hồi xúc động...! Tôi nhất định dù khó nhọc thế nào cũng làm mãn ý Thế Tôn. “Mong mười phương chư Phật và chư Lệnh Đại Tổ Sư, Long Thần, Hộ pháp, cho con đủ duyên lành làm trọn Phật sự này.”

Phật đản 2055, Nepal, ngày 18 tháng 05 năm 2011

HÂN HẠNH SINH VÀO XỨ VIỆT NAM

Tôi mang dòng máu Ấn, hân hạnh sinh vào xứ Việt Nam. Xứ Ấn là mảnh đất thiêng, nhiều hiền nhân xuất thế. Dân tộc Ấn hãnh diện Đức Phật Thích Ca giảng trần nơi xứ họ.

Dân tộc Trung Hoa cũng tự hào được Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến xứ họ truyền pháp với lời huyền ký: “Ta sang đến cõi này, truyền pháp cứu mê tính, một hoa nở năm cánh, nụ trái tự nhiên thành năm...”.

Lục Tổ Huệ Năng là vị Tổ người Trung Hoa vô cùng kính ngưỡng, Ngài thị tịch còn để lại nhục thân ở Tào Khê, chùa Hoa Nam.

Sự kiện vô cùng huyền bí, thật là thú vị! Tổ Bồ Đề Đạt Ma là Hoàng tử xứ Ấn, còn Lục Tổ Huệ Năng là tiêu phu đồn củi xứ Trung Hoa, thế mà hai ngài ngồi chung thuyền, đi chung đường, nối mạch dòng thiền.

Ý nghĩa Bồ Đề Đạt Ma huyền ký một bông hoa sanh năm cánh, Lục Tổ Huệ Năng phát triển năm tông phái: Thiền Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn. Người Trung Hoa luôn hãnh diện đất nước họ có kỳ nhân xuất thế.

Còn xứ Việt Nam chúng ta, không hãnh diện và tự hào sao? Chúng ta có Trần Nhân Tông là vị vua anh minh, sáng suốt, sau khi dẹp loạn xong, tạo cho nhân dân đời sống thanh bình. Ngài bỏ ngôi báu, xem nhẹ ngai vàng, vào núi Yên Tử hành thiền, Ngài là tấm gương sáng cho dân tộc Việt Nam nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Ngài là vị vua thông minh, trí tuệ tuyệt vời và Ngài cũng là nhà thơ, để lại những dòng thơ phong phú tuyệt diệu:

“Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,

Học hành không thiếu cũng không dư.

Hôm nay nghĩ lại dường quên hết,

Chỉ thấy trên đầu một chữ Như.”

Nói về thế giới, những xứ gọi là tâm linh, huyền bí thì Việt Nam cũng có phần, như Chùa Đậu tại Hà Nội có hai thiền sư Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường, đã cao đăng Phật quốc còn để lại hai nhục thân cũng như Lục Tổ Huệ Năng ở Trung Hoa vậy.

Tôi ra Hà Nội đến Yên Tử, viếng tượng đồng của Phật hoàng Trần Nhân Tông và đến chùa Đậu đánh lễ nhục thân hai vị Thiền sư, cảm giác tôi rung động bằng tất cả chân tâm, chung quanh tôi bao trùm sự huyền bí... Nhìn di tượng quý Ngài, tôi có đôi dòng cảm nghĩ: Quý ngài đến thế gian này, khi ra đi để lại nhục thân thanh tịnh, Ngài muốn nói với Tăng, Ni chúng con chăng? Tăng, Ni là rường cột của chánh pháp, là đoá sen luôn vươn lên trong biển trần. Chúng con là huyết mạch của Như Lai, Phật pháp muôn đời, tồn tại mãi mãi.

Và Quý ngài cũng muốn nói với chúng sinh trong vòng sống, chết, sinh, diệt: Chết không phải là sự chấm hết. Đất nước Việt Nam nhỏ bé, địa linh nhân kiệt, sản sinh nhiều anh hùng cứu nước và dựng nước. So với tinh thần đạo đức của dân tộc, tinh thần tín ngưỡng tôn giáo và sự huyền bí, linh thiêng

của xứ sở này đã chứng minh bằng lịch sử Phật hoàng Trần Nhân Tông và hai vị Thiền sư...! Đã nói lên tinh thần bất biến của vũ trụ, vì thế tôi hãnh diện dòng máu Ấn luân lưu trong cơ thể tôi, hòa lẫn suối nguồn của đất nước Việt Nam.

Vĩnh Long - Mang Thít, ngày 28 tháng 03 năm 2014

KHÓA TU GIEO DUYÊN

Tại Bồ Đề Đạo Tràng Việt Nam Phật Quốc Tự, Ấn Độ

Ngày 28 tháng 2 nhằm ngày 26 tháng Giêng năm 2011, lần đầu tiên tại Việt Nam Phật Quốc Tự, Hòa thượng Huyền Diệu mở khóa tu gieo duyên tại Ấn Độ, 42 giới tử nam nữ thọ giới. Đạo tràng thanh tịnh, giữa khung cảnh trang nghiêm, khói hương nghi ngút. Thầy Giáo thọ truyền giới cho Phật tử các nước Pháp, Canada, Úc, Hồng Kông, Mỹ, Miến Điện, Việt Nam.

Nhìn những gương mặt rạng rỡ và nụ cười cởi mở, giới tử khoác mảnh Y vàng như Tăng đoàn... Lúc ấy niềm vui len nhẹ trong tôi, cảm giác lâng lâng... Hồi tưởng Đức Thế Tôn còn trụ thế, xứ Ấn trải qua bao nhiêu thế hệ thăng trầm kỳ thị giai cấp, phân chia chủng tộc thế mà Đức Phật đã hoán cải tâm hồn của họ, bằng cách Ngài thực nghiệm bản thân, bỏ ngôi cao tột đỉnh, bỏ vương vị hoàng gia, sau 6 năm khổ hạnh huân tu Ngài chứng quả, thấy rõ kiếp nhân sinh quay cuồng trong kiếp sống. Họ bị trói buộc bởi luật giai cấp và cho đó là định mệnh.

Đức Phật vì thương yêu nhân loại, làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc bằng học thuyết: Xóa bỏ giai cấp không riêng gì xứ Ấn mà là tất cả chúng sanh. Pháp tu chứng đắc của Ngài, đưa nhân loại từ bến mê sang bờ giác. Phật dạy pháp tu chu đáo, chia từng phần, nào là Thập nhị nhân duyên, Bát chánh đạo, Tứ diệu đế, mục đích là khai thị tri kiến chúng sanh.

Thuở ấy chư Tăng Ni có thời gian tu tập, có môi trường an tịnh, thu thúc lục căn, riêng cấp lãnh đạo như vua quan lo việc nước, việc nhà khó có thời giờ tu tiến như Tăng Ni nên Phật chế thêm pháp tu gieo duyên 7 ngày, 3 tháng hay 1 năm, tạo điều kiện rút ngắn thời gian để họ nỗ lực huân tu, hòa nhập vào thế giới tâm linh. Trên 2000 năm phái Nam Tông như Thái Lan, Sri Lanka, Nam Dương, Miến Điện, Campuchia, Tây Tạng... đã y giáo phụng hành!

Nhìn vào góc độ hạn chế tu 7 ngày, hay 3 tháng, 1 năm rồi hoàn tục, thời gian tu tập quá ít, Bồ Đề Tâm có tăng trưởng chăng? Ta hãy hướng tầm nhìn xa, lỗi tu có tính cấp bách nhưng sự giáo dục hoán cải tâm linh có chiều sâu.

Nếu những vị Hòa thượng hay Ni sư thâm nhận đệ tử xuất gia, cạo tóc giới tử chỉ vài phút thôi; ngược lại giới tử cạo tâm mình, thời gian khá lâu, có khi cả đời cũng chưa thấy tánh... và khi giới tử xuất gia sống đời phạm hạnh, chưa đủ yếu tố chuẩn bị nội tâm, thức khuya dậy sớm, tụng kinh, cảm thấy khó khăn hơn so với đời sống trước kia. Trở về nhà sợ tiếng đời mai mỉa, sống cõi đạo thân tâm xáo trộn, thế thì con đường học Phật, tiến thoái lưỡng nan. Trường hợp này không ít người bị vấp ngã.

Đức Thế Tôn chế pháp tu ngắn, để ta dò xét tâm ta, Bồ Đề Tâm, sâu hay cạn? Trong 7 ngày thử tâm, đã lọt vào Bể pháp chưa? Nếu có hành giả nghe lòng rộn rã, thanh thoát niềm vui sâu lắng, thế thì hãy mạnh dạn bước vào nhà Tam Bảo, mặc áo Như Lai, dùng cơm thiền, sữa pháp của Như Lai, nuôi huệ mạng lớn dần, bất luận là nam hay nữ, sẽ là Hành Giả Như Lai, “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự”. Còn như đã 7 ngày ta đi vào Bể pháp mê mông, đã gạt lọc chính mình: Tín, Hạnh, Nguyện chưa đủ, thì đừng bước vào nhà Như Lai bằng vô thức, dòng nước mang đã lắng đọng và thanh trong sẽ trở thành băng giá.

Gieo duyên lần thứ 7, đã cẩn thận đo tâm, thấy còn phân vân, cứ hãnh diện vai trò Ưu bà tắc, Ưu bà

đi, vai trò thiện nam tín nữ góp công vào tiền đồ Phật giáo không ít. Tăng Ni là rường cột của chánh pháp, là ngọn đèn chân lý, còn thiện nam, tín nữ là chất liệu dầu châm vào bình, tạo thêm năng lượng, đèn rực sáng, công đức vô cùng tận. Nói chung, khóa tu gieo duyên để luyện tâm giác của chính mình, Phật tử không nên bỏ lỡ cơ hội. Hãy nuôi dưỡng huệ mạng mình: Bằng khóa tu gieo duyên, đó là niềm hạnh phúc an lạc không thể mua bằng tiền.

Nhận xét khóa tu đầu tiên trên đất Phật, giới tử đã sống bằng tinh thần Lục hòa. Quý vị tu tập quên cả thời gian lẫn không gian, ánh mắt quý vị tỏa niềm vui hỷ lạc. Nhất là ông Nhã cùng cô Loan lúc đầu không chịu xuống tóc, sợ mất đẹp. Khi cô Loan xuống tóc xong thấy mình quá đẹp, soi gương mãi, còn ông Nhã với tinh thần cởi mở, hài hước, luôn kêu gọi các bạn: “Tu mau kéo trễ, tu mắc thêm”. Có những vị đến xứ Ấn lần đầu, chưa chuẩn bị tinh thần, thế mà chất hút của ông Nhã quá mạnh. Họ xuống tóc tu luôn 7 ngày.

Riêng phái nữ yếu bóng vía, sợ cạo tóc mất đẹp, cũng bị cô Loan ra tài diễn thuyết và cô đem ra nhiều kiểu tóc giả. Quý bà, quý cô tranh nhau xuống tóc, thậm chí thân già của tôi, cạo tóc liền tay, chân run, gối mỏi. Lại thêm chuyện vui, chồng tu gieo duyên không cho vợ xuống tóc, ngại khi về việc buôn bán khó coi cũng bị cô Loan ra chiêu thuyết phục, và khi cô vợ cạo tóc, người chồng ngồi ngắm mãi vợ và thốt lên: “Sur phụ ời! Vợ con sao cạo tóc đẹp quá, giống y như Phật Di Lặc vậy!”. Thật là chuyện vui khó tả bằng bút mực, mọi người cười no bụng.

Quá trình viếng núi Hy Mã Lạp Sơn, xe chuyên bánh đường xa, qua đèo xuống dốc, ông Nhã chủ xướng nào là tụng Đại Bi, niệm Phật và ca những đạo ca. Ông Nhã độc tài, bắt mọi người phải ca, những cặp vợ chồng buộc phải song ca. Ai không biết ca cũng phải ngâm thơ. Tôi là người cao tuổi nhất cũng khó ngồi yên với ông Nhã. Còn cô Lệ là siêu mẫu, chuyên phê bình giọng ca trầm bổng, đạt hay chưa đạt thành tích. Nhưng nữ giám định siêu mẫu này chưa ca bài nào cả. Thật là phúc duyên, phái đoàn chúng A Nan, vừa tu tập, vừa viếng núi tuyết, non xanh, nước biếc đẹp tuyệt vời. Đại chúng vui trong niềm vui an lạc!

Không ngờ khóa tu gieo duyên trên đất Ấn và Nepal quá ấn tượng; 42 giới tử cộng thêm quý thầy, cùng số Phật tử Hà Nội tham dự giới tử mặc y vàng tam bộ nhất bái vòng quanh tháp Đại Giác, tại cội Bồ đề, nơi Phật thành đạo. Hòa thượng Huyền Diệu khen: Nhìn Phật tử mới tu mà tưởng chừng như tu mấy chục năm rồi. Thật vậy, chính tôi là người xuống tóc cho giới tử nhìn quý vị y áo trang nghiêm lạy Phật chân tâm, như tu nhiều năm, có tác phong của người xuất gia.

Đời tu của tôi chưa bao giờ vui như hôm ấy. Riêng Hòa thượng Huyền Diệu cùng thầy Đạt là rất vất vả khâu tổ chức giới đàn. Tôi tin rằng quý Thầy vô cùng mãn nguyện, vì hội giống Bồ đề đã ươm mầm từ lâu, nay trồng trên đất Phật, ngày nào đó hoa trái sum suê. Hoa đạo hạnh nở trong vườn xuân xứ Ấn.

Tôi mong những người con Phật đừng đặt nặng vấn đề Tông Nam hay Tông Bắc. Hãy gieo duyên trồng cây Giác ngộ, thực nghiệm bản thân mình, nhận thức lý trí mình, làm hành trang trong kiếp sống... Kỷ niệm khóa tu gieo duyên, đạt thành quả tâm linh. Xin tặng chư Phật tử những dòng thơ bằng tất cả tấm lòng. Chúc Phật tử an lạc hạnh phúc và phát tài, đủ cơ duyên dự bị về xứ Phật, tiếp tục khóa sau.

ƯƠM MẦM GIẢI THOÁT

Một chuyến ra đi viếng Phật đà,

Mang theo hoài bão lắm thiết tha.

Xuống tóc gieo duyên nơi xứ Phật,

Học hạnh Từ bi ý tâm hòa.

Chẳng hổ con dòng Phật Thích Ca,

Gieo duyên giải thoát cõi Ta Bà.

Tứ chúng huân tu niềm an lạc,

Bồ đề rộ nở vạn kỳ hoa...!

Đôi lời kính chúc khóa gieo duyên,

Hoa nở xinh tươi trước cửa Thiền.

Pháp tử huân tu mầm giải thoát,

Mong ngày mai hậu đáo Tây Thiên.

BỨC TRANH TUYỆT MỸ

(Kỷ niệm viếng núi Hy Mã Lạp Sơn ngày 11 tháng 3 năm 2011 - Tân Mão)

Đã đến nơi rồi đỉnh Tuyết Sơn,

Bâng khuâng xúc động tác lòng son.

Bao năm phiêu bạt đường sanh tử,

Nay đã trở về nơi cố hương.¹

Hy Mã Lạp Sơn cao đỉnh non

Bức tranh tuyệt mỹ, ả màu son.

Tuyết phủ quanh năm, vùng Thánh địa

Tuyết chẳng buồn vui chuyện mất còn...!

Khung cảnh hữu tình đẹp nên thơ,

Rừng xanh tĩnh lặng như đón chờ.

Nước biếc trong xanh màu thạch bích,

Lưng trời rực chiếu cảnh hoang sơ.

Hạnh phúc ngàn năm lòng trở hoa,

Thông reo suối chảy, ý tâm hòa.

Phái đoàn học Phật quên tự ngã,

Ta đã trở về, ta với ta.

Nepal, ngày 12 tháng 03 năm 2011

¹ Cố hương ý chỉ nội tâm.

NAM NỮ BÌNH QUYỀN

Tăng Ni có bình quyền chăng?

Nepal buổi sáng tinh sương, mặt trời ló dạng... nhìn bầu trời trong xanh không gợn áng mây. Ngồi trên độ cao quan sát chung quanh thấy chùa của 32 nước: Liên hiệp quốc, cùng trên mảnh đất Phật đản sinh, tuy mỗi chùa có cách tu riêng nhưng đồng mục đích tìm về cội nguồn.

Gần Việt Nam Phật Quốc Tự là chùa Trung Quốc, nhìn quang cảnh, bỗng nhớ ngài Trần Huyền Trang, cao tăng Trung Quốc cả đời tận tụy vì chánh pháp. Ngài là con dòng trầm anh, ông cha làm quan lớn 4 đời. Ngài được người bác dạy đạo thuở 13 tuổi, 19 tuổi xuất gia. Ngài được học với 13 vị cao tăng thánh đức, giỏi nhất thời đó ở Trung Nguyên.

Công hạnh của ngài Huyền Trang trong sách Đại Đường Tây vực ký ghi rõ: Ngài Huyền Trang khởi hành Tây du lúc 32 tuổi vào đời Đường Thái Tông. Ngài qua Ấn Độ học với cao tăng Giới Hiền, vị học giả trên 100 tuổi, giỏi nhất và trí tuệ nhất thuở ấy. Khi Ngài về nước mang nhiều kinh Phật. Nhà vua xem kinh như quốc bảo. Ngài Huyền Trang có công rất lớn vào tiền đồ Phật pháp, mang sứ từ lưu khắp thế gian. Ngài là Bồ tát giáng phàm, ẩn sâu vào tâm thức của nhiều thế hệ nhân loại.

Trải qua 19 năm dịch kinh, Ngài dịch 75 bộ, gồm 1350 quyển và mô tả những thuộc địa mà ngài đã đi qua. Trong 19 năm dài dịch thuật, Ngài ấn định giờ giấc, mỗi ngày chỉ ngủ nghỉ đôi giờ. Khi cơm chiều xong, họp chúng thuyết giảng yếu chỉ kinh, tối dịch thuật đến 3 giờ khuya, dịch xong ghi chú từng đoạn, rồi lễ Phật mới đi ngủ. 5 giờ sáng thức dậy. 19 năm hạnh trì, không hề thiếu sót. Những vị Tổ sư xưa quên mình vì đạo pháp, mục đích làm sáng tỏ chánh pháp Như Lai. Nay hậu học chúng ta, đã và đang làm gì để đáp công ơn của Phật và chư lệnh đại Tổ sư?

Nhìn lại Phật giáo hôm nay, những người con tinh thần của Phật, Nam, Bắc tông đôi khi khái niệm không đồng, khó hòa hợp chung nhau. Yếu chỉ, giáo lý từ bi của đấng Từ phụ là gieo rắc sự giáo dục toàn cầu. Hôm nay xảy ra chuyện bình luận nam nữ bình quyền, Tăng Ni có bình quyền chăng? Làm đau đầu nhức óc bậc tôn túc. Khóa học bồi dưỡng Trụ trì, tỉnh Vĩnh Long, lời than của Hòa thượng Thích Từ Thông. Có số Tăng Ni sinh trẻ đã du học Tiến sĩ từ Ấn Độ về, xin xét lại về luật “Bát kính pháp”. Nam nữ bình quyền, Tăng Ni có bình quyền chăng?

Xin góp ý quan niệm riêng tôi, có gì sơ sót, các bạn đồng tu chỉ giáo thêm. Đức Phật của chúng ta là bậc đại giác, trí tuệ sâu sắc tuyệt vời. Những luật hay giáo chế của Ngài đưa ra, đều có ý nghĩa thâm sâu. Nói về “Bát kính pháp”, Di mẫu Kiều Đàm Di, 3 lần xin Ngài xuất gia, Phật im lặng và Ngài A Nan, đại diện xin cho phái nữ xuất gia. Chúng ta thử phân tích, tại sao Phật im lặng? Ngài không cho nữ xuất gia chăng? Trong khi Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có khả năng thành Phật...”. Trong Kinh Pháp Hoa, Long nữ biến thành nam tử.

Qua sự nghiên cứu kinh điển, tập tục xứ Ấn, đã khẳng định phân chia nhiều thế hệ giai cấp:

1. Giai cấp Bà la môn: Địa vị tối cao.
2. Giai cấp Sát đế lợi: Địa vị Vua chúa.
3. Giai cấp Phệ xá: Chuyên buôn bán.

4. Thủ đa la: Nông phu, cùng là nô lệ.

Giai cấp Thủ đa la phục dịch cho 3 giai cấp trên. Họ bị ngược đãi khinh khi đến đổi những giếng nước thuê đó, nếu họ đến gần giếng nước, bóng của họ ẩn dạng trong nước, giếng ấy coi như dơ bẩn, nước không dùng cho 3 giai cấp trên. Họ phạm tội nhẹ nhất là bị ném đá đến chết...!

Đức Phật đã đắc quả. Ngài làm cuộc cách mạng hóa xã hội. Ngài đã mạnh dạn lên án chế độ đẳng cấp bằng những lời di giáo: “Loài người với loài người phải có tình thương với nhau, không nên xúc phạm phẩm giá của người khác vì không có giai cấp trong dòng máu đỏ, cũng không có giai cấp trong những giọt nước mắt cùng mặn.”

Vì thế những đồ chúng Phật nhận vào Tăng đoàn là 2.500 vị Tỳ kheo gồm nhiều thành phần. Có một số Tỳ kheo chưa kiến tánh, cũng là những vị hôn phu của quý bà Vương phi hay Thế nữ. Những vị ấy cũng đồng xin xuất gia cùng Di mẫu. Đức Phật im lặng hay nói đều có lý do. Nếu tại thành Ca Tỳ La Vệ, Đức Phật dễ dàng chấp thuận ngay ý kiến của Di mẫu và đưa ra điều lệ “Bát kính pháp” Ni lễ Tăng. Vì giai cấp sang hèn đã in sâu vào ký ức của bà hoàng, bà chúa... Tôi tin rằng họ sẽ rút lui.

Thế tôn quá tuyệt vời...! im lặng, mãi im lặng... 3 lần. Di mẫu thỉnh cầu, vì chưa rõ ý Như Lai, cứ theo Phật mãi. Từ thành Ca Tỳ La Vệ đến Vaishali cách ngàn cây số. Những bà hoàng, bà chúa ấy bình thường đi có người khiêng kiệu, ăn có người phục dịch, thậm chí chải đầu tắm gội cũng có thế nữ hầu hạ. Nay theo Như Lai, đường xa diệu vợi... trâm cài, lược vắt tả tay, đôi chân phồng rướm máu! Cảnh khổ ấy tạo cho Vương mẫu ý thức dâng cao, những gì khó nắm bắt tạo thành dòng chảy kỳ thú tâm linh...! Điểm đáng chú ý của “Bát kính pháp” Ni phải lạy Tăng là đường grom trí tuệ, sắc bén của Đức Như Lai thật là thú vị. Ngài đã phân ranh giới tuyển những vị Hôn phu và Hôn thê, không có cơ hội, tự do ngôn luận để mọi người tiến tu vào Thánh quả.

Tôi nhân danh phái nữ, tán thán trí tuệ siêu vượt của Đức Phật và cũng đồng cảm cùng số Tăng Ni sinh đã ý thức bình luận về “Bát kính pháp”. Thời nay, có một số Tăng trẻ, chưa đi sâu vào Nghiên cứu nội kinh, giáo lý thâm sâu. Bề pháp mệnh mông, họ thích lợi ngược dòng chảy! Họ khơi dậy thời gian của thuê hoàng kim khi họ được khoác lên mảnh áo Cà-sa, rồi đem “Bát kính pháp” làm lợi khí nuôi dưỡng tự Ngã của họ. Họ quên rằng học Phật huân tu là đi vào đường kiến tánh.

Nói một cách tổng quát, lập luận xã hội có thể dùng câu “Nam nữ bình quyền” nhưng xét về năng lực, sức khỏe và kiến thức, chứng minh theo khoa học, người nam có chất xám nhiều hơn nữ. Họ xử lý những công việc lớn của đất nước, của công việc thường nhay cảm hơn, thành công hơn phái nữ. Từ ngàn xưa mà thời nay dùng nam nữ bình quyền, tôi thiết nghĩ bình quyền về mặt tâm lý, an ủi nữ giới thôi.

Xét như câu “Mẹ Việt Nam anh hùng” có ai nói “Cha Việt Nam anh hùng” chẳng? Trong khi đất nước lâm nguy phái nam đem thân ra trận tuyến, trước làn tên, mũi đạn... giữ gìn đất nước non sông. Phái nữ ta có đảm nhiệm nổi hay không? Tôi hoan nghênh nhà văn nào đó quá tể nhị tặng danh hiệu “Mẹ Việt Nam anh hùng”, thật là thú vị! Người xử thế hoàn hảo. Có lẽ nhà văn này quý phụ nữ vì giới nữ có vòng tay ấm áp của tình mẹ, có công năng giáo dưỡng những anh hùng dân tộc biết yêu nước và giữ nước.

Còn Tăng Ni có bình quyền chẳng? “Nam, nữ bình quyền”, hiện thực không dễ thì Tăng, Ni có bình quyền chẳng? Cũng không ngoại lệ. Về mặt hoàng pháp, độ sanh, Chân tăng có khả năng hơn chúng ta. Bằng chứng khảo sát qua những lịch sử xưa và nay, nhiều cao tăng đóng góp vào tiền đồ Phật giáo...

làm sáng tỏ chánh pháp Như Lai. Huynh đệ chúng ta chấp làm chi những Tăng cạo tóc mà tâm không cạo...? Họ ba hoa lý sự, xem đạo Phật như cô nhi viện hay viện dưỡng lão. Họ không bao giờ nhận được tri kiến của Như Lai. Họ cũng khó ở nhà Như Lai lâu dài. Họ sẽ bị xóa tên trong hộ tịch Phật quốc bằng nghiệp lực của chính họ. Tôi đã chứng kiến những kẻ kiêu ngạo, hậu quả không tốt, cần gì quan tâm đến phần tử ấy...!

Ta nên học hạnh của bậc Tôn túc. Quý ngài đã gióng tiếng chuông cảnh tỉnh, khắp năm châu thế giới. Chúng ta làm phận con trò, làm ánh đèn le lói giữa đêm đen. Chúng ta xuất gia, chuyện thị phi, phải trái bay theo ngọn gió mây “Phiền não khởi giai đa sự, Thị phi sanh chỉ vị đa ngôn”.

Nhấn nhủ đôi lời cùng huynh đệ, dù chúng ta không cùng huyết thống, do cha mẹ sinh ra nhưng cùng pháp sinh ra. Tất cả Tăng Ni chúng ta, kẻ Á, người Âu... cùng mang dòng họ Thích. Chúng ta là dòng giống Như Lai, hãy cùng nhau làm sáng tỏ giáo lý Phật Đà, đó là điểm thiết yếu, như Ngài Trần Huyền Trang và Cố Hòa thượng Thích Quảng Đức, thấp sáng ngọn đèn chân lý, hậu thế lưu danh.

Nepal, ngày 12 tháng 04 năm 2011

LỜI BÌNH LUẬN

(Cuốn “Tình thương và lòng độ lượng”)

Năm 2010, tôi về Ấn, qua Nepal, được Thầy Huyền Diệu tặng cuốn sách Tình thương và lòng độ lượng, xem qua vô cùng trân trọng và tán thán, ngòi bút của Thầy quá linh động, lời văn phong tế nhị. Thầy nói lên cuộc đời tuổi trẻ của chính mình và quá trình tu tập trong cuộc sống, thăng trầm, luôn cả lịch sử Phật giáo. Điểm đáng lưu ý và cảm động nhất là tuổi trẻ của Thầy quá gian nan. Từ cậu bé yếu đuối nhút nhát bệnh tật, nay trở thành nhà học giả uyên bác.

Thầy có hướng đi lên, đầy tự tin, tư duy dũng chí, là Hành xứ Như Lai có tầm cỡ quốc tế. Dù gặp bao oan trái, bao thử thách dập dồn... bẩm sinh Thầy sẵn lòng độ lượng và khoan dung, luôn cả sự kiên nhẫn. Đó là kim chỉ nam, là la bàn giúp Thầy vượt qua bao thử thách, bao sóng gió trùng dương.

Thầy là vị hướng đạo sư, kiên cường dũng mãnh khi lái thuyền trí tuệ của chính mình. Thầy có tầm nhìn xa, bình dân giản dị, vui chịu mọi cảnh ngộ, kham nhẫn mọi vấn đề. Như chuyện cậu Mai bướng bỉnh, nhờ lòng vị tha của thân sinh Thầy, việc oan trái trở thành tốt đẹp. Riêng Thầy đã mang trong người dòng huyết quản bằng tình thương, lòng độ lượng, vì thế hai cậu bé lớn lên trở thành bạn thân...

Tôi có mặt tại Việt Nam Phật Quốc Tự nhiều năm, qua sự thấy biết và chứng kiến cảnh ngộ Thầy đã quên mình giúp người. Đôi khi kẻ thọ ơn gây không ít khó khăn cho Thầy. Thầy lòng vị tha cao độ, lời thị phi như gió thoảng bên tai. Nói về ân sư của Thầy, là danh tăng ẩn mình nơi ngôi Sơn tự, giữa rừng mai biệt mù sơn dã. Ngài có sức sống mãnh liệt về tâm linh. Ngài giáo dưỡng môn đồ thành người hữu dụng cho đạo pháp, cho quê hương, nhân loại.

Thầy là môn sinh học Phật, kiến thức sâu rộng, theo dấu chân Phật, theo dấu bước của Ngài Trần Huyền Trang. Thầy kêu gọi các nước qui tụ về xứ Phật, tìm về cội nguồn. Nay đã có 32 nước thành viên Liên hiệp quốc có mặt tại Nepal, nơi Đức Phật giáng trần... Việc làm hy hữu này, bao nhiêu người tán thán, suýt chút nữa Thầy phải trả giá bằng sinh mạng...! Thầy đã trả công ơn giáo dưỡng của ân sư bằng hành động thiết thực “Hành Như Lai xứ, tác Như Lai sự...”. Tôi tin rằng giác linh của ân sư Hoàng Nhon sẽ mỉm cười hoan hỷ, vì Minh sư xuất Cao đồ.

Có đoạn Thầy sơ lược về lịch sử Phật. Như chuyện của Vua Bình Sa vương và A Xà Thế được sơ lược rút gọn, lời văn tao nhã đầy ý nghĩa khiến người học Phật xem qua, như bức tranh tuyệt mỹ, đầy màu sắc. Thầy nêu mẩu chuyện như: Ông Bảy, Cậu Lý, Cô Lan... có phần hấp dẫn lẫn hài hước, xem qua dấu ấn khó quên, khó nín cười được.

Nói tóm lại quyển sách Tình thương và lòng độ lượng mang tính giáo dục, nói về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, nói lên kinh nghiệm sống, về nhân quả với tu dưỡng cao siêu như những câu: “Thực tế không ai tránh khỏi va chạm, phản ứng tự nhiên là giận dữ, căm hờn... Lịch sử từ cổ chí kim cho ta thấy con người, với sự vô minh, đầy lòng ganh tỵ, tham lam, thù hận, có thể tàn hại lẫn nhau. Tình thương là quà tặng quý giá nhất trên đời và lòng độ lượng là phép màu kỳ diệu.” Những câu châm ngôn này, nếu ai siêng học và thực hành, tôi tin rằng chân trời hạnh phúc sẽ đến với chúng ta.

Nepal, ngày 06 tháng 06 năm 2010

XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Đời tu của tôi không có gì đặc biệt, sở học chẳng bằng ai, tầm nhận thức giới hạn nên tôi chỉ sợ thầy và vâng lời thầy tuyệt đối. Thầy tôi là giáo trưởng của hệ phái Khất sĩ, Ni sư trưởng Huỳnh Liên. Tất cả mấy ngàn đồ chúng đều kính quý thầy, không phải riêng mình tôi. Ni sư trưởng giới luật uy nghiêm, khiêm cung, đức hạnh, thương yêu đồ chúng. Tuy người nữ nhưng chí trượng phu dũng cảm, sống làm lợi ích đời đạo, xả báo thân để lại hai câu thơ hy hữu: “Tôi xin hiến trọn đời mình; Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương”.

Ni chúng sợ thầy không phải thầy ra oai nạt nộ, vì thầy giữ giới luật trang nghiêm, bản thân thầy luôn cần kiệm đến nỗi tắm nước cũng không nhiều, thầy nói: “Không nên xài nước phung phí, sau sanh vào chỗ thiếu nước”. Cách thầy dạy đệ tử rất sâu sắc, khi tôi còn trẻ thầy hỏi những câu tôi đáp không đi vào vấn đề. Chẳng hạn thầy: “Nếu con uống sữa, uống nửa chừng rồi liệng hay uống hết mới liệng”? Tôi khờ khạo đáp: Con không biết uống sữa. Thầy nói thí dụ thôi. Tôi đáp: Bạch thầy, uống nửa hộp liệng uổng lắm, phải uống hết. Bằng nụ cười phúc hậu, thầy nói: “Cuộc đời của con như hộp sữa vậy, không thể liệng nửa chừng, con phải sống hết cuối đời tu học vì con là dòng máu Gandhi”.

Thầy dạy đạo tôi bằng phong cách đặc biệt, giáo dục đệ tử bằng phương pháp nghịch hạnh. Ngoài việc học triết lý nhà Phật, học thêm thuật xử thế của: Nguyễn Hiến Lê và Nguyễn Duy Cần (hiệu là Thu Giang)... Khi xem sách xong phải bình luận ý nghĩa của tác giả, nếu phân tích sai thầy hướng dẫn lại. Thầy tôi am hiểu sâu sắc giáo lý Phật Đà. Thầy dạy đạo rất tâm lý, mỗi người thầy dạy mỗi cách theo trình độ căn cơ.

Có cuộc lễ lớn ở Rạch Giá, thầy dẫn tôi theo vào buổi trưa nắng gắt. Thầy bận đi công việc bảo tôi ở lại tịnh xá, và đưa tôi sách xử thế, bảo xem, hứa tối sẽ về hỏi bài. Tôi cầm sách trong tay, thấy ê chề ngao ngán, mới xuống xe đầu còn choáng, tâm trí đâu mà nghiên cứu rồi tôi đi phụ bếp cùng chủ Ni. Một quá tôi nằm nghỉ một chút. Thầy về lôi tôi ra sân la lớn: “Quý sư cô lại đây mà coi tổ tôi nè, đi theo tôi mà chẳng làm gì cả, giờ này mà còn nằm xem tiểu thuyết...”, rồi thầy ra lệnh phải trực xuất tôi ra khỏi tịnh xá.

Lúc ấy tôi chết điếng cõi lòng, sợ hãi, bối rối và mắc cỡ giữa đám đông. Mọi người nhìn tôi với ánh mắt mắt thiện cảm. Riêng Sư cô Tùng và Sư cô Vững gọi tôi ra sân quờ: “Sao Giác tẻ quá vậy, không lo học Kinh mà xem tiểu thuyết”. Tôi biết hai vị này hay thông cảm cho mọi người nên tôi tâm sự thầy đưa sách. Hai Sư cô an ủi: “Giác đang bị Giáo trưởng thử thách, nhớ bị đuổi đừng đi nhé!”. Giờ thì hai Ni sư đã mất, tôi mãi tri ân sự thông cảm của hai vị, và tôi cũng học hạnh của hai vị tuyệt đối không bao giờ bàn tán chư Ni bị kết tội.

Tối hôm đó, tôi trốn trong phòng không dám ra, phận sự tôi phải giảng mừng, sư cô Tùng vào phòng thay tôi phận sự ấy, bị thầy tôi quờ: “Cô vào đây làm gì, cô Giác đâu?”. Sư cô Tùng hoảng sợ bảo tôi vào phòng. Lúc đó, tôi bản thân cả người, tôi nghĩ có lẽ cuộc đời tu của tôi đến đây bị đứt gánh sao? Tôi đứng bên ngoài lấp ló mãi, tiếng thầy bên trong vọng ra: “Liên Giác đó hả con, sao chưa giảng mừng cho tôi vậy?”. Tôi bước vào phòng như xác không hồn với nỗi buồn sâu lắng, văng vẳng lệnh trực xuất ban chiều. Âm điệu ôn hòa với nụ cười tươi thầy hỏi: “Xem sách tới đâu rồi nói nghe coi?”. Lúc đó nỗi đau của tôi nổi dậy chưa xót tận đáy lòng. Tôi cố nén mà nghẹn cả lời, bật thành tiếng khóc.

Thầy tôi ôn hòa nói: “Con buồn khổ lắm phải không con, có câu trời muốn giao việc lớn cho ai, phải làm cho người ấy đau tâm khổ tánh. Tổ sư con khi giao trách nhiệm cho thầy, đã dày thầy đến muôn lần khổ hạnh. Lúc đó thầy quá ngu muội chẳng hiểu ý Tổ sư, định bỏ trốn còn rủ thêm sư nhị, sư tam, sư tứ cùng đi. Vào đêm khuya đi đoạn đường không xa, bỗng bốn người đều bị té nằm sấp. Giật mình ngồi dậy xem lối mòn chung quanh có cây nào vướng chân và tự nhiên nghe lòng sợ hãi lẫn hối hận muốn trở lại xem Tổ sư ra sao, vì Tổ còn đang cảm nặng ho nhiều lắm. Thế rồi bốn người đồng trở lại nghe tiếng Tổ sư trong cốc vọng ra, mấy cô mới về đó à? Nếu không bị té chắc đi luôn rồi phải không? Lúc ấy bốn người đều kinh hãi sám hối Tổ”.

Rồi khi Tổ sư lâm nạn, phận làm trò đáp nghĩa tôn sư, gồng gánh con thuyền Giáo hội với vai trò Huỳnh trưởng sẵn sóc đàn em, sứ mạng nặng nề. Bao nhiêu thử thách, bao nhiêu khó nhọc, biết tỏ cùng ai! Quả báo của thầy hiểu lầm Tổ, hôm nay bị trả vay! Hậu quả con khóc vì hờn thầy...!”. Thầy tôi trầm ngâm đôi mắt, nét buồn hiện rõ. Lời thầy như tiếng sáo diu êm, nỗi khổ đau hờn giận của ban chiều hình như tan thành mây khói. Tôi quỳ sám hối thầy, nguyện từ nay về sau con không dám cãi lời thầy và không dám giận thầy nữa.

Nepal, ngày 12 tháng 03 năm 2011

TU CHUYỂN NGHIỆP, HAY BỊ NGHIỆP CHUYỂN

Lời Phật dạy, tâm tạo tác tất cả, tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên. Tổ dạy: Nhất thiết do tâm tạo, có những Phật tử quá ham tu, vọng tưởng, muốn sớm thành Phật nên Tiên, nên dễ nảy sinh tâm lý cực đoan. Cũng có thành phần xuất gia, muốn mau chứng đạo quả, kết cuộc uống phí đời tu.

Nói về phần xuất gia, vọng tưởng điên đảo, mới tu không siêng học pháp, hành pháp, hay nghiên cứu kinh, luật, luận; lại chạy theo tướng bên ngoài, thường bị vấp ngã. Chính tôi là người thiếu chút nữa thành tội nhân lừa thầy, bỏ đạo, may là tôi có bệnh sợ ma. Mỗi lần có người trong chùa chết, tôi thất vía kinh tâm, không dám ngủ riêng phòng, tìm chỗ đông người chui vô kẹt ngủ. Không ngờ bệnh sợ ma đưa tôi vào thế giới bình yên.

Năm 1964, quý Sư cô rủ tôi lên núi tu tịnh, quý vị ca tụng lối tu luyện: Nào biết bay, biết quá khứ, vị lai... Pháp tu luyện trên đỉnh đầu chiếu sáng gọi là Mô Ni Châu, rồi luyện hơi thở, đưa khí vào bụng. Tu nhất kiếp ngộ, nhất thành. Quý vị nói thao thao bất tuyệt, thật là hấp dẫn. Tôi định cuốn gói theo họ, sau thời gian thành chánh quả sẽ về. Đến ngày hẹn có người rước, tôi hỏi trên núi có ma không? Họ đáp: “Ở núi ma nhiều lắm...”. Nghe quá kinh sợ, tôi nói: “Có ma em không đi đâu...!”.

Thật là buồn cười cho tôi, vì sợ ma nên trở chứng thất hẹn. Vài năm sau, tôi hay tin quý vị ấy người thì nổi cơn khùng, người thì ra đời, người thì nằm nhà thương vì bệnh phổi, người thì xơ gan lớn bụng. Thành Phật, thành Tiên, biết quá khứ vị lai đâu chưa thấy, chỉ thấy bệnh ngất mang vào thân? Sai một ly đi ngàn dặm. Con đường giác ngộ bơ vơ, không có chỗ đến cũng không có lối đi. Tu không chuyển nghiệp, lại bị nghiệp chuyển.

Đại Sư Ấn Quang nói: “Học đạo phải có thầy trí tuệ hướng dẫn. Như leo cây tìm cá, cá nào có ở trên cây. Đừng nói tâm tức Phật rồi không cần. Giới, Tánh, Tướng... như thuyền với buồm. Ghe quá nhỏ, buồm to, căng buồm nhiều, chạy quá nhanh sẽ bị chúi mũi, bị chìm; còn ghe lớn, buồm quá nhỏ, không bọc được gió, ghe cũng không chạy được. Học Phật cạn lợc hết mê, tỉnh giác; huấn tập Định, Huệ vào tâm thức. Giống như chất lượng bông vải, ướp vào trà, trà hút mùi vải, lâu ngày sẽ tỏa mùi thơm”.

Theo kinh nghiệm tu tập của tôi, không nên thái quá, bất cập. Những người mới xuất gia không nên vọng tưởng ham kiến tánh sớm, rồi tìm pháp tu thế này, thế khác, thường thay đổi pháp tu như thay khăn đổi áo, lại còn ham độ chúng sanh. Nhấn nhủ đôi lời cùng huynh đệ, nếu chưa biết lỗi thì đừng ham vớt người, chết không kịp trôi; còn như biết lỗi cứu người, phải cẩn thận, không chừng bị người nhấn chìm, chết chung với họ.

Muốn xuất gia phải theo thầy học đạo ít nhất là 3 năm. Muốn xây nhà lâu phải đắp nền móng cho vững. Nên nhập chúng, vì đại chúng có nhiều thành phần để cho ta học hỏi. Nếu ta gặp thầy, bạn tốt, thì cùng phát triển lý tưởng; bằng như nghịch duyên, gặp oan gia trái chủ thì ta sẽ học được bài học ngàn vàng. Con đường ta đi không bằng phẳng, nên bước từng bước e dè trong sự tĩnh tâm. Hãy xem đại chúng như môi trường huấn luyện, vì họ là ân nhân của ta, họ bào gọt dùm tự ngã của ta. Ta hãy dũng chí chịu đựng, ta sẽ trưởng thành trong tự tánh. Muốn tự tại không phải ngồi cầu mà có được, ta phải diệt tâm vọng động, tâm sanh diệt, thì tự tại không mời cũng đến.

Qua giai đoạn trên, mặt trời hạnh phúc sẽ lộ dạng. Ta khoan bàn chuyện thành Phật mà làm người biết lắng nghe. Hiện tại không vướng mắc, tương lai không tìm cầu, quá khứ cho đi qua. Hãy đặt mình ở cương vị thấp nhất trong ngôi nhà Tam Bảo. Cha mẹ đi vắng, anh chị lo việc lớn, phận con trò, siêng năng làm vườn, nhổ cỏ, quét sân, dọn dẹp lau chùi bàn ghế, đừng để bụi bám vào.

Đừng làm ông chủ bắc ghế ngồi giữa nhà rồi ba hoa lắm lời. Mãi ngồi một chỗ không làm gì được cả, còn xưng là con của Trưởng giả (ý chỉ Phật) lại đòi chia gia tài, mọi người lánh xa, ngôi nhà lạnh lẽo, nhện giăng khắp nhà. Nếu ngôi nhà Tam Bảo có những đứa con thích ra oai làm ông chủ thì than ôi! Thật đáng tiếc!

Nepal, ngày 12 tháng 03 năm 2011

LÀM SAO TRÁNH KHỎI TỬ KHỔ?

Ta sanh ra cõi đời, không ai tránh nổi Tứ khổ. Ta tu theo giáo lý Phật đà có thoát khỏi Tứ khổ chăng? Nói chung ai cũng bị sinh, lão, bệnh, tử... Ai này nhất định phải đi qua, không báo trước già hay trẻ, cũng không hẹn giờ tối hay sáng? Hãy bình tĩnh, đi vào thế giới tâm linh từng giây, từng phút. Ta luôn luôn mật niệm, tự hỏi mình, làm sao thoát khỏi tứ khổ khi còn mang xác thân phàm phu? Ta phải luyện tâm như thế nào để khỏi bị rơi vào Tứ khổ? Không bị Tứ khổ kéo lùi?

Bài toán khó nan giải! Nhưng những người con Phật, nhận biết vô thường biến đổi từng sát na. Thân không bền chắc, trẻ hay già là việc của thời gian. Còn bệnh, tử là định luật. Họ tập sống lạc quan, không bị Tứ khổ ức chế, bệnh hay già, không cho là nỗi thống khổ. Còn chết là chuyến lữ hành du lịch đường xa? Hay là chiếc áo cũ, sẽ được thay áo mới!

Họ tự tại với qui luật thiên nhiên. Họ cũng không e ngại, Tứ khổ là bài toán khó giải. Họ cũng chẳng đòi làm Phật, không ham làm Tiên. Họ chỉ biết đem trái tim chân thành thương yêu đồng loại. Họ vẫn là người bằng xương, bằng thịt. Thế mà là điểm tựa tinh thần cho những ai đang chơi vơi trong biển nghiệp.

Ngược lại, những người sống xa rời nội tâm, bỏ quên đấng con trí huệ của mình, ý niệm lạc quan, về thân, về sắc... Khi họ thấy tóc xanh biến thành tóc bạc, họ nuối tiếc thuở xuân xanh, muốn kéo lại thời gian, sợ dung nhan tàn phai... Họ luôn dưỡng thân tráng kiện và khi tuổi già, bệnh tật kéo đến với trăm mối lo toan, họ sợ hãi kinh hoàng trước cái chết. Những vị ấy đang bị kẹt trong Tứ khổ, chưa có lối ra, không có nẻo thoát. Họ bị Tứ khổ bao vây, hơi tàn sức kiệt trong cơn khủng hoảng. Lời Phật dạy:

“Gắm cái thành, sánh cái thân,

Xây bằng máu thịt, dựng bằng xương gân.

Thế gian, chất chứa chán chường

Nào già, nào chết, nấu nướng chốn này

Xe dầu trang sức còn hư hoại

Thân có trao tria cũng yếu già

Trừ pháp thanh cao, hàng Tứ chúng

Không già, không hoại độ hằng sa

Kém nghe, kém học, kém hành

Thân phàm dù lớn tuệ lành không tăng”.

Nepal, ngày 11 tháng 05 DL

(Ngày 09 tháng 04 ÂL năm 2011)

ĐỪNG ĐÁNH TRẺ CON

Đừng đánh những đứa trẻ thông minh, cũng không nên cưng chiều quá, hãy tìm cách giáo dục theo tâm lý, theo tình huống. Dù bé vài tháng tuổi cũng không nên nhieéc mắng nó. Quý vị không nên dùng nước mắt trẻ thơ mua những trận cười vui của quý vị. Khi còn trong bào thai, thai nhi đã biết thọ cảm buồn vui... Bé vài tháng tuổi càng tinh tế hơn. Rất tội nghiệp cho những bé có cha mẹ bận rộn sinh kế gia đình, không quan tâm về phương pháp dạy trẻ, có gì phật ý đánh xối xả vào người bé; trẻ bất khả kháng với những trận đòn chí tử, mà người lớn trút giận lên người nó...

Nhìn cảnh ấy, tôi quá đau lòng, xót dạ! Phải chi tôi có quyền lệnh tối cao cấm đánh trẻ con. Tôi cũng không đồng tình về Luật của Mỹ: Cha mẹ đánh con bị vào tù! Về phong tục của các nước văn minh Âu-Mỹ, tôi hoan nghênh họ thương trẻ thơ. Tập tục của họ khi con 18 tuổi, họ không còn trách nhiệm bảo quản con. Họ có cách hay của họ, họ bảo vệ trẻ thơ rất hạnh phúc và khi lớn lên, vì quá tự do, nên không cần định hướng, hạnh phúc lứa đôi không có điểm tựa, thích thì sống chung, còn không thích thì chia tay. Họ có lối sống như thế, tâm linh quay cuồng! Rồi có người bế tắc mượn những liều thuốc độc, gọi là thần dược kết liễu cuộc đời.

Số người Việt Nam sống ở hải ngoại có phần trái ngược nhau về tâm lý Âu Tây. Tuy thế môi trường giáo dục con em, phải tùy thuộc vào phong tục của họ. Những trẻ em chừng 14 hay 15 tuổi, đứa nào còn dòng máu Việt Nam hơi mạnh, có sự quan tâm chặt chẽ của cha mẹ, trẻ ấy muốn đi đâu, làm gì còn hỏi cha mẹ, còn như gái hay trai ảnh hưởng ngoại lai nhiều, tự do đi trể về sớm, có khi đi cả tuần, cả tháng, quên cả lối về, cha mẹ cũng đành bó tay thôi. Trường hợp này cha mẹ Việt Nam ở xứ ngoại gặp cảnh chưa xót không ít.

Ngày 15 tháng 4 năm 2011

CHA MẸ LÀ CÁI PHAO CỦA CON

Việt Nam là đất nước thích học hỏi, cầu tiến, có những bậc anh hùng xuất thân từ áo vải. Những anh hùng này cũng từng là trẻ con. Phận làm cha mẹ nên chú ý dạy con. Cho con học vắn thôi chưa đủ, mà gia đình phải sống có đạo đức, vợ chồng hài hòa, khi đó cha mẹ là tấm gương sáng nhất cho con noi theo. Nếu cha mẹ bất hòa, con bị mất điểm tựa tinh thần. Cha mẹ là cái phao của con khi con vấp ngã cuộc đời, cha mẹ ra tay cứu vớt đừng để con đi vào đường bế tắc, vừa vấp ngã, vừa bị tổn thương. Sự việc thường xảy ra là kết liễu cuộc đời hay đi vào tệ nạn xã hội. Cần thận giáo huấn con trẻ, uốn nắn nó từ nhỏ; phương pháp dạy trẻ có lúc mềm, lúc cứng. Phải tự xét mình có hiểu với cha mẹ chưa? Để con của quý vị học gương hạnh ấy.

Ngày 15 tháng 04 năm 2011

TRỪ BẠC DỊ NHÂN

Bị té rồi tự đứng lên

Có những đứa trẻ dù mắc lỗi nhỏ cũng bị cha mẹ đánh đòn. Cha mẹ giận ai nếu gặp việc gì không vừa ý hay làm ăn thua lỗ, về nhà chỉ cần con trẻ mắc lỗi nhỏ cũng dùng đòn roi đánh cho hả dạ. Những đứa trẻ này khi lớn lên, nó có thể là rường cột của đất nước hay tai họa cho xã hội? Những người con sống trong môi trường giáo dục như thế, lớn lên chúng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực! Trừ những bậc dị nhân, họ sinh ra trong đau khổ, bị té rồi tự đứng lên. Vì quý ngài có trọng trách với đời lẫn đạo, trước tiên phải học bài học cay đắng của cuộc đời. Như lời ngài Mạnh Tử nói: “Trời muốn giao phó trách nhiệm cho ai, trước hết làm khổ cái tâm, nhọc gân cốt, đói thể xác! Muốn làm điều gì cũng nghịch ý, có vậy mới kích lệ cái tâm kiêu mạn, đó là lẽ nhiệm mầu của kiếp sống”. Có nhà văn làm thơ:

“Có vấp ngã, mới nhìn đời sáng suốt

Có khổ đau lòng mới cứng rắn hơn

Có thẳng căng như những sợi dây đàn

Mới trỗi được âm thanh huyền diệu”.

Ngày 15 tháng 04 năm 2011

TRẺ CON TÍNH NĂNG ĐỘNG

Phải giáo dục thế nào để trẻ không bị tổn thương?

Tôi xin đem bản thân mình dẫn chứng, tuổi trẻ khờ khạo, vô tâm gây rối cho người thân. Vào thời vua Bảo Đại, ngày lễ cúng lăng ông Lê Văn Duyệt, tại Bà Chiểu, Gia Định có Cựu hoàng Bảo Đại, Hoàng hậu Nam Phương, cùng một số quan khách, trong đó có Đại sứ Ấn Độ Ibrahim là ông nội tôi.

Nội dẫn tôi theo, còn Hoàng hậu dẫn Thái tử Bảo Long, dù thuở đó tôi 7 tuổi nhưng ký ức nhớ rất rõ. Người xưa nói: Vua đi, chiếu lót đường, vàng lót cửa ngõ. Tôi chẳng thấy vàng đâu cả, mà thấy chiếu bông trải từ Cầu Bông. Nhà Vua cùng tập thể xuống xe, đi bộ trên thảm chiếu ấy, có lính cảnh binh mặc sắc phục trắng, đeo phù hiệu, đứng hầu hai bên, thổi kèn Tây, trông thật là oai.

Nhà Vua đến lăng mộ làm lễ, mỗi vị đều được ông từ trao nhang, khấn nguyện. Hai đứa con nít bị bỏ rơi, không ai cho cây nhang nào cả, và khi tất cả vào phiên họp, hai đứa chơi chơi mặc tình quậy phá. Trước tiên là rút hết tâm nhang, mấy chú lính không cho, Bảo Long nổi giận lấy gạch chọi chú lính, còn tôi cũng ra oai bậm môi trợn mắt, không ai dám can hai đứa phá rối cả.

Thế là mặc tình, chúng tôi đem tâm nhang đến thềm mộ ngài Lê Văn Duyệt chơi nhà chòi. Mấy chú lính can không được, méc Hoàng hậu. Bà ra mộ rầy Bảo Long. Bảo Long khóc, tôi cũng khóc theo, ông nội tôi tuy ở Việt Nam không biết tiếng Việt nhiều, cũng bắt chước bà Nam Phương rầy tôi. “Fatima, Ata cưng con lắm nhé”. Nội tôi chỉ nói mấy câu ấy mãi thôi, thật là kỷ niệm khó quên.

Tôi có bệnh quậy phá bẩm sinh, một ngày té không biết bao nhiêu lần, ba tôi phải mượn thêm người giữ và khi ba tôi bị nội ép về Ấn, nội buộc mẹ tôi phải giao tôi cho nội. Ngoại tôi vất vả đem tôi giấu khắp nơi. Còn mẹ tôi thì trốn chui trốn lủi. Lúc ấy cảnh nhà sa sút, phải mượn nhà ở tại tỉnh Vĩnh Long, phố Bà Bảo, Cầu Lầu. Ngoại tôi làm bánh bò, bánh tiêu... bán kiếm tiền nuôi tôi, lúc ấy tôi khoảng 9 tuổi mới đi học.

Tuổi nhỏ nào biết chuyện người lớn, vui đùa hồn nhiên, ngoại tôi cũng không hề đánh tôi một roi, tôi đòi gì cũng được, đòi xem hát, ngoại cho tiền mua vé, bảo ngồi ghế hàng hoàng tránh khỏi người lớn chen lấn. Tôi lấy tiền bao bạn ăn bánh hết, rồi cả đám chui lỗ hổng vào xem. Gánh hát nào đến tôi cũng đòi đi, ngoại không cho thì tôi khóc lóc. Tôi có tính rất bênh bạn, nghe ai hăm đánh bạn thì chúng tôi bày đoàn xung trận.

Bên cầu Thiên Đức cũng có một đám con nít, cùng xem hát đều chui lỗ, khi nghịch nhau, đoàn này chui vào rạp hát được, thì đoàn kia la lên, báo hại bị bắt đuổi ra hết, chẳng đứa nào xem được cả. Bắt đầu có chuyện gây hấn lớn. Xem hát bị ảnh hưởng, muốn làm anh hùng, thấy nghệ sĩ đánh kiếm, mỗi đứa đều làm cho mình cây kiếm bằng tre, định ngày mai giáp lá cà, đánh với phía cầu Thiên Đức.

Tôi là người cầm đầu ồm nồm, ồm nhách, thế mà ra oai cầm kiếm đi đầu, kể là thằng Tốt, con Nô, hai mươi mấy đứa tiểu yêu, không sợ trời, không sợ đất. Người lớn hay tin chạy theo bắt về, kể ra khi xưa trẻ con rất hiền, rất sợ người lớn, tuy làm dữ chứ ít khi đánh nhau.

Ngoại tôi về nghe lời xóm méc lại chuyện đứa cháu kỳ khôi. Ngoại năn nỉ “đừng đánh nhau nghe con, nếu con bị người ta đánh, ngoại sẽ buồn mà chết, không ai nuôi con”. Tuy tôi hay đùa nghịch nhưng rất

ngoan. Tôi hứa với ngoại, không bao giờ cầm cây, cầm kiếm đánh nhau nữa.

Rồi tôi đổi tông khác, không xem hát nữa, rủ mấy đứa bạn chơi nhà chòi bằng cách ngồi nhắm mắt tập làm Tăng ngồi thiền. Tụi nhỏ có trò chơi mới vui hơn cùng nhau tìm chỗ ngồi thiền. Cạnh mé sông Cầu Lầu, có mấy cột nhà cất bỏ dỡ, rồi mỗi đứa chọn một góc cột. Bà Ba bỗng thấy chúng tôi lằng xằng, sắp ngồi thiền, bà cũng tham gia nói “tao làm trọng tài cho, đứa nào ngồi lâu, đứa đó thắng” và bà lấy gáo dừa, gõ 3 tiếng, gần 20 đứa ngồi nín thinh.

Lúc đó người lớn cũng đến xem, cười vui vẻ: “Hôm nay mấy đứa tinh nghịch làm trò quái gì đây?”. Thằng Tốt là kẻ chiến bại rút lui trước, vài phút sau mấy bạn cũng bị kiến cắn thối lui, từ từ không đứa nào ngồi hết. Tôi mãi ngồi nhắm mắt chừng 10 phút, cũng bị kiến bò khó chịu lắm, nhưng tôi quyết thắng tụi nó, nào ngờ thằng Tốt lớn tiếng kêu “Ngọc Chi ơi! Mở mắt ra đi, tụi tao thua mày rồi”. Tôi mãi nhắm mắt, Tốt nổi giận, lấy nước tạt ướt cả người tôi. Lúc đó người tôi găng gượng ngồi. Tốt tạt nước thêm lần nữa. Người lớn la um xùm.

Riêng tôi mở mắt ra, bước lên sân nhà, có sự hiện diện của lối xóm, câu đầu tiên tôi nói với Tốt: “Ê mày, mày phải xin lỗi tao, tại sao mày dám tạt nước tao?”. Tốt nói: “Tao không xin lỗi, mày làm gì tao”. Con giận kéo đến, tôi tiếp: “Tao đếm 1, 2, 3... mày không xin lỗi tao, tao sẽ đá mày lọt xuống sông đó”. Tốt lớn hơn tôi mấy tuổi, tôi đứng chưa tới vai của Tốt thế mà tôi đếm 1, 2, đến câu thứ 3, đá Tốt lọt xuống sông, may là nước ròng, nhưng mặt Tốt bị úp xuống sình, bị cây quẹt sưng vù. Mẹ Tốt đến thấy con mắt mũi tèm lem, bà ta sấn tới định đánh tôi, mấy người lối xóm nói “Con bà có lỗi...”, bà không dám hành động.

Tội nghiệp ngoại tôi đi bán về, bà Hai Y kéo gia đình đến, mắng nhiếc ngoại nặng lời. Ngoại tôi xuống nước nhỏ năn nỉ, lúc đó tôi tức lắm, vì còn nhỏ bệnh ngoại không được, nên tôi gọi các bạn đến nói: “Nếu đứa nào chơi với thằng Tốt tao đánh cho coi”. Các bạn giận Tốt không giữ lời hứa tạt nước tôi, nên tất cả đều đồng ý.

Hơn nửa tháng không ai chơi với Tốt cả, Tốt đến khóc với tôi: “Ngọc Chi ơi, mày cùng mấy bạn chơi với tao nhé, tao không dám chọc mày nữa”. Tôi nổi quạu nói: “Mày muốn mấy đứa tao chơi với mày, mày phải bảo mẹ mày năn nỉ ngoại tao.” Tội nghiệp Tốt về nhà năn nỉ mẹ, bà Hai Y thương con, đến xin lỗi ngoại tôi và ngoại tôi chỉ nói những lời hòa giải. Lúc đó chúng tôi hòa nhau.

Mẹ tôi về hay tin tôi gây sự để người ta mắng ngoại, mẹ đánh tôi thậm tệ, ngoại tôi la khóc: “Nếu mày đánh nó, mày hãy giết tao đi”. Mẹ tôi nhiều lần cãi lộn cùng ngoại: “Má nuôi con của con, mãi nuông chiều như thế này, lớn lên nó hư cho má coi.” Người ta thường nói: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”, may là tôi không sao cả.

Kể ra lối cưng chiều cháu như ngoại tôi, tập cho bé có tinh thần ỷ lại, còn như mẹ tôi đung đầu đánh đó, làm cho bé có cảm giác bị bỏ rơi. Dạy trẻ con phải tìm hiểu cá tính của nó. Tuy tôi nghịch phá nhưng biết vâng lời, thấy ngoại bị người ta mắng, tôi đau lòng và khi ngoại khóc: “Con ơi! Ngoại nuôi con cực lắm, hãy cố gắng lo học, đừng ham chơi đánh lộn với người ta, con mới là cháu ngoan của ngoại”. Bẩm sinh biết nghe phải trái, tôi hứa vâng lời ngoại, bắt đầu từ đó, tôi nhin bạn, có lúc nổi giận, nhớ lời hứa với ngoại tôi bỏ qua tất cả.

Thế rồi, tôi làm khổ ngoại thêm lần nữa, không đi xem hát, không rủ bạn bày đoàn đánh kiếm múa đao, đổi trò tắm mưa, tạt nước qua lại té bò còng, chân tay bị trầy, đứa nào cũng về giấu cha mẹ không dám

nói. Phá vậy cũng chưa đủ lượng, xuống sông tập bơi lội, nghe nói chuồn chuồn cắn rốn biết bơi, các bạn cùng nhau tìm chuồn chuồn, cho cắn rốn.

Tôi là đứa ngu nhất trong đám bạn, tui nó bị cắn đau không cho cắn nữa, còn tôi cho chuồn chuồn cắn rướm máu, vì nghĩ rằng, cắn lâu sẽ lợi giỏi. Rồi vào buổi sáng Chủ nhật, không đi học, tất cả đến sông Cầu Lầu, hẹn nhau nhảy xuống bãi. Nghĩ trẻ khi xưa quá khờ, đứa nào cũng 9, 10 tuổi, có đứa 13, 14 tuổi thế mà quá vô tư. Có đứa xuống nước trước, bảo nhảy xuống sông đi, lúc đó tôi hỏi, xuống sông rủi chết làm sao? Bạn nói mày chết tao chịu cho. Nghe thế chắc ăn rồi, mình chết nó chịu, cả đám đồng nhảy xuống sông một lượt, báo hại bà con cả chợ xôn xao, những ghe thuyền đậu gần đó la hoảng cứu hộ.

Lúc ấy tôi bị ngập nước, gần tắt hơi! Nước mắt tôi tràn ra nóng cả mặt, nghĩ lần này vĩnh viễn xa ngoại rồi, cảm giác rùng rợn lúc đó mang theo tôi suốt đời, lớn lên không bao giờ dám xuống sông. Chúng tôi được vớt lên đều ngất ngư, tôi là trẻ ốm yếu suy nhược nhất, phải xóc nước hồi lâu mới tỉnh. Ngoại hay tin bỏ cả buôn bán về nhà, thấy tôi nằm trên giường, ngoại khóc nức nở. Tôi không quên hình ảnh ngoại tóc bạc màu. Thấy ngoại đau lòng tôi bàng hoàng cả người, càng nghĩ càng thương bà, bà thương con cháu vô bờ bến.

Ngoại tôi nghỉ bán mấy ngày, mời ông Từ chùa bà Minh Hương và ông thầy bói đến, xem vận mạng cho tôi. Người lớn đã tính kế sẵn, dùng đòn tâm lý hăm dọa, thầy bói nói số con sẽ bị trời đánh và bà Thủy Long Công chúa rước về thủy cung. Ngoại tôi hỏi: “Có cách nào cứu nó chăng?”. Ông Từ thay lời đáp, bảo nó đừng tắm mưa, cũng đừng tắm sông, thì trời không đánh được, bà Thủy cung không bắt được. Thầy bói châm thêm: “Chưa được đâu, nếu trời ầm chuyển mưa, phải mặc áo lạnh vô, sức dầu rồi vô mừng năm trời sẽ thương không đánh”.

Mỗi người dọa một tiếng, tôi sợ chết khiếp. Như lọt vào mê hồn trận, từ đó về sau, mỗi lần mưa, đang học bài hay chơi cùng bạn, tôi bỏ chạy vào mừng đắp mền lại. Thỉnh thoảng mẹ cùng em về thăm ngoại, vào dịp mưa, tôi kéo tay em tôi bảo chạy mau, trời đánh chết. Em tôi cãi lại: “Trời đánh chị chứ bộ đánh em sao”. Mẹ tôi cười nói: “Đánh chị hai con, động lay đến con đó”. Em tôi hoảng sợ đồng chạy trốn. Tôi là đứa trẻ ham chơi gây nhiều nỗi sợ hãi cho người thân, nên khi giao tiếp trẻ con, tôi có nhiều cách tâm lý dạy trẻ.

Nepal, ngày 16 tháng 4 năm 2011

THAI NHI CÓ THÍNH GIÁC CHĂNG?

Tôi không quên mẹ tôi thường nói: Lúc mẹ có thai tôi chỉ vài tháng tuổi, mỗi ngày ba tôi bảo mẹ ra phòng khách, rồi đánh nhạc Ấn Độ, nhảy múa lừng lừng, và nói rằng ca để con nghe. Mẹ tôi mắc tức cười ông chồng làm chuyện phi lý, nên nói: “Đứa nhỏ còn nằm trong bào thai, chưa biết trai hay gái, biết gì mà nghe anh ca.” Ba tôi quả quyết, bào thai biết nghe nhạc và cứ như thế mỗi khi đi làm về, bận lắm ba mới không ca. Bào thai gần đủ ngày, ông ca nhiều hơn. Mẹ tôi nổi bực nói: “Có muốn ca ra rập hát mà ca, tôi đang làm công việc trong bếp, rảnh đâu mà nghe anh ca”. Ba tôi theo mẹ xuống bếp, tiếp tục ca và quở mẹ: “Em chẳng biết gì về khoa học cả, anh ca là muốn cho con anh vui, anh không muốn nó lớn lên làm người đau khổ”.

Kể ra người Ấn rất văn minh. Gần 100 năm trước, người dân đã ý thức bào thai có thính giác. Hơn 10 năm nay dân Việt Nam mới biết thế nào là thai giáo. Khoa học đã chứng minh có máy siêu âm thấy rõ đứa bé biết cười khi có chuyện vui bên ngoài, nhất là nghe ca nhạc, thai nhi cười lắc lư theo điệu nhạc.

Tôi là thai nhi hân hạnh được người cha trí thức hun đúc thính giác. Và khi tôi biết bò, mỗi khi ba tôi ca, tôi đến kéo dây đàn. Ba tôi mừng lắm, khoe luôn miệng: “Con tôi lớn lên sau này sẽ thành nghệ sĩ!”. (Người Ấn cho nhạc là đời sống tinh thần, thuở xưa nhà vua và những vị hoàng tộc, trước khi đi tẩm cũng phải thổi nhạc).

Quả địa cầu bao la, biển thức của nhân loại vô cùng tận. Cái thấy biết của con người có giới hạn thôi, không ai có thể tự hào biết tất cả. Riêng tôi quả quyết: Huyết nhục của cha mẹ tạo thành hình thai nhi có chứa phần ý thức của cha mẹ. Nhà khoa học gọi là gen. Bằng chứng là bản thân tôi, lúc 10 tuổi biết làm thơ, khi biết đánh vần thích đọc báo, thấy thơ nào hay trên báo là tôi lấy kéo cắt để dành, ai đụng đến làm mất một tờ thôi tôi cũng khóc dữ lắm.

Lúc tôi học lớp 3, những truyện tranh chữ tôi đều đọc, còn thơ nào hay lấy bút chép lại. Cũng vì yêu thơ mà tôi bị trận đòn kỷ niệm. Mẹ về thăm ngoại, tôi đi học chưa về, mẹ lục xét tập thấy bài thơ “Bên bờ sông vắng, trời trưa nắng, em sẽ chờ ai ở bên sông”. Mẹ tôi đang nổi giận, rủi cho tôi đi học mới về, chưa kịp mừng mẹ. Mẹ chẳng hỏi gì cả, lấy roi đánh túi bụi, khổ nỗi ngoại đi vắng, không ai bên cạnh, đánh một hồi mẹ hỏi: “Ngọc Chi, mày viết thơ cho ai?”. Tôi đau đớn gần như nín thở! Thưa cùng mẹ: “Thơ trên báo”, mẹ lấy báo xem, quả như vậy, mẹ ôm tôi khóc và nói: “Mẹ xin lỗi con, từ nay về sau mẹ không đánh con như vậy nữa”.

Khi tôi lớn lên xuất gia học đạo, tôi chưa từng học nhạc bao giờ. Tôi biết sáng tác nhạc khiến mọi người rất ngạc nhiên. Giáo sư Tiến sĩ Nam Phong, Trường Quốc gia Âm nhạc, ngạc nhiên hỏi tôi: “Cô viết nhạc từ bao giờ, có học qua trường lớp chưa?”. Tôi thưa cùng Giáo sư: Tôi chưa từng học trường lớp nào cả. Tôi ý thức viết nhạc, vào một hôm, tôi cùng thầy tôi có dịp đi Sài Gòn, xe đang chạy ngang chợ, bỗng tôi nghe tiếng ca của người ăn xin: “Hãy lắng nghe tiếng nói vang trong hồn mình người ơi, con tim chân chính, không bao giờ dám biết nói dối”. Lời ca ấy làm tâm hồn tôi biến động. Tôi nói cùng thầy: “Thầy ơi! Hãy bảo tài xế dừng xe lại, con muốn nghe lời nhạc của ông mù kia”.

Thầy tôi bảo dừng xe và tặng tiền cho ông mù, yêu cầu ông ca lại bài nhạc ấy. Bắt đầu từ đó trong đầu tôi hình như có tiếng nhạc. Tôi không biết tôi nghe vọng từ đâu và bắt đầu từ đâu. Lần đầu tiên tôi viết

nhạc Đạo ca ngày xuất gia, tôi nhờ người mua nhạc Nụ hoa chưa nở, rồi dựa theo âm điệu tập viết thành lời. Đạo ca ngày xuất gia gây chấn động giới tu sĩ trẻ thuở đó.

Sau này tôi tự sáng tác, âm điệu từ nội tâm phát ra. Tôi là đứa trẻ trong bào thai đã nghe nhạc nên biết viết nhạc, mặc dù chưa bao giờ học nhạc. Đạo ca tôi viết gần 50 bài, có đăng ký bản quyền. Tôi viết đạo ca bằng tất cả tấm lòng, tôn kính Phật và Chư lệnh Đại Tổ sư. Tôi nhờ nhạc sĩ kí âm giùm. Thành kính tri ân thân phụ, người cha trí thức, đã ban cho con dòng máu Ấn, và cho con âm điệu còn nằm trong bào thai!

Nepal, ngày 20 tháng 03 năm 2011

SANH CON DỄ, NUÔI DẠY CON KHÓ HƠN

Sự giáo dục con em có nhiều cách. Quý vị có con cháu nên lưu ý: Những đứa trẻ lanh lợi, năng động, quý vị đừng cưng nó quá, nó muốn gì được nấy, lớn lên bị thói quen trở thành những người yếu đuối, làm việc khó đắc lực. Tôi từng dạy học trẻ em, luôn gần gũi cô nhi, nên năng nghiên cứu về tâm lý trẻ thơ. Những đứa con được cưng chiều cũng nên để nó sợ một người trong nhà. Còn như trẻ quá cứng đầu đừng cứ đánh mà không dạy nó. Tuổi ấu thơ, nó biết theo cái biết của nó, đánh đừng đánh đau quá sẽ gieo vào lòng nó sự uất hận, cũng là điều tai hại và khi lớn lên, nó chẳng thấy ai tốt cả, chính cha mẹ còn thường đánh mắng, không thương mình, nó mất niềm tin với mọi người. Những đứa ấy có thể thành vẩn nạn xã hội.

Quý vị sanh con còn dễ, dạy con nên người hữu dụng sau này rất khó. Thuở xưa mẹ của Nhạc Phi bên Trung Quốc sợ con sống gần những trẻ kém giáo dục, ảnh hưởng đến tư tưởng măng non của con bà, bà thả thuyền tìm chỗ ẩn trong rừng sinh sống. Vì thiếu phương tiện bút mực, bà vẽ chữ trên cát dạy con học. Bà giáo dục con không được nói dối, trung quân, ái quốc. Nhạc Phi còn trẻ, nói không thật với mẹ đôi lời bị mẹ giận, ngài tự lấy roi nằm xuống mời mẹ đánh và ông thề cùng mẹ sau này không bao giờ nói dối nữa.

Ngài Nhạc Phi có người mẹ trí thức, sanh con sanh cả lòng, ông lớn lên làm quan lớn. Dù rằng ông bị Tần Cối mưu hại, nhưng cái chết trung can nghĩa khí hiện giờ được người đời phụng cúng, danh vang muôn thuở. Còn Tần Cối bị người đời phỉ nhổ, để tượng hình bị trói, hậu thế chê cười!

Người xưa rất quan tâm giáo dục con em: Khi cha mẹ mất để tang 3 năm mới lập gia đình. Ông Nguyễn Công Trứ, đời vua Minh Mạng, ngài thị sát dân tình, nghe trong nhà có tiếng mắng cha mẹ, ông ghé vào thấy đứa nhỏ khoảng 4 hay 5 tuổi đang mắng cha mẹ. Ông bảo đem chén cơm cho bé ăn, bảo người để đĩa ngược. Bé cầm đĩa lên so đầu đuôi thứ tự, ông ra lệnh chém đầu bé ngay, vì ông cho rằng bé đã đủ trí hiểu biết mà bất hiếu.

Còn nhà vua Tự Đức đời Nguyễn, vua đi công việc lâu, Thái hậu ở cung trông đợi, vua về thấy mẹ buồn, quì lạy mẹ và nằm dài, để roi cho mẹ đánh. Đời xưa chữ hiếu làm đầu, nay có phần khác hơn nhiều! Đôi khi cha mẹ còn đó, chữ hiếu chưa tròn; nếu cha mẹ có chút vật chất, thì anh, chị, em lo tính phân chia; đôi khi cha mẹ hấp hối, nhắm mắt không yên vì các con chỉ lo phân chia của cải. Tôi chứng kiến cảnh này rất nhiều.

Cũng có nhiều trường hợp cha mẹ cũng quá đáng, không vừa ý với con, coi như bỏ nó bên lề đường, lối giáo dục chưa đủ tế nhị, hãy xét kỹ nguyên do, tại sao con phản ứng, nó muốn nhu cầu gì? Dù con có sai trái thế nào, thì khúc ruột đừng nên cắt bỏ, ngược lại phận làm con phải nhớ công ơn cha mẹ như trời biển, dù cha mẹ có gây đau thương oan ức như thế nào cũng nên lấy chữ hiếu làm đầu, mai sau quý vị lập gia đình, con cháu quý vị sẽ hiếu kính với quý vị. Đừng mơ gia tài của cha mẹ, quan trọng là tạo cho mình nghề nghiệp, bản thân vững chắc, có trách nhiệm, siêng năng trong công việc là cơ sở bền lâu; gia tài ấy dùng hoài chẳng hết, đời chi gia tài vài căn phố, vài mảnh ruộng để gia đình tan rã, anh em bất hòa.

Ngày 15 tháng 04 năm 2011

KINH NGHIỆM GIÁO DỤC TRẺ EM

Qua kinh nghiệm giáo dục trẻ em, từ cô nhi viện đến dạy học nhà trường, năm 1972, 1973, tôi dạy học tại trường Trí Nhân ở Gia Định. Nhà trường có nội trú lẫn bán trú, vì là trường tư nên thành phần con nhà khá giả học rất nhiều. Những đứa trẻ này ham chơi không chịu học, khó dạy vô cùng. Tôi nghĩ ra một cách: Tuần nào cũng cho thi, tôi xuất tiền ra mua búp bê, vòng đeo tay, tu huyết, lũ trẻ đua nhau về học bài. Lớp tôi gần 30 trẻ chia nhau lãnh thưởng, tuy có đứa quá kém cũng cho nó tu huyết nhỏ để khích lệ tinh thần bé.

Tôi áp dụng cách của nhà học giả Ấn Độ, cho tất cả thí sinh cùng thi, thi xong trò nào ông cũng chấm hạng nhất. Số học viên làm bài thi có hay dở thế nào cũng đều là hạng nhất. Học giả đáp: “Khi các con thi, tất cả các con đều làm bài hết sức mình, nên thầy khen là hạng nhất cả, sự chấm thi của thầy như trận mưa thấm nhuần, mỗi cây đều sống theo tánh tướng của nó.”

Tôi áp dụng tâm lý này vào ngành giáo dục thật là hữu hiệu. Nhà trường học sinh càng đông, nổi tiếng dạy giỏi, con em họ về nhà siêng làm bài, học bài và được lãnh thưởng. Lại có một việc nhà trường khó giải quyết, cậu học trò lớp 3 ăn cắp cây viết của bạn, cô giáo bạt tai bé, rằng cháu bị chảy máu, gia đình bé có thân nhân làm quốc hội, thân thể sang trọng, cả nhà kéo đến trường làm khó đòi đem cô giáo ra. Cô giáo sợ quá chạy trốn.

Nhất là ngoại và mẹ cậu bé mặt mày tái xanh, nếu cô giáo ra chắc chắn sẽ bị bè hội đồng. Tôi và Giáo sư Hồng hết lời phân giải, hứa mời hiệu trưởng mở phiên họp xử lý. Chị hiệu trưởng là bạn thân của tôi, chị vừa đẹp người, đẹp nét, ăn nói lịch sự tế nhị, giải quyết việc ấy cũng không đi vào vấn đề vì không dám để cô giáo ra mặt khi gia đình quá khích.

Bạn tôi trong lòng ngổn ngang trăm mối! Hội ý cùng tôi nên gỡ rối bằng phương pháp nào? Cả đêm khó ngủ, tôi tìm ra phương cách: Nhấn cháu bé đến trường. Gia đình vị tình tôi cho cô giúp việc đem cháu bé đến, đầu tiên tôi đến gần cháu, vuốt đầu hỏi: “Con có thương cô giáo chẳng?”. Cháu đáp: “Dạ có” và tôi bảo cháu há miệng xem răng đau chỗ nào, nhận thấy răng cháu lung lay vài cái vì đang trong tuổi thay răng.

Tôi lấy bánh cho cháu ăn và nói: “Cô giáo biết con ngoan lắm, con không có ăn cắp cây viết của bạn, con chỉ lượm thôi phải không con? Tại cô giáo Loan đánh con nên con giận không đưa ra phải không?”. Cháu đáp: “Dạ”, tôi mừng rỡ vô cùng vì sự việc sắp được phơi bày. Tôi nói tiếp: Cô Loan nói với cô chỉ đánh con nhẹ thôi, tại răng con sắp thay chảy máu phải không? Bé đáp: Răng con bị đau. Tôi tiếp: Cây viết hiện giờ con cất ở đâu? Đưa ra cho cô xem, cô sẽ cho con cây viết mới đẹp hơn?

Bé nín thinh, tôi sợ nó dối ý lấy viết tặng bé và nói: “Con đừng sợ cô giáo sẽ bênh con, khi nào có phiên họp cô hỏi: Con đem cây viết ra nhé, con hãy nói rằng con lượm chứ không phải ăn cắp trước mặt mọi người.” Tôi dặn cô giúp việc: “Cô đã nghe sự việc về đừng nói với gia đình, chỉ đứng xa xa nghe không rõ thôi, nếu cô nói không khéo cháu bị đòn là khó cho cô đấy”.

Bắt đầu phiên họp có đủ mặt: Hiệu trưởng, gia đình cháu bé, cô giáo Loan v.v... Khi gia đình cháu bé gặp cô giáo Loan với những ánh mắt như tia lửa, đôi bên đối chất có phần căng thẳng, tới phiên tôi hỏi

cháu bé và luôn biện hộ cháu là học sinh ngoan không ăn cắp viết mà chỉ lượm thôi. Cô giáo vô tình không hỏi kỹ nên đánh nó, nên nó giận giấu viết không đưa và bé rất ngoan, những lời dạy của tôi nó nói y như vậy. Gia đình ngạc nhiên hỏi con giận, cũng không biết nó lấy cắp viết; riêng cô giáo Loan, trách nhiệm cô giáo, nóng tính đánh học sinh cô nhận lỗi, mọi chuyện được giải quyết ôn hòa.

Có câu: “Nghĩ nhân nan” làm người rất khó tôi biết rõ cậu bé ăn cắp cây viết của bạn! Lại cô Loan nổi nóng đánh con người ta, sự việc tuy không lớn nhưng dễ đi vào rắc rối, người ta đưa đơn thưa báo chí sẽ làm rùm beng, nhà trường mất uy tín, đối với ngành giáo dục đâu phải chuyện thường. Tôi nhờ có học chút xử thế, cẩn thận giải quyết sự việc làm sao cho đôi bên không đi vào xung đột, rồi từ từ hóa giải, tránh làm đau đầu nhức óc.

Ngày 15 tháng 04 năm 2011

HỒI ỨC: ĐẠO CA “CÔI VÔ THƯỜNG”

Ngày 17 tháng 3 năm 2010, tôi về Ấn có chút Phật sự và qua Nepal. Nepal là xứ thường xảy ra chiến tranh. Năm 2007 - 2008, Nepal đã ký hiệp ước hòa bình nhưng đến nay biểu tình và tranh chấp vẫn xảy ra thường xuyên.

Tôi sống ở Việt Nam từ thời Bảo Đại, trải qua chiến tranh đau thương nên thương cảm cho người dân bị nạn! Cuộc sống của họ quá bấp bênh. Hiện nay đời sống của chúng ta, toàn thế giới bị thiên nhiên cảnh báo, hăm dọa, phủ lên đầu chúng ta những ngọn gió dữ, thiên tai, lũ lụt, động đất... Vũ trụ lên án chúng ta từng giây, từng phút.

Tôi lắng nghe chiều sâu của tâm hồn, cảm thương cho số phận con người thế kỷ XXI! Sự sống quá bấp bênh, nổi khổ chồng lên mãi. Tôi viết đạo ca Côi vô thường, thể nhập vào không gian vô cùng tận với nỗi chua xót, kiếp nạn của con người.

Đạo ca: Ôi thế nhân, kiếp sống mong manh trở về cát bụi, mặt đất bao la như mẹ hiền ru con ngàn đời. Ta là ai? Ta là bèo mây tan hợp, thăm phận mình, xót phận người như chiếc quán ven đường.

Đường ta đi trên non cao, đường ta đi gió lộng ngàn sao! Đường ta đi như giấc chiêm bao, loay hoay kiếp đời may rủi, trôi nổi trong luân hồi tay lại trắng tay.

Ôi thế nhân! Lắng tiếng vô tình trở lại chính mình, giáo lý Thích Ca như khoang thuyền thênh thang tuyệt vời. Ta về đâu? Ta về nhà xưa chân tịnh, côi Phật Đà, giữ bụi trần trong kiếp sống vô thường.

Tôi viết đoạn: “Đường ta đi trên non cao, đường ta đi gió lộng ngàn sao...”. Thật ra có những người hiện nay chưa bị chiêu nghiệp của thiên tai, họ loay hoay trong kiếp sống cho là hạnh phúc mà hạnh phúc là cái bóng của vô thường, như chiêm bao, như điện chớp! Thế kỷ XXI chú trọng vật chất quá nặng, quá lạc quan, tôi gửi quý vị đôi lời: “Lắng tiếng vô tình, trở lại chính mình, giáo lý Thích Ca như khoang thuyền thênh thang tuyệt vời...”.

Nepal là nơi đáng giáo chủ Thích Ca giảng trần, ảnh hưởng lớn đến các nhà lãnh đạo, tuy họ từng giao chiến nhưng đôi bên ký hiệp ước: Cách 15 cây số không nổ súng. Vì thế 32 ngôi chùa quốc tế ở Lumbini bình yên, người dân lân cận hưởng phước lây.

Tổng số dân Nepal trên 22 triệu, ít hơn Ấn Độ nhiều (Ấn Độ trên 1 tỷ) nhưng đời sống của họ giống nhau, họ đều sống trong cảnh khổ nghèo, thiếu nước. Vì nơi đây không có sông rạch như Việt Nam, phải dùng nước giếng cách làng 5, 7 cây số, chỗ nào chưa có giếng nước người dân phải đi xách nước rất xa nhà. Dân đông, nguồn nước khan hiếm, trời nóng gần 50 độ. Cảm thông nỗi thống khổ của người dân xứ Phật, tôi nảy sinh ý đào giếng và tôi đã xây được giếng nước tại làng Clugadia ngày 13 tháng 05 năm 2010.

Tôi, Bạch Liên, Minh Liên, Minh Hòa ước ao, bất luận nơi đâu, Nepal, Ấn Độ hay Việt Nam, nếu có điều kiện sẽ góp phần tích lũy cho xã hội. Cuộc sống của người dân Ấn hay Nepal rất đơn giản: Họ đa số ăn rau quả, điểm tâm sáng chỉ là một ly sữa bò nhỏ pha cùng trà gọi là “chai”, bữa trưa là bột mì nướng hay chiều với chút cà ri dùng gọi là “Chapati”.

Nước là điểm trọng yếu đối với họ, họ thấy cây nước được phun trào giữa trưa hè oi bức, họ vui mừng hơn hở, chấp tay tỏ lòng tri ân chúng tôi. Riêng tôi cảm ơn họ. Hoàn cảnh khổ của họ đã tạo cho chúng tôi nuôi dưỡng lòng từ. Nhìn những gương mặt hiền hòa, chất phác nở nụ cười phúc hậu của họ, chúng tôi cảm thấy mát lòng như vòi nước phun trào, làm ấm lòng người con Phật.

Nepal, ngày 18 tháng 05 năm 2010

XÉ ĐỐT KINH PHÁP HOA

Năm năm nửa người nửa thú

Năm 1969 có cậu Tỷ con Bà Hai ở Trà Vinh, cha mất sớm, mẹ cậu khá giả và chỉ có mình cậu thôi. Bà Hai quá cưng chiều nên cậu sanh nhiều thói hư tật xấu, uống rượu, đánh bài, phá của gây nợ khắp nơi. Ngày nào cũng có người đòi nợ, bà Hai vô cùng đau khổ! Mẹ tôi thường dẫn bà đi chùa, vì bà ít chữ, đọc kinh không lại bạn đạo, nên mượn kinh về xem.

Cậu Tỷ về nhà báo mẹ cho tiền, trong khi bà đang xem kinh, bà làm lơ không nói gì cả, cậu nổi giận giựt quyển kinh xé, sẵn bếp đang nấu đồ ăn, cậu đốt luôn, đã vậy cậu chưa hả giận, đập phá đồ trong nhà và cự cãi cùng mẹ những lời hỗn hào: “Bà có tiền đem cúng mấy ông thầy chùa, sao không cho tôi, bà mà tu gì, tôi đốt kinh cho bà hết tu...”.

Tội nghiệp bà Hai, gặp tôi bà khóc thảm thiết... Tôi không còn cách nào dạy con làm người tốt, mỗi ngày nó gây nợ bị người ta đến đòi tiền, lại bị cảnh sát bắt hoại, nay lại còn đốt kinh. Tôi muốn uống thuốc độc chết cho rồi, đời tôi sao bạc phước. Thấy bà khổ tâm, tôi khó cầm lòng. Tôi thông cảm nỗi đau của người mẹ, nên khuyên bà vơi bớt cơn sầu...

Vài tháng sau, nghe cậu Tỷ bị bệnh nặng chở vào nhà thương cứu cấp, cậu bị trợn mắt co giựt, bệnh viện Trà Vinh trị không được, chuyển lên bệnh viện Chợ Rẫy Sài Gòn. Giám định Y khoa chẩn đoán cậu bị liệt dây thần kinh quá nặng, không còn cảm giác nhận người thân và cậu được chuyển đến bệnh viện tâm thần Biên Hòa.

Cậu ở nhà thương Biên Hòa bệnh tình càng ngày thêm nặng, cậu Tỷ dữ quá thường đánh các bạn cùng bị thần kinh! Bác sĩ trị bệnh cậu không thấy khả quan, nên cho về nhà. Bà Hai mượn mấy người giúp việc săn sóc cậu, nhưng cậu dữ quá, thường đánh cắn mọi người, họ sợ lây bệnh không ai dám làm cả. Không còn cách nào hơn, bà Hai mượn người xây hàng rào nhốt cậu lại, cả ngày cậu thét gào đập phá; tay, chân, đầu tóc rướm máu.

Thời gian cậu bị nhốt 3 năm, tôi về thăm nhà và đến thăm cậu vào buổi chiều mùa đông giá lạnh. Đứng xa xa nhìn cậu, lòng chợt se thắt! Tôi biết Tỷ lúc còn nhỏ, đứa bé trai mập đẹp dễ thương. Nay đứng trước người đã mất hết lý trí, tóc rồi xòa qua bờ vai, vì không ai cắt gội, thân thể tanh hôi lổ lổ vì không ai tắm rửa, móng chân dài, cuộn xoáy lại! Lòng tay, lòng chân mọc đầy cả mình, tiếng kêu hú như loài dã thú rừng hoang! Chứng kiến cảnh tượng ấy quá đau lòng, cậu Tỷ bị như thế gần năm năm mới chết.

Gần đây vài năm tại huyện Mang Thít, Cái Nhum tỉnh Vĩnh Long, có cậu Mười Một, vợ cậu thỉnh thoảng đến chùa, cô ấy thấy Phật tử tụng Kinh Pháp Hoa, cô mượn kinh về xem, hai hôm sau cậu Mười Một đến tận chùa, rượu ngà say, cậu la lối: “Sur cô đâu, có vợ tôi ở đây không? Nó muốn tu hả, tôi đốt kinh rồi, nói đốt kinh là có tội, thách ai làm gì được tôi”.

Thấy cậu say, rượu vào lời ra, tôi ôn hòa nói: “Không sao đâu, lỡ đốt thì thôi cậu về nhà nghỉ đi, vợ cậu không có ở đây”. Tưởng nói thế là yên, nào ngờ cậu chạy thẳng vào chánh điện, múa tay chỉ vào Đấng Bồn Sư nói: “Tôi đốt kinh đó, ông Phật làm gì tôi”. Lúc đó mọi người kéo cậu ra. Khoảng 2 ngày sau, vào buổi chiều, nghe cậu bị điện giật chết, vợ cậu đến nhờ tôi cầu siêu.

Nepal, ngày 14 tháng 05 năm 2011

CẦU KINH PHÁP HOA VỚI TÂM SÂN GIẬN

Năm 1976, tôi có dịp đến Cái Mơn, tỉnh Bến Tre, tôi được biết cô Tư là con gái ông chủ tiệm thuốc Bắc, tụng kinh Pháp Hoa. Tôi hỏi cô, ý thức và cảm nhận gì từ Kinh Pháp Hoa? Cô đáp: “Nghe nói kinh Pháp Hoa linh lắm, cầu gì được nấy, gia đình con lúc này khổ lắm. Mẹ mới chết, ba lại đem bà nhỏ về, nên con tụng kinh cầu cho bà ra khỏi nhà”.

Nghe cô tâm sự hoàn cảnh đáng thương, nhưng tụng kinh có mục đích bằng sở cầu xem kinh như lợi khí, như dụng cụ, đánh đuổi bà mẹ kế. Thật là hoang đường. Tôi khuyên cô: Kinh Pháp Hoa là Kinh Đại thừa, tụng phải dùng tâm an tịnh mới có kết quả tốt, còn như với tâm sân hận, đem chuyện gia đình thế gian mà cầu kinh sẽ gây thêm chướng nghiệp. Cô ta ngoan cố nói: “Thầy cô dạy sao cô nghe vậy”.

Thật ra ông thầy nào đó, tôi chưa gặp, cũng không muốn gặp, tôi thất bại chào thua Phật tử ấy. Thời gian sau, gần 6 tháng, tôi đến thăm cô Tư lần nữa, thấy cô gái bị điên loạn, tuổi 18, có chút nhan sắc mà không biết mình là ai, đi rong khắp chợ chẳng mảnh vải che thân? Thảm nỗi cô ta chui vào hầm cầu ngửi phân! Tôi đứng từ xa chứng kiến cảnh ấy, mùi xú uế từ hầm cầu thoát ra, tưởng chừng như ngợp thở! Thế mà cô ta mãi ngồi nơi ấy!

Lại thêm chuyện cô Giang ở Sài Gòn là cô giáo dạy trường mầm non, thỉnh thoảng đến thăm tôi và đôi thơ cùng tôi. Cô cũng trì tụng Pháp Hoa tại nhà với những lý tưởng không hợp pháp Phật. Tôi khuyên cô nếu tụng Pháp Hoa hãy đến chùa tụng vì nhà cô không cho thờ Phật, lại quá náo nhiệt và cô cũng chưa ăn chay. Lại thêm một lần thất bại, cô ta đến để xin góp ý nhưng chẳng cần nghe! Thời gian sau, cô Đào cho hay tin, cô Giang bị bệnh thần kinh, tuổi trẻ của cô cứ thế chết dần.

TỤNG KINH SANH PHƯỚC ĐÔI TÍNH HỌA

Cô Tư Đông là người tâm đạo, cô có căn nhà lầu gần chợ Vĩnh Long, cô thỉnh những tượng Phật có kích thước lớn, gần như ở chùa, có cả tượng ông Tiêu, Hộ Pháp, Đại Hồng Chung... Kể ra cô thờ tượng nhiều hơn những ngôi chùa nhỏ, lúc đó cô mời một số thầy đến an vị Phật và khi tôi đến, cô vui mừng khoe thành tích mới, cô hỏi tôi thờ vậy được chăng? Tôi đáp: Cô có thể cho tôi góp ý, đừng buồn tôi được chăng? Cô vui vẻ vâng dạ liền miệng.

Tôi nói: Hãy đem những tượng Phật và Thánh tượng Hộ Pháp, Đại Hồng Chung gởi vào chùa, để lại ông nhỏ thờ thôi. Cô trố mắt nhìn tôi hỏi, tôi thờ Phật để tu tại sao đẹp? Tôi đáp: Nơi thờ tượng Phật lớn nên ở chùa, vì chùa gọi là Tam Bảo, có Phật, có Pháp, có Tăng còn cô thờ Phật ở nhà như ngôi thờ tự không hợp pháp đâu. Tôi lấy ví dụ, cũng như các cơ quan, những vị chức năng phải đến nơi ấy làm việc, những văn bản, chữ ký có dấu hiệu mộc đỏ. Ngược lại, những con dấu được cất tại nhà riêng, hay ký tại nhà là không hợp lý.

Tam Bảo cũng thế, là cơ quan thẩm quyền, tâm linh, có Phật có Pháp phải có Tăng, tuy cô có nhiều đạo tâm, nhưng cương vị chưa phải là Tăng, cô không thể đem những tượng Phật lớn thờ giống như nghi thức chùa. Nhà không thể gọi là Tam Bảo. Đáng vô hình không chứng minh, rồi những thứ linh tinh bám vào Thánh tượng không tốt đâu.

Những lời khuyên của tôi đều vô nghĩa, vì quan niệm của tôi có phần không hợp ý cô, tuy cô không giận tôi nhưng cũng chẳng nghe lời. Kể ra cô ta có nhiều điểm phức, cuộc sống đầy đủ, chồng lại hiền hòa, cô chỉ có một đứa con gái, vừa đẹp lại cởi mở. Thế rồi thời gian không lâu, cô càng tụng kinh tính tình càng gắt gỏng, thường gây sự với chồng con, ông Tư Đông không chịu nổi bản tính của vợ, chán nản bỏ đi tìm bà khác. Cô con gái lập gia đình dang dở, uống thuốc tự tử thiếu chút nữa mạng không còn. Còn cô Tư Đông càng ngày bệnh tật liên miên, yếu dây thần kinh, cô chết dần trong căn bệnh thương tâm và cô đi về thế giới bên kia, tội nghiệp cho cô con gái, cảnh khổ mất mẹ, cha lại rao bán nhà đi nơi khác.

Kinh Pháp Hoa là mật pháp. Thuở Phật còn trụ thế, số Tăng còn chưa lãnh hội được. Còn ông chủ tiệm thuốc Bắc, cô Giang mang tâm sân si, kiêu mạn, ví như chợ cá tanh hôi, làm sao đặc bàn đãi khách được, cầu kinh với tâm sân hận, không sanh phước đổi thành họa; còn cô Tư Đông, hãnh diện mình đủ điều kiện, tự lập ngôi Tam Bảo, phước đâu chẳng thấy mà nhà tan, cửa nát!

Lời bình

Kẻ hữu tình như cô Tư Đông, cô Giang, con ông chủ thuốc Bắc tính tấn tụng kinh, nhà tan cửa nát, kẻ bị cuồng điên, người giảm tuổi thọ, là tại sao? Vì họ vô tình đem tham sân si, hỷ, nộ, ái, ố mà cầu Phật; cũng như người làm bánh không học công thức, đường, bột, dứa, trộn đại vào bánh bị chai hư không dùng được; cũng như nước suối trong lại pha vào chất dơ, nước sẽ nhiễm trùng không dùng được.

Còn như cậu Tỷ, cậu Mười Một, hành động không suy nghĩ đến hậu quả, ý nghiệp, khẩu nghiệp, phạm thượng, tác hại đến xác thân. Phật bắt tội chăng? Thí dụ như có người, đến Quốc hội hay cơ quan hành pháp, đập phá và nói nặng cấp lãnh đạo tối cao như Chủ tịch nước hay xé những hình ảnh của cố tổng thống, hay cố bí thư thì người ấy sẽ ra sao?

Trường hợp này người ngoan cố kia sẽ bị trừng phạt, có thể bị bắt giam, liệt vào tội phá rối, hủy phạm thanh danh cấp lãnh đạo tối cao. Cố tổng thống, cố chủ tịch có hiện hình bắt tội họ không? Vì quý vị ấy đã đi vào thế giới vĩnh hằng, nào quan tâm chuyện phải trái, thị phi. Nhưng thực tế, người có chức năng hiện tại, có thẩm quyền sẽ kết tội nặng hay nhẹ. Phật cũng thế, Ngài không bao giờ bắt tội hay trừng phạt ai cả nhưng Đấng vô hình có trách nhiệm hộ pháp hành sự theo qui luật nhân quả. Cậu Tỷ 5 năm điên loạn nửa người nửa thú; cậu Mười Một đã xé đốt kinh, còn thách đố lăm lờ, thân thành tro bụi. Lời Phật dạy: “Tâm tạo tác tất cả, như tâm tạo nghiệp chẳng hiền, như xe chuyển bánh khổ liền theo sau”.

Nepal, ngày 15 tháng 3 năm Tân Mão

PHÁP TU NÀO ĐI VÀO TỰ TÁNH?

Xin chia sẻ cùng chư huynh đệ đã xuất gia, đang xuất gia hay sẽ xuất gia. Chúng ta vào nhà Phật, tìm tri kiến Như Lai giác ngộ giáo lý Phật Đà là con đường rốt ráo trở về tự tánh. Phật dạy tám muôn bốn ngàn pháp môn tu, tuy thế có căn bản ba pháp: Thiền, Tịnh, Mật.

Lời Đại sư Ấn Quang nói: “Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, Mật Tông ví như đường lên núi chia 3 lối cùng lên tới đỉnh”. Ta chọn pháp tu nào phù hợp với căn cơ ta. Quan trọng là đường lên đỉnh cao, qua đèo, băng suối thì ta có đủ kiên nhẫn vui chịu mọi cảnh ngộ chăng? Giáo lý Phật quá tuyệt vời sâu sắc, dung nạp tất cả căn cơ bằng ba phương pháp: Thiền - Tịnh - Mật, như ba loại thuốc quý, nhất định chúng ta phải dùng: Hợp thời, hợp cảnh, hợp duyên mới có tác dụng.

Thiền Tông là pháp tu đi vào tự tánh, cũng như vị thuốc bổ làm cho trái tim ta an bình tĩnh lặng, không bị xáo trộn bởi ngoại cảnh. Tịnh Độ Tông là pháp tu “Thanh tịnh tam nghiệp” như vị thuốc chữa bệnh đau bụng, đau lưng. Còn Mật Tông là pháp bí mật, hàng phục ma. Mật Tông không có pháp tu chỉ quán, nhưng khi tác quán, dùng Khẩu Mật (miệng niệm chú), Thân Mật (tay bắt ấn) và Ý Mật (tâm thanh tịnh). Mật Tông như thuốc trị bệnh cấp bách như nhức đầu, đau răng cần nhổ hay giải phẫu khối ung nhọt.

Nói chung ba pháp: Thiền - Tịnh - Mật, thân khẩu ý thanh tịnh sẽ đạt kết quả tốt; ngược lại ta chỉ thấy pháp tu của mình là đúng, là siêu việt, còn những pháp tu khác sẽ sai, sẽ bị tẩu hỏa nhập ma, phong ba sẽ dậy sóng thì trong lòng ta, chung quanh ta toàn là oan trái.

Ba vị thuốc Phật ban rất tối hậu. Chúng ta hãy nghiên cứu cẩn thận mà dùng, đừng thái quá bất cập tạo thành chướng nghiệp! Ba vị thuốc Thiền - Tịnh - Mật giúp cho chúng ta giải thoát cơn mê, ngàn đời vạn kiếp, khổ nổi chúng ta mang thân phàm phu, tám yếu tố buộc trói ta như cơn gió lốc: Danh, lợi, khen, chê, vui, buồn, khổ đau, ganh tỵ.

Chúng ta làm sao ngăn những ngọn gió dữ này? Chỉ còn cách: Vâng lời Phật, vâng lời Tổ, đừng mời đau khổ đến chúng ta, cũng đừng quan tâm chuyện thị phi xấu ác của người khác. Ta nên thường phản tỉnh mình, kẻ hơn ta đừng cho là đối thủ của ta, ngược lại ta cần nên học hỏi; kẻ thua ta cũng đừng xem thường họ, nếu cần ta nên nâng đỡ họ. Ta luôn có trái tim thánh đức, trái tim từ ái. Tôi nghe những cơn gió nghiệp thổi vào ta, từ từ sẽ vào không gian.

Định của thiền là Định của Huệ, niệm Phật thanh tịnh tam nghiệp hay Mật Tông thanh tịnh Thân - Khẩu - Ý, trí huệ tự nhiên phát sinh không cần cưỡng cầu. Điểm ta lưu ý là giữ giới, nếu không giữ giới làm gì có Định, nếu không Định làm gì có Huệ, Định mà bỏ Huệ là sỏi đá vô tri.

Ta nên tập tĩnh lặng như dòng nước thanh trong, ta không thể pha một chút nước bẩn vào nước sẽ bị nhiễm trùng, nếu cần ta nên pha một ít chất thơm vào sẽ dễ chịu hơn. “Tự tánh Di Đà duy tâm Tịnh độ”.

Đại sư Ấn Quang nói:

“Có Thiền có Tịnh độ

Như hổ mọc thêm sừng

Đời này làm kiếp người

Đời sau làm Phật tử

Không Thiền có Tịnh độ

Nếu ta muốn vãng sanh

Lo gì không có ngộ”.

Có đức thiếu tài khó lãnh đạo, có tài thiếu đức làm việc nhỏ thôi. Chúng ta muốn cho mình vừa có đức tài, luôn mở rộng tầm nhìn xa, tiếp thu cái hay cái biết của nhân loại, vì sự hay biết của nhân loại vô cùng vô tận so với cái biết của cá nhân ta có giới hạn, đừng ý mình có tài xuất chúng, “hạ mục vô nhân” nhất định sẽ bị thất bại trong cuộc đời.

Ta không kiểm soát được ta, đừng mong giáo huấn ai cả, ta nên làm những việc lợi mình lợi người, phân rõ trắng đen thiện ác,...! Chúng ta thường có lỗi, quen chỉ quan tâm đến chính mình. Tự kỷ là điều tai hại. Ba cửa Thiền, Tịnh, Mật khó mở cửa.

Riêng tôi ba cửa này, cửa nào tôi cũng muốn vào, tôi ví mình là học trò, học từ lớp nhỏ lên đại học, phải trải qua bao nhiêu môn học, bao lần cuộc thi trắc nghiệm: toán, lý, hóa, sinh,...! Nếu ta rớt môn nào, hay bị điểm liệt của môn nào thì khó đậu. Vì thế đời tu của tôi chọn 2 pháp tu Thiền và Tịnh; còn Mật Tông, tôi trân trọng tán thán và nghiên cứu.

Giáo lý Phật là con đường Bát Thánh Đạo Chân Chánh, dung nạp tất cả các căn cơ. Người xưa có câu: “Đạo Khổng pháp hành: Tồn tâm giữ tánh; đạo Lão: Tu tâm luyện tánh; đạo Phật: Minh tâm kiến tánh”. Túc Sĩ Khiêm đời Tùy nói: “Đạo Phật trị tâm, đạo Tiên trị thân, đạo Nho trị đời. Đạo Nho trị bệnh ngoài da, đạo Tiên trị bệnh huyết mạch, đạo Phật trị bệnh xương tủy”.

Nói chung ba vị thuốc Thiền, Tịnh, Mật, chúng ta nhất định phải dùng, nhưng Vô Tế Đạo Sư có dạy: Khi dùng thuốc phải bỏ “ba phần lánh lửa (tham- sân-si) vì lửa này cháy cả ngày đêm, thế nên kinh Pháp Hoa phẩm thí dụ “Ngôi nhà lửa. Trưởng giả lo lắng con mình khờ dại bị lửa thiêu đốt, bảo con mau ra, cha sẽ cho con ba thứ xe: xe dê, xe hươu, xe trâu”.

Lửa này là chất liệu ngấm ngầm, thường đốt cháy chúng ta ngàn đời, vạn kiếp, cộng thêm tám cơn gió xoáy, đưa ta vào biển trầm luân. Những vị thuốc: Thiền - Tịnh - Mật sẽ cứu chúng ta, làm cho cơn đau sẽ lắng dịu, sẽ giải phần căn bệnh nan y của chúng ta.

Tôi là người diễm phúc khi còn trẻ xác thân đau yếu triền miên, nên sớm cảm nhận sự vô thường vây quanh, luôn trực chờ đưa tôi vào thế giới bên kia. Lúc tôi còn nhỏ, nhà tướng số nói tôi yếu mạng, khi tôi xuất gia nặng lắm là 33 ký, thầy tôi thường cân tôi hàng tháng với mấy em cô nhi.

Tôi không quan tâm việc thọ mệnh hay yếu mệnh, rất ráo lo việc Phật sự của bậc thầy giao phó và không quên lời của Hòa thượng Narada người gốc Tích Lan nói tại Việt Nam: “Đời sống mặc dù quý, nhưng quá bấp bênh và vô định, cái chết là điều không thể cưỡng, nó sẽ đến chắc chắn như thế, vậy quý vị hãy sử dụng xứng đáng khoảng thời gian còn lại ngắn ngủi của kiếp người, cố gắng trở thành nguồn hạnh phúc cho chính mình, cho quê hương xứ sở và thế giới nhân loại”.

Quan niệm tu tập của tôi muốn theo dấu chân Phật, phải nương vào bậc thầy trí tuệ: Ngoài giờ học, lo

Phật sự, lo cảnh giác bản thân mình, tôi thường làm thơ, viết đạo ca... Tưởng nhớ công ơn Phật, tưởng nhớ chư lệnh Tổ Sư, đã mở ra con đường đạo hạnh, chỉ lối đi chỉ cửa vào hỉ môn đường thoát hiểm, đưa chúng sanh thoát mê tìm nẻo giác. Vì thân thường yếu đuối, sức khỏe mỏng manh nên luôn cảnh giác mình bằng những dòng thơ:

Hãy học pháp kinh hỡi,

Thân tứ đại quần quại

Mỗi hợp chất rã tan,

Còn tro nắm xương tàn.

Thời gian khá dài, tôi viết gần 50 bài đạo ca, thơ trên 200 bài, căn bệnh tôi lụi dần; số tử vi hình như không còn tác dụng, giờ tôi sức khỏe tốt, 56 ký. Có đoạn tôi viết đạo ca, chua xót thân mình thăm thân người tựa đề Cõi vô thường.

Đạo ca: “Ôi thế nhân! Kiếp sống mong manh trở về cát bụi, mặt đất bao la, như mẹ hiền ru con ngàn đời! Ta là ai? Ta là bèo mây tan hợp, thăm phận mình xót phận người như chiếc quán ven đường.

Đường ta đi trên cao, đường ta đi gió lộng ngàn sao, đường ta đi như giấc chiêm bao, loay hoay kiếp người may rủi, trôi nổi trong luân hồi tay lại trắng tay.

Ôi! Thế nhân lắng tiếng vô thanh trở lại chính mình, giáo lý Thích Ca như khoang thuyền thênh thang tuyệt vời! Ta về đâu? Ta về nhà xưa chân tịnh, cõi Phật Đà giữa bụi trần trong kiếp sống vô thường.

Đạo ca này nói lên lòng chua xót kiếp người, ngày trở về cát bụi, không hẹn già hay trẻ, cũng không có cái gọi là ngày cố định. Dù con người sinh ở hoàn cảnh nào: Cao sang, quyền quý, thiện lương hay ác bá, mặt đất như mẹ hiền bao la, vẫn bao dung những đứa con đã nhắm mắt, không còn muốn hơn thua nữa.

Than ôi! Khi ngũ âm của chúng ta chưa phân ly, ta ngự trên ngôi cao tuyệt đỉnh, con đường ta đi có kỳ hoa dị thảo, có gió lộng ngàn sao! Nhưng định luật vô thường không cho phép, rồi chúng ta phải nhắm mắt, xuôi tay, thân vùi ba tấc đất như giấc chiêm bao.

Chúng ta mãi loay hoay kiếp người may, rủi, buồn, thương, giận, ghét, hi, nộ, ái, ố! Rồi ngũ tạng phân ly trong vòng quay của vũ trụ.

Thế thì phương pháp nào làm cho ta không sợ hãi trước cái chết, hãy luôn cảm nhận sự vô thường thì không còn e ngại, sự vô thường đến hay đi là định luật, ta là người xuất gia hay chưa xuất gia, hãy lắng nghe tiếng Vô Thanh, tiếng mái chèo khua của thuyền Ba la mật, khoang thuyền rộng thênh thang, hãy bước vào bằng tâm thức an nhiên tự tại, không có thần chết nào làm cho ta nao núng cả.

Huynh đệ cùng quý độc giả thân mến! Quý vị xem nội dung đề tài: Pháp tu nào đi vào tự tánh? Quý vị nghĩ rằng tôi có đời sống tâm linh an tịnh tuyệt vời chăng? Không tuyệt đối đâu các bạn. Lúc trẻ tôi cũng hứng chịu những cơn gió nghiệp, đôi khi lệ mãi tuôn rơi! Nhờ học Phật phiền não sinh Bồ đề, hay phiền não sinh giác ngộ! Cảm nhận lời Phật dạy, tự khắc chế mình, tự hóa giải những gì thắc mắc trong lòng mình.

Các bạn biết người bạn thông cảm cùng tôi là ai chẳng? Là ánh trăng đó, trăng không nói gì cả, ban ánh sáng cho muôn loài, nếu ta kết bạn với trăng sẽ làm cho ta cảm giác nhẹ nhàng, nên tôi than cùng chị Hằng:

*Trăng ơi! Tôi xin hỏi,
Trăng có mấy cung sầu
Cho tôi trao gửi bớt
Niềm tủi cực thương đau.*

Có đoạn thơ khác tôi viết:

*Tôi muốn câm lặng mãi
Ánh mắt khép ngàn đời
Mang nỗi sầu cô thế
Lịm chết đáy hồn tôi.*

Và có đoạn khác:

*Cờ chứa tình thương vừa mới cắm
Tả tơi vì mưa gió phù sa
Người ấy ngất đi lệ thấm nhòa,
Than rằng này hơi gió mây mưa
Gieo chi nỗi khổ chồng thêm mãi
Cho kẻ tìm châu lữ chuyển đồ.*

Ở đời ai cũng có chuyện buồn vui, khó tránh khỏi cảnh bi ai! Mỗi người có oan gia trái chủ khác nhau, bất luận thế giới văn minh hay lạc hậu, dù là bậc vĩ nhân ai tránh khỏi thương tâm? Còn chúng ta tuy là tu sĩ, đang học Phật, diệt tham sân si, chúng ta đau khổ cũng mắc kẹt trong chữ si phải không các bạn?

Nhờ tôi cảm nhận câu “Phiền não sinh Bồ đề”. Quý vị thử phân tích, tại sao phiền não sinh Bồ đề, thí dụ: Quả quýt ngọt, thể hình quả quýt còn xanh thì chua, đến chín rồi thì ngọt, ngọt trong chua, chua trong ngọt, nếu ta bỏ chua tìm ngọt, thì điếm được tính ngọt chẳng?

Nguyên nhân vì sao tôi viết những vần thơ than cùng trăng gió. Vì tôi còn trẻ chưa am tường trong chua có ngọt, vì sở cầu không như ý. Năm 1968, thầy tôi thành lập cô nhi viện, khuyên tôi học ngành y khoa, sau này lo người già và các em cô nhi! Lúc ấy tôi chỉ học cán sự y tá. Năm Mậu Thân, chiến tranh liên miên, dân chúng bị thương nhiều lắm, thường xuyên có những ca mổ cấp cứu. Tôi lại thích học giải phẫu, bác sĩ Distan (người Mỹ) cùng Giám đốc Hùng thấy tôi siêng năng công tác cứu thương nên cho tôi học chung nhóm sinh viên học bác sĩ.

Thật là hữu hạnh cho tôi, thay vì nguyên tắc tôi phải đậu y khoa mới được vào học, tôi được học tất

ngang. Đến lúc làm luận án, tôi được cơ may thi đậu, chỉ còn một tháng lên bệnh viện Sài Gòn khảo sát lần cuối. Tôi mừng quá! Như đứa trẻ được mẹ cho bánh kẹo, về chùa trình cùng thầy, thầy tôi vui lắm bàn bạc cùng quý sư cô lớn tuổi góp ý. Quý vị ấy nói tôi còn trẻ quá lại là tu sĩ, một tháng phải ở chung với người tục gia không hợp lẽ đạo. Than ôi! Thế thì tình thế đảo lộn, cố gắng học vất vả ngày đêm thành công dã tràng, lúc đó người tôi lão đảo, dừng chí tiêu tan, tôi buồn nuốt cơm không nổi, bao thất vọng ê chề, tự nghĩ đời mình bất hạnh biết tỏ cùng ai? Cầm bút trên tay, lệ rơi từng giọt! Nếu tôi không nhờ kết bạn với trăng thì ai là người làm tôi vui với chút niềm vui cực thương đau? Giận thầy bỏ chùa chẳng? Giận những người thị phi gây oan trái chẳng? Thôi thì cứ học pháp cam chịu, lắng đọng, thâm sâu, lâm vào nghịch cảnh, cứ ngỡ người tặng mình trăng sao?

Đến năm 1975, các bạn tôi trở thành bác sĩ, nhiều ca mổ thiếu bác sĩ nên bạn tôi đến chùa nhờ tôi phụ. Lúc đó thầy tôi vô cùng hối hận, nói tội nghiệp cho tôi học hành dang dở. Tôi bạch cùng thầy, đừng buồn cho con vì Giác Liên của năm 1968 không phải là Giác Liên của năm 1975, nếu lúc đó thầy ban cho con đủ phương tiện, biết đâu con hãnh diện với đời, quên đi tự tánh chính mình. Thất bại năm xưa cũng là thành tựu hôm nay!

Quý huynh đệ và quý độc giả thân mến! Thực hành thiền nào sinh Bồ đề nhé! Cuộc đời chúng ta không gặp sự vừa ý cố gắng tiến lên. Nếu đời người luôn được toại nguyện, chưa một lần thất bại thì ta chưa đủ lớn khôn, chưa đủ để trưởng thành. Những nhà hiền triết thường gặp nghịch cảnh, cuộc đời của các ngài thường bị xô xuống vực sâu, hay bị đuổi cùng giết tận, bao cảnh phũ phàng cay đắng, quý ngài luôn chịu đựng, té tự đứng dậy, nhờ ý chí vươn lên. Quý ngài đã thành công trong cuộc sống và có khả năng cứu giúp và an ủi mọi người.

Nhớ nhé! Thiền nào sinh Bồ đề chứ không thể Bồ đề sinh thiền nào. Vì quả chín ngọt ẩn trong mầm chua, không thể trở lại chua, cũng như chúng ta từ trẻ con thành người lớn, người lớn không thể thành trẻ con.

Có bạn hỏi quả chanh từ mầm chua đến chín cũng chua thì sao? Không gì lo ngại cả, tuy quả chanh chua, ớt cay, khổ qua đắng,... ta khéo chế biến đúng cách, thì sự đắng, chát, chua, cay, tạo nên mùi vị khó quên phải không quý vị?

Còn như ta mãi thiền nào sinh ân hận, thiền nào sanh kêu oán, thì những nút thắt không thể nào mở được, càng mở càng rối! Vì ta đã mời đau khổ vào nhà chúng ta, càng ở lâu càng tai hại. Chúng ta luôn cảnh giác mình; mang thân uyen mộng, đừng dạo trong cảnh mộng. Hãy vâng lời Phật, nghe lời của bậc Thánh nhân hay những học giả. Như lời Hòa thượng Huyền Diệu luôn nhắc nhở chúng ta: “Vũ khí tình thương và lòng độ lượng là vũ khí mạnh nhất”.

Tôi có đời sống an lạc và hạnh phúc như ngày hôm nay vì tôi luôn trân trọng lời dạy của bậc Trưởng thượng, không bi quan cũng không lạc quan. Năm 1968, tôi than mây khóc gió, nhỏ từng giọt lệ vì ước mộng tan thành mây khói! Không được mảnh bằng bác sĩ, bây giờ sự an vui tràn ngập tâm hồn, vì không có văn bằng bác sĩ. Xin chia sẻ cùng chư huynh đệ, quý độc giả, cảnh khổ của ngày hôm nay sẽ là ánh bình minh tươi sáng của tương lai.

Ấn Độ, ngày 19 tháng 01 năm 2013

PHẬN LÀM TRÒ

Phận làm trò phải xem thầy như cha mẹ, Tam Bảo là ruộng phước, luôn gieo trồng. Chuyện thị phi phải trái gác qua, làm trò đừng muốn hơn thầy mình, xem mình là thần tượng, nếu không như ý, sanh tâm hờn dỗi, đừng đứng núi này trông núi nọ, nếu giữa thầy trò chưa có sự cảm thông, cứ giữ phận trò. Đã xuất gia học đạo phải thấm bài học vô thường. Phải đi sâu vào thế giới tâm linh của chính mình, đó là cái chính trong đời tu học.

Thầy là thuyền bè, chèo chống rất khổ cực. Ta lên thuyền phải lái phụ, trò đừng coi mình như người cỡi trên muốn dạy lại thầy, còn đâm ngang hông thầy, thầy đánh trống xuôi, trò thổi kèn ngược, thầy nhức óc la hoảng, thế rồi tình thầy trò như nước lạnh đổ đi. Tôi cũng có lời thông cảm cho những người trò đáng thương bị thầy hiểu lầm, xin gác thăm vơi sầu.

Cha mẹ và con cái đôi khi khó thông cảm với nhau há chỉ thầy, trò chưa đồng cảm cũng là chuyện thường. Tôi xin chia sẻ nỗi đau cùng huynh đệ, gặp cảnh trái oan này hãy học pháp Bồ tát nghịch hạnh. Hãy vươn lên con đường tìm chánh giác. Hãy hướng mắt bằng tâm nhìn xa, tự tìm ngọn đuốc soi đường thấp sáng mà đi.

Cuộc đời tu học, khó ai tránh nổi thử thách. Mỗi thử thách đều khác nhau, vì mọi người có cảnh ngộ khác nhau, nếu môi trường luyện tâm không vững, khó hòa nhập vào đại thể, phải cứng rắn như nước mới có sức chịu đựng, dũng tâm hùng lực, tha thiết với chánh pháp giới luật là nền tảng trên bước đường tu, vì có giới mới sanh định, có định mới sanh huệ. Năng nghiên cứu bậc Hiền thánh để thấy cuộc đời của quý ngài có sóng gió, có bằng phẳng đâu?

Những bậc vĩ nhân như triết gia Socrates bị kẻ gièm pha, đổ ky. Họ âm mưu tố cáo tại thành Athens, ngài bị kết án tử hình. Còn Thánh Gandhi là triết gia nổi tiếng của xứ Ấn, người hùng của chủ thuyết bất bạo động, cũng bị ám sát! Chúa Jesus bị tử hình thập tự giá!

Đừng quan tâm tới kẻ không hợp với ta. Nếu hợp là nhân duyên, bằng không, họ luôn gây oan trái với ta là nghịch duyên. Một là phải cố sức chịu đựng, hai là nếu không hòa tìm cách lui chân. Lời Phật dạy: “Toàn được khen, toàn bị chê, sau, xưa, hiện tại chưa hề có ai”.

Chính Đức Phật của chúng ta đã đắc quả, thế mà còn bị Đề Bà Đạt Đa mưu sâu ám hại, thuê người đem gươm lên núi Linh Thứu giết Phật, há chỉ chúng ta nặng nghiệp sao tránh nổi phong ba. Lúc tôi học pháp nghe giảng: Ngày Trần Huyền Trang du học Ấn Độ, Ngài than:

Phật tại thế thời ngã trầm luân,

Kim đắc nhân thân Phật diệt độ

Áo não tự thân đa nghiệp chương

Bất kiến Như Lai kim sắc thân.

Đã vào nhà Tam Bảo, làm con của Như Lai, không nên lạc quan cho đời là suôn sẻ, cũng đừng bi quan nghĩ mặt trời không có ánh bình minh. Con đường sinh tử ta đi tìm chánh giác, dưỡng nuôi huệ mạng mình, không ghét bỏ cuộc đời. Chúng ta hữu duyên vào nhà Như Lai, phải có trách nhiệm làm con trò,

đừng xem Tam Bảo như quán trọ ven đường.

Nepal, ngày 04 tháng 03 năm 2011

PHẬN LÀM THẦY

Tôi đã qua giai đoạn làm trò, nay được chức danh xưng gọi là thầy xin chia sẻ cùng huynh đệ cùng tu. Tôi cảm nghĩ, người đời sanh vài đứa con, sự giáo dục còn lắm khó khăn. Chúng ta làm thầy, đôi khi cũng có nhiều cay đắng. Nghĩ mình là thuyền nhỏ, nào dám lướt sóng to! Có những trò muốn cùng tôi đi chung thuyền. Tôi xem những trò ấy là bạn đồng hành trong kiếp sống.

Tôi nào dám dạy trò đạo lý cao xa, tôi tự khắc chế bản thân mình có giới hạn sự ăn, mặc, ở, bệnh. Tôi khuyên trò, hãy chú trọng luật nhân quả và am hiểu luật vô thường, xem Tam Bảo là lẽ sống và vì Pháp vươn lên, vì đạo quên mình.

Muốn xuất gia vào nhà Như Lai, phải cân nhắc tâm vài năm, nuôi huệ mạng trưởng thành và khi hữu duyên vào nhà Phật, như chiến sĩ ra trận, tự không thể lui, trung quân, ái quốc, quên mình vì quốc gia, xã hội... Còn là tu sĩ phải quên đời vì Tam Bảo. Khi đủ duyên kết nghĩa thầy trò, tôi tặng trò bài thơ sau:

TÂM KHÔNG

Hãy học pháp cam chịu,
Lắng động và thâm sâu.
Rủi lâm vào nghịch cảnh,
Người tặng mình trăng sao!
Hãy học pháp động, tịnh,
Như mặt trời hư không.
Nào áng mây vương bận,
Nhật nguyệt đều giao thông.
Hãy định lý âm dương,
Vũ trụ vốn không lời.
Người đứng trong Trời đất
Bàn chi chuyện ghét thương.
Hãy học pháp kinh hãi,
Thân tứ đại quần quai.
Mọi hợp chất rã tan,
Còn tro nắm xương tàn!
Hãy học pháp vươn lên,

Vì Đạo dám quên mình.

Soi “Bồn Lai Diện Mục”

Vượt ngoài cõi tử sinh!

Nepal, ngày 18 tháng 04 năm 2011

NHỮNG CHUYỆN MÀU NHIỆM NƠI XỨ PHẬT

Thế giới đang sống chung bầu vũ trụ. Riêng xứ Ấn và Nepal, nơi Đức Phật giáng trần, mảnh đất huyền bí mà tất cả nhà khoa học tâm linh, những học giả tìm câu nghiên cứu, không ai tài nào lý giải được xứ Ấn vừa văn minh, vừa cổ hủ nhưng tương lai có thể đứng thứ nhì trên thế giới về khoa học kỹ thuật.

Người dân xứ Ấn và Nepal đời sống gần như gắn liền với thiên nhiên, môi trường sinh thái được bảo vệ. Dân Ấn trên một tỷ người, cộng với Nepal trên 20 triệu người, thế mà đa số họ ăn rau củ, không sát sinh loài vật. Người dân xứ Phật mang nhiều sắc tộc, tôn giáo. Họ quan niệm sống về tâm linh nhiều hơn!

Đã là người dù sống bất luận nơi đâu, cũng có người hiền, kẻ dữ, người tốt, kẻ xấu... Ai biết tôn trọng nhân quả, thì đời sống của họ được nâng cao, hạnh phúc, ngược lại xem thường quả báo, dù đời hay đạo khó tránh luật trả vay bị nhân quả dội ngược, kêu trời, trời chẳng thấu, gọi đất, đất chẳng nghe! Đã gieo nhân tất có quả, chua ngọt tự mình tạo, quả đến chậm mau mà thôi. Nhưng xứ Ấn, mảnh đất linh thiêng huyền bí, nhiều Thánh nhân xuất hiện. Ai gieo quả ác hay thiện nẩy mầm rất nhanh.

Tôi đã từng mắt thấy, tai nghe nhiều chuyện tại Nepal: Lumbini, ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự đang trong quá trình xây cất. Thầy Huyền Diệu thường xuyên đi vắng, vì bận dạy học ở các nước Đông Âu. Thầy rất tin nhiệm ông Rajo, ông là người có chút tiếng tăm, lãnh tụ Nepal, nhà khá giả, có nhiều cơ sở. Thầy giao phó chuyện xây cất cho ông, toàn quyền cai quản, nào ngờ lòng tham không đáy ông xén bớt vật dụng của chùa, di chuyển đem bán nơi khác làm nguồn lợi riêng.

Giấy không gói được lửa, lâu ngày Thầy phát giác và cho ông thôi việc, rồi ông bị trận đau thập tử nhất sinh, bán thân bất toại, á khẩu! Số tiền ông đã tạo bằng hành vi bất chính, không đủ cho ông tiêu dùng khám bác sĩ. Riêng Thầy Huyền Diệu, dù rằng không vui việc làm của ông, nhưng khi ông bệnh nặng, Thầy thường xuyên đến thăm và an ủi ông ta!

Những cử chỉ vị tha và lòng từ của Thầy đã cảm hóa ông Rajo. Mỗi khi ông gặp Thầy đều khóc nói lời hối lỗi: “Phải chi con nghe lời Thầy thì đã không bị khổ như ngày hôm nay”. Vào ngày 14 tháng 7 năm 2011, Thầy dẫn phái đoàn đến thăm ông Rajo và tặng quà cho ông, ông vô cùng xúc động. Cầm tặng vật trong tay, tôi nhận thấy mắt ông dường như rướm lệ! Tuy hiện giờ có người đỡ ông đứng được đôi phút nhưng nỗi khổ của lương tâm và căn bệnh luôn hành hạ ông! Bám vương ông suốt đời!

Đời người vật lộn với cuộc sống! Không ngoài sự ăn mặc, lợi danh. Có những người không quan tâm những việc làm bất thiện của chính mình, cũng chẳng sợ nhân quả, nhưng nhân quả thời nay như cơn gió lốc, không chừa một ai! Đã gieo nghiệp bất thiện như ông Rajo, kiếm tiền bằng cách lừa đảo, chuyên quyền trong chức vụ mục đích nuôi dưỡng xác thân, chờ ngày mai hậu hưởng thụ. Nhưng than ôi! Ông đã được gì với xác thân tàn phế? Oằn oại khổ đau? Có hối hận đã muộn rồi.

Cũng chuyện ở Ấn Độ, không ngoài lòng tham, trong quá trình xây dựng Việt Nam Phật Quốc Tự, Bồ Đề Đạo Tràng, có cậu thợ tên Rahul sinh lòng tham. Cậu ta tính kỹ, sáng sớm chưa có ai, cậu ta ăn cắp

xi măng, vác ra gần cổng chùa, tự nhiên cậu chùn bước, đứng im một chỗ như trời trồng khá lâu! Cũng vừa lúc ấy, Thầy Huyền Diệu ra, thấy cậu ta đầu đội xi măng, đứng trơ như người mất hồn. Thầy hỏi: Cậu vác xi măng đi đâu đó, cậu ta chột tỉnh vác xi măng trở vào kho.

Đất Phật quá linh thiêng. Người ăn cắp định vác xi măng, nhanh nhẩu chạy ra cổng chùa, bỗng dừng đứng lại, đôi chân như bị chất hút của đất và khi gặp Thầy Huyền Diệu phát giác, chân cậu ta không còn dính lại nữa, đi đứng bình thường. Sau hành động thiếu suy nghĩ ấy, cậu bị thôi việc, về nhà ít lâu sau, cậu ta bị bệnh ngất, chết trong hoàn cảnh nghèo túng.

Và cũng thêm chuyện bà Phật tử bên Úc, qua hành hương xứ Phật, bà ở vài hôm tu tập tại Việt Nam Phật Quốc Tự, và khi bà về nước, bà bỏ quên con dao nhỏ của chùa vào túi đồ. Bà về tới nhà mới hay, thế mà tai bà thường nghe vang tiếng gọi, trả dao lại cho chùa. Bà sợ quá thất kinh hồn vía, biên thư xin lỗi Thầy Huyền Diệu: “Chùa Thầy linh quá con chỉ quên con dao, nào phải ăn cắp thế mà bị Đấng vô hình đòi hoài” và bà trả lại con dao qua đường bưu điện.

Nói về Thầy Huyền Diệu khi mở thư ra, chưa xem thư Thầy giật mình tự hỏi: “Ai lại tặng dao gởi qua đường bưu điện, lạ thế”. Khi Thầy đọc thư mới hay rõ sự việc. Sự linh thiêng huyền bí của đất Phật không có bút mực nào giải tường tận được, chỉ có người trong cảnh mới cảm nhận được thôi.

QUẢ BÁO DỘI NGƯỢC

Thế kỉ XXI khoa học tân tiến, con người ít khi nhìn sự biến chuyển của nội tâm. Một số người tạo nên tác phong đạo đức, thể hiện hình thức bên ngoài tự cho mình là Đấng cứu thế. Họ tự mãn cho rằng, họ có thể làm đảo lộn cán khôn, hay xoay vòng vũ trụ, quả báo sẽ không bao giờ dám đến viếng họ.

Tôi đã chứng kiến những người gọi là thần tượng của Thế nhân, họ làm những gì và cứ ngỡ rằng Thần không hay Thánh không biết. Họ dùng giọng lưỡi ru hồn người nhẹ dạ, dễ cảm, dễ tin. Tôi thấy tội nghiệp cho những đạo tâm này, đặt niềm tin lộn chỗ, bị tiêu hao cả gia tài, cũng không biết tại sao mình mất của! Than ôi! Có ai thọc tay vào lửa mà không bỏng chẳng? Có ai rơi xuống giếng nước mà không ngộp thở chẳng?

Thế gian lắm trò lừa đảo! Cõi đạo có người làm hoen ố cửa Từ bi! Họ đến xứ Phật, nhập vào thế giới Phật, mảnh đất linh thiêng mà không hấp thụ khí thiêng của Trời đất! Lại bị nhân quả dội ngược! Thân cha mẹ sinh ra, không còn toàn vẹn, mặc áo ăn cơm phải nhờ người giúp đỡ.

Nepal, ngày 15 tháng 7 năm 2011

CỨU VẬT MANG ƠN, CỨU NHÂN TRẢ OÁN

Chuyện xảy ra tại Ấn Độ vào năm 2007. Tôi cùng chư Phật tử qua Ấn Độ dự lễ ở Việt Nam Phật Quốc Tự. Trong đoàn có cả thầy Minh Độ. Vào buổi sáng, tôi nghe điện thoại của nhân viên xe lửa Ấn hỏi: “Có phải chùa Việt Nam chăng?”. Có người cần gấp và tiếp theo giọng phụ nữ: Xin Ni sư giúp em, em đi cùng phái đoàn bị lạc, xin ra xe lửa rước giùm.

Lúc ấy tôi hội kiến cùng thầy Minh Độ, thầy nói người lạ chưa biết ra sao, phải thỉnh ý thầy Huyền Diệu. Và thầy Độ liên lạc không được vì Thầy Huyền Diệu đang dạy học phương xa biết đâu mà tìm, ở Ấn bị lạc khổ lắm, phương tiện xe cộ rất khó và chính tôi ra ga xe lửa rước quý cô, cho người dọn phòng quý cô ở, ăn uống tự do vui vẻ.

Mấy cô ở gần nửa tháng, tôi lại sắp về Việt Nam, có cô đưa ý kiến: “Xin phép Ni sư em định mượn nhà gần cội Bồ đề ở tiện hơn, vì ở đây xa quá, mỗi lần đi về bằng xích lô, em không biết tiếng Anh, mấy ông xích lô cự cãi về tiền bạc hoài.” Tôi chấp thuận ý kiến trên và tặng quý cô chút ít đồ cần dùng.

Vài hôm sau, thầy TH (xin giấu tên) cùng phái đoàn bên Mỹ qua, viếng tháp Đại giác tại cội Bồ đề. Thầy TH đến tại chùa tìm thầy Huyền Diệu không gặp, nên nói với thầy Độ tỏ ý trách móc: “Sao ông Huyền Diệu mời rước mấy cô ở Việt Nam qua đây, rồi bỏ người ta bơ vơ giữa chừng, không có chỗ ở, không tiền bạc, thấy mấy cô khóc, Phật tử động lòng hùn tiền cho, tôi cũng có cho 500 rubi”.

Thầy Độ nghe qua, mời tôi ra và nói: “Chuyện này thầy tôi chẳng hay biết gì cả, cũng không hề có giấy mời nào rước, người là do Ni sư Giác Liên chủ động, đem hai cô về đối đãi tử tế vì Ni sư sắp về Việt Nam, hai cô tự thấy ở đây ra về bất tiện đường xa, nên ra ngoài ở, nào có ai xua đuổi đâu, tại sao dựng chuyện phao tin”! Cũng có bà Phật tử, cùng ở chung với tôi, bà biết rõ sự việc đầu đuôi nên thanh minh: “Mấy bữa nay con ra cội Bồ đề, thấy khách du lịch thường cho tiền mấy cô nào ngờ mấy cô muốn xin tiền, dựng chuyện động trời! Làm chàm danh dự thầy Huyền Diệu, con nhất định ra gặp mặt mấy cô”.

Tôi quá ngao ngán thói đời đen bạc và cảm bà không nên làm lớn chuyện. Cũng tại tôi thày lay, nên bị kẹt vào cuộc! Vô tình bị người lạm dụng gây tiếng oan cho Thầy. Người xưa nói không sai “cứu vật trả ơn, cứu nhân trả oán”. Tôi tự xét có lỗi cùng Thầy, giúp người mà không nhận thức về thành phần mới có chuyện thị phi điên đảo!

Có lẽ đây là sự tính toán của họ từ trước. Họ quyết nhắm vào Thầy, nên tạo cơ hội đến chùa trong khi Thầy đi vắng. Tiền kiếp họ và Thầy có oan trái chi chăng? Kiếp này họ chẳng buông tha? Sao họ không tự nghĩ, tuy tôi chứa họ, những ăn cơm, uống nước, hưởng mọi tiện nghi trong thời gian ngắn đều là vật chất của Thầy, uống nước phải nhớ ơn bà quán, nữ nào khi ra đi định đập quán, nhưng đối với Thầy cây ngay nào sợ gió dữ.

Như mặt nước sông Hằng, người Ấn tôn sùng gọi là dòng sông thiêng liêng, nước có lúc trong, lúc đục, những xác chết thiêu thành tro, thả vào dòng sông đôi khi có những xác trôi lênh bênh trên mặt

nước, lạ một điều là trong nước không bị ô nhiễm. Các nhà khoa học đã nhiều lần thí nghiệm, đã khử trùng bằng phương pháp tối tân với máy lọc nước tinh vi nhưng trong nước không hề bị nhiễm khuẩn dù bao nhiêu tử thi, bao nhiêu tro cốt, bao nhiêu chất dơ mãi đổ vào sông Hằng, những vi trùng hay vi khuẩn đều băng hoại.

Dòng sông Hằng, nước sông Hằng có cách bài tiết lạ lùng làm cho những nhà khoa học ngạc nhiên. Thế giới đều phải công nhận sự kỳ bí của nguồn nước. Đối với Thầy Huyền Diệu, những thị phi, oan trái Thầy xem như ngọn gió thổi qua hay đám tro tàn nguội lạnh, đã chìm sâu vào đáy nước. Riêng tôi trên năm mươi năm tu học thế mà còn phải học thêm bài học: Thế thái nhân tâm của thời đời lắm chuyện quái gở, than ôi! Thế kỷ XXI, con người sẽ đi đâu? Và về đâu?

Nepal, ngày 15 tháng 07 năm 2011

NHÂN QUẢ DỘI NGƯỢC

Người xưa nói: “Đức thắng tài” hay “Cái nết đánh chết cái đẹp”. Nếu vừa có đức vừa có tài hỗ trợ lẫn nhau, tôi tin chắc làm việc gì lớn, nhỏ cũng sẽ thành công. Còn như học rộng, danh cao, thừa tiền lắm bạc, việc gì cũng muốn hơn người: Ta là giỏi nhất, tài nhất, đẹp nhất sẽ bị nhân quả dội ngược, sẽ gặp cảnh phũ phàng của định luật trả vay, dù bạn là đầu tròn vai vuông, có đạo hay không đạo, khó tránh khỏi quy luật tự nhiên.

Tịnh xá Ngọc Phương có cô Phật tử tên Xuân Ngọc, cô là người có đạo tâm, chùa có duyên sự gì cô vui lòng hỷ cúng. Chùa lúc đó quy định Ni chúng không được cầm tiền, cô là Phật tử, giáo hội phân công được thu chi, cô quá ỷ lại, hay nặng nhẹ chư Ni. Tôi thường khuyên cô là cư sĩ phải trọng Phật, kính Tăng. Cô đáp: “Tuy tôi là cư sĩ, ở chùa lâu năm, nếu tôi tu, tuổi đạo còn hơn mấy cô”.

Tánh cô vừa kiêu ngạo vừa khó chịu, gặp ai không vừa ý thì cô bắt bẻ đủ điều. Giáo hội đông người nên thường có người bệnh, bổn phận cô phải chi tiền thuốc. Ai thích thì cô chi ra, còn như không thích, cô sẽ tìm cách nặng nhẹ gây khó dễ và không đưa, cô sanh nghiệp lạm quyền nên mất phước, bị Giáo hội trục xuất và cô về nhà mang chứng bệnh kỳ lạ: Óm xanh, gương mặt đáng sợ, hai mắt lồi ra, trông thật khiếp. Lại một điều là cô không ăn được gì cả, chỉ ăn chút cơm trắng với chuối chín. Cô bị bệnh một thời gian khá lâu sau mới chết.

Lại có cô Nghĩa cũng ở chùa tỉnh Cao Lãnh, cô trên 30 tuổi, có những trò chơi quái gở: Cô thường bắt bướm, chuồn chuồn, châu chấu... bẻ cánh chơi, đàn kiến đang bò cô lấy nước sôi tạt vào. Những sinh mạng nhỏ chết thảm là trò vui của cô. Quả báo cô té vào nước sôi, cô bị phỏng nặng, tay, chân cong queo, cô ngồi xe lăn đến chết. Sống làm người nuôi dưỡng từ tâm, ươm giống từ bi, sanh phước, chuyển nghiệp. Còn những người xem nhân quả như trò đùa, quả báo dội ngược đến rất nhanh như chuyện cô Xuân và Nghĩa, chính tôi mắt thấy, tai nghe.

Nepal, ngày 17 tháng 04 năm 2011

NGƯỜI TỐT GẶP QUẢ TỐT

Năm 2008, tôi qua Mỹ ở Tampa, Florida, tình thất của Ni sư Như Như. Tôi gặp bà Nga trên 60 tuổi đến viếng thăm, nhân cơ hội đó bà tâm sự với tôi về cuộc đời của bà. Lúc bà còn trẻ ở tại tỉnh Trà Vinh, bà là nhân viên công chức, đời sống gia đình khá giả. Cha mẹ ý thức cho con ăn học và cha mẹ tìm cho bà được việc làm, lãnh lương hàng tháng xài đôi chút còn bao nhiêu đưa cho mẹ.

Có một hôm bà đi chợ Trà Vinh thấy người đàn bà tay ẵm con thơ rao bán con giữa chợ. Mọi người đến xem, cả chợ xôn xao bàn tán, bà Nga đến hỏi người đàn bà kia sao chị lại bán con, người đàn bà ấy khóc, đáp: Vì chồng tôi chết, nhà nghèo túng, tôi lại bị bệnh, mấy đứa lớn không đủ cơm gạo ăn nên tôi đành dứt ruột bán đứa nhỏ để nuôi đứa lớn.

Bà Nga nghe qua xúc động tận đáy lòng! Nhìn người đàn bà có vẻ chất phác, bế đứa bé vừa tròn mấy tháng tuổi, bà nghĩ mình vừa mới lãnh lương nên làm chuyện phước, nghĩ thế lại phân vân 5 ngàn đồng quá lớn, một tháng tiền lương của mình, nào chi phí tiền hàng tháng lại còn phải về đưa cho mẹ.

Trong lòng phân vân mãi chưa tự quyết, khi nhìn người đàn bà đau khổ nước mắt lưng tròng và đứa bé mấy tháng tuổi sắp vượt khỏi vòng tay của mẹ, vì manh áo, vì chén cơm, bà Nga chạnh lòng tự quyết định: Thôi thì mình giúp người hoạn nạn tạo phước về sau.

Cảm nghĩ thoáng qua bà thực hành ngay, bằng lòng mua đứa bé với số tiền 5 ngàn đồng, khi làm giấy tờ xong bà Nga nói với người đàn bà kia: “Đứa trẻ này là con của tôi, tôi muốn chị nuôi lại nhưng tuyệt đối tôi không bắt nó làm con tôi, sau này, nó lớn lên vẫn là con của chị, tôi sẽ giúp thêm phương tiện chị nuôi trẻ nhưng chị không được bán nó cho ai, vì nó là đứa con hợp pháp của tôi”.

Thật đáng khen cho bà Nga, mới trên 20 tuổi chưa lập gia đình mà có tầm nhìn sâu về tình thương con người, biết nghĩ đến kẻ khác. Bà nói với tôi: Bà nào muốn xin nuôi trẻ con, chỉ sợ mẹ nó hết tiền bán cho người khác nên làm giấy tờ hợp lệ và bà Nga thường gặp người đàn bà kia giúp đỡ.

Vài năm sau, bà Nga lập gia đình, chồng bà là bác sĩ, cuộc sống gia đình rất hạnh phúc, con cái đề huề. Tuy vợ chồng không giàu có lắm nhưng đủ phương tiện lo cho con du học nước ngoài. Vạn vật vô thường biến đổi, cơn bão tình đời đã ập xuống gia đình bà, tánh bà hay giúp người, giúp bạn, đem cô bạn về nhà ở, bất hạnh thay cho bà khi chồng bà với cô bạn lại có tình ý với nhau.

Lúc đó bà Nga như chết đứng, đau khổ thất vọng ê chề, bà tự hỏi: Đánh ghen chẳng? Không thể làm được! Chửi rủa hay gây lộn chẳng? Bà cũng chẳng làm như thế! Bà tự nghĩ tình cảm không thể nắm giữ như món đồ, có gây sự lớn lao làm tổn thương đôi bên lại mất danh dự của chồng, thế rồi bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu hờn trách bà âm thầm chịu đựng.

Đau khổ kéo dài, thời gian không thể lãng đi được, bà quyết định tránh mặt chồng, rút lui không đòi hỏi điều kiện gì cả, bằng cách thăm con đang du học ở Mỹ, bà ra đi bỏ lại sau lưng mọi chuyện! Riêng chồng bà tuy hào hoa nhưng rất trân trọng vợ, ông biết mình đã sai nhưng không còn cách cứu chữa nên đành để vợ ra đi trong niềm đau day dứt.

Bà qua Mỹ năm 1975, trước đó vài tháng, chánh quyền Sài Gòn thay đổi, bà mắc kẹt bên Mỹ luôn. Ở Mỹ, bà không được hưởng trợ cấp, vì thế bà phải đi làm ở các nhà hàng, từ nhỏ đến lớn bà ít làm việc

chân tay nay phải rửa chén từ sáng đến tối, quá vất vả lại còn sâu đeo đuổi mãi, bà ngã bệnh hôn mê được đưa vào bệnh viện cấp cứu.

Người tốt gặp quả tốt, ở xứ Mỹ, người dân đều có bảo hiểm bằng không những người thất nghiệp hay người già đều có nhà nước bảo trợ. Trường hợp của bà tốn lệ phí rất nhiều, nhờ bà tuổi trẻ gieo thiện nghiệp nên hưởng quả lành, gặp được bác sĩ chuyên khoa tận tình cứu chữa trị bệnh cho bà và đóng luôn lệ phí bệnh viện.

Khi xuất viện, bà vô cùng tri ân bác sĩ và bác sĩ Mỹ hiểu rõ hoàn cảnh của bà đã tìm chỗ làm thích hợp cho bà, bắt đầu từ đó nhân duyên nảy sinh, bác sĩ cầu hôn bà. Bà tự xét mình là người đàn bà có con, còn bác sĩ chưa lập gia đình, hơn nữa bác sĩ nhỏ hơn bà mười mấy tuổi nên bà từ chối, nhưng sự chân thành của bác sĩ làm bà cảm động, lại sợi dây ơn nghĩa đã cột bà, thế là cuộc hôn nhân được xúc tiến lần thứ hai trên đất Mỹ.

Tôi tiếp xúc với bà Nga, nhận xét bà nào phải người phụ nữ hương trời sắc nước, hay cá lặn chim sa. Nhưng bà có tâm hồn phóng khoáng, chịu hiểu và chịu hy sinh cho người khác, đó là điểm thiết yếu. Tôi cũng chưa biết mặt ông bác sĩ kia vì nay ông đã mất, nhưng tôi nghĩ ông ta có trái tim nồng hậu, hay giúp đỡ kẻ khốn cùng và bà Nga cũng là mẫu người lý tưởng gần giống như ông, nên cả hai hình như có thần giao cách cảm, họ trở thành đôi phu thê hạnh phúc.

Bà Nga được chồng cưng chiều đi du lịch khắp xứ, những nơi danh lam thắng cảnh. Chồng bà là con một của nhà tỉ phú, bà xài một đời cũng không hết tiền. Người gieo nhân lành hái quả ngọt, nay bà hưởng được gia tài lớn lao, vì bà khi còn trẻ gieo quả tốt, cứu giúp người đàn bà bán con giữa chợ.

Một tháng tiền lương chỉ 5 ngàn đồng Việt Nam thuở xưa, số tiền bằng chân tâm từ ái, nay trở thành quả phước. Hiện nay ở ngân hàng Mỹ bà có hàng trăm triệu đô la do chồng để lại. Gia tài đạo đức, phước báo xài hoài không hết, có thể xài đến kiếp sau. Bà Nga tay trắng tay với tấm thân cô đơn, vật lộn ở xứ người, thay đổi vận mạng làm nhà triệu phú, do nhờ gieo quả tốt trở trái ngọt. Có những người từng là giàu sang, quyền quý, học lực bằng cấp cao thế mà hậu vận cơm không no, áo không đủ mặc, thật là với trời cao rộng, quả báo tốt xấu hình như có bàn tay vô hình sắp đặt.

Nepal, ngày 19 tháng 07 năm 2011

HỌC HẠNH THẦY MINH PHÁT

Làm trò học hạnh khiêm cung, xem thầy như cha mẹ tinh thần, xem huynh đệ như anh em một nhà. Lời Phật dạy: Sống tinh thần Lục Hòa. Nếu sống giữa Đại chúng kém lòng cởi mở, tâm vị tha sẽ cạn dần, thiếu chất liệu này con đường học Phật khó tiến bước. Tôi nhập chúng ở chùa Ấn Quang, học hạnh của thầy Minh Phát. Năm 1972 - 1973 có những cuộc biểu tình về Hiến chương Phật giáo. Những phiên họp luận bàn sôi nổi, không đồng quan niệm với nhau. Có người hỏi thầy Minh Phát, ý kiến Thầy ra sao? Thầy đáp chỉ mấy câu: “Tăng là cha của tôi, Ni là mẹ của tôi, phận làm con không dám phê phán ai cả”.

Thầy Minh Phát hành giới Lục Hòa, không so đo việc lớn hay nhỏ, thường chui xuống bếp học hạnh Di Đà, miệng luôn cười hỷ lạc. Thầy nấu ăn rất khéo, lại đối đãi lịch sự. Công chúa Thái Lan nhận thầy là thầy bổn sư. Tuổi đời lẫn tuổi đạo thầy còn nhỏ. Tác phong đạo đức khiêm nhường sống vì Đại chúng, vì Tam Bảo. Tuy thầy chuyên làm bếp, không văn bằng, học lực, cử nhân, tiến sĩ... mà đệ tử qui y rất đông. Tại sao thầy Minh Phát có công năng độ chúng nhiều như thế? Đó là công hạnh của thầy, thầy không so đo với ai cả, việc nặng nhọc trong chùa gồng gánh cả, không cần danh lợi, không mâm cao cỗ đầy. Đối với Bạc Tôn tức xem như cha mẹ, đối với huynh đệ xem như anh em ruột, đối với Phật tử xem như người nhà.

Nepal, ngày 11 tháng 03 năm 2011

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

CỨU NGƯỜI LÀ NIỀM VUI CỦA BÁC SĨ

Những tâm lý về thuật xử thế tôi áp dụng không chỉ riêng về ngành giáo dục mà luôn cả ở bệnh viện. Điểm quan trọng là xử thế bằng tinh thần vô tư và tình thương chân thật mới có kết quả, nếu chỉ nói suông bạn sẽ bị thất bại, sự nói và làm của ta đảo ngược, cũng như con dao hai lưỡi có ngày tự cắt đứt tay mình.

Năm 1975, ở bệnh viện, bác sĩ quá ít người, luôn cả y tá cũng không đủ, bệnh nhân quá tải, có bà cụ tuổi cao bị trúng đạn gần van tim cần mổ gấp. Người nhà bà cụ làm quan to, họ đến nhờ bác sĩ Cung, Giám đốc bệnh viện Nguyễn Văn Học trực tiếp mổ.

Bác sĩ Cung cấp tốc đến tịnh xá Ngọc Phương tìm tôi, xin thầy cho tôi đi mổ ca đó. Tôi chối từ nói, tôi đã nghỉ mổ từ lâu sợ không đảm nhiệm nổi và thầy tôi hỏi bác sĩ: Bệnh tình người bệnh ra sao? Bác sĩ nói: “Nếu mổ 10 phần chết 9, vì viên đạn đâm sâu, bệnh nhân quá già sức chịu không nổi”. Thầy tôi ngạc nhiên hỏi: Ca mổ nguy hiểm quá sao phải gọi cô Giác Liên. Bác sĩ Cung cười vui vẻ rồi nói: “Vì cô Giác Liên là bác sĩ nghiệp dư, rủi mổ chết siêu sanh tịnh độ luôn”.

Nghe nói thế thầy tôi cười vang, và bác sĩ năn nỉ hãy nhận đi, tôi sẽ mổ phụ cho, rủi bà ấy chết tôi để ăn nói với người ta. Tôi cấp tốc theo bác sĩ ngay buổi hôm đó và mời bạn thân tôi là sư cô Giao Liên theo giữ hộ đồ giúp tôi (hiện giờ ni sư Giao Liên trụ trì tịnh xá Ngọc Kinh thành nội Huế).

Tâm lý bệnh nhân bị mổ sợ hãi lo âu trăm người như một, sợ đi về thế giới bên kia nên tâm tư xáo trộn? Những người làm bác sĩ hiểu rõ điều này nên an ủi bệnh nhân. Bác sĩ Cung dẫn tôi đến gặp cụ bà trong cơn đau hấp hối, bác sĩ giới thiệu những câu rất tức cười: “Đây là bác sĩ giỏi nhất bệnh viện này, mổ rất mát tay, cả trăm người đều lành bệnh”. Nghe qua muốn cười cũng làm bộ mặt nghiêm. Tôi an ủi bà hãy yên tâm, bà không sao cả, mổ vài hôm sẽ lành bệnh, bà nắm tay tôi đặt trọn niềm tin.

Ca mổ quá nguy hiểm, bác sĩ Cung là người tài giỏi, nhiều năm kinh nghiệm mổ đã thành công, bà già sống sót do tài bác sĩ Cung, tôi chỉ phụ tá thôi, phần hưởng danh tiếng là tôi, thật là có những chuyện quá buồn cười. Tôi về báo tin mừng này với thầy, thầy tôi vui vẻ nói: “Mổ nữa đi con, nhớ mổ đừng để cái kim trong bụng người ta nhé” và từ đó tôi bị mắc kẹt tại nhà thương Nguyễn Văn Học ít lâu và đem một số ni chúng vô học y tá.

Kể ra làm việc thiện giúp người có nhiều kỷ niệm khó quên, có ông già trên 60 tuổi, người ta phát hiện ông tự tử, đem vào nhà thương, móng của ông bị mưng mủ. Y tá rửa thương cho ông, ông la mắng, tôi muốn chết tại sao cứu tôi? mấy ngày qua không ai đến thăm, ông thường khóc than kẻ lẻ. Y tá rửa thương ông la dậy trời, mấy cô giận quá bỏ luôn. Tôi đến phòng ông thấy vết thương to quá, nếu không vệ sinh sạch sẽ bị nhiễm trùng. Tôi có đôi lời khuyên ông và ngày mai y tá đến, ông yêu cầu tôi rửa thương. Tôi bị kẹt vào chuyện thầy lay, ông hỏi tôi: “Cô ơi! Tôi có chết không?”. Tôi đáp: “Ông tự tử mà sợ chết sao?”.

Cũng có bệnh nhân té cây, sườn bị chấn thương nặng, mỗi lần rửa cũng la om sòm, bác sĩ nhờ tôi giúp thêm khâu đó. Kể ra một già, một trẻ này, cũng biết nghe, mỗi lần tôi rửa thương đều gồng mình chịu đựng. Có một hôm tôi bệnh không đến nhà thương, y tá thay bằng họ trẻ chúng không cho, cứ gọi mãi ni cô ơi. Họ la mết rồi nghỉ, khỏe tiếp tục la suốt đêm. Các em sinh viên thực tập khuyên mãi cũng

không nghe, dọa cũng không sợ, bực mình mấy em lấy nước đá, bỏ vào miệng hai người, thật là buồn cười, hai quái nhân bị nước đá trám miệng lạnh quá, la không nổi.

Những việc vui buồn, vừa tu học, vừa mắc nợ chúng sanh như tôi kể biết bao giờ hết và khi tôi vào bệnh viện quở hai người: Nếu hai người không tuân quy luật, tôi không trị bệnh quý vị nữa. Bệnh viện thính thoảng xảy ra chuyện tự tử không phải những người ấy cứng rắn mà vì quá mềm yếu! Ai cũng ham sống sợ chết, nhưng một phút nông nổi là tìm đến giải quyết cuộc đời bằng những viên thuốc ngủ, ngộ là xong. Có người uống thuốc rầy rồi hốt hoảng kêu bà con đến cứu.

Những cảnh đời đau khổ không ai giống ai, nhưng yếu đuối, nông nổi đều giống nhau. Tại sao có những người lại cả gan dám tự tử? Vì sự giáo dục của cha mẹ thương con không giới hạn. Trẻ 3 tuổi cầm cây đánh cha mẹ cũng mỉm cười và khi nó lớn lên, cái tay đôi cha mẹ cũng nhìn. Cha mẹ nhường con được, xã hội khó nhìn được, nó thua trận cuộc đời, làm càn, thiếu suy nghĩ, có người bị cảnh tù tội vì gan quá lớn. Cha mẹ đành chịu cảnh ngộ đau lòng này.

Ngày 15 tháng 04 năm 2011